



TRONG SỐ NÀY SỐ 10, THÁNG 4 NĂM 2026

ĐƯỜNG LỐI – CHÍNH SÁCH

3. LƯƠNG TAM QUANG: Nhận thức, tư duy mới về an ninh trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.
9. LÊ QUANG BỐN: Định hướng phát triển giáo dục đào tạo đại học của Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN PCCC&CNCH

16. NGUYỄN HOÀNG TUẤN: Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.
21. TRƯƠNG VŨ MINH: Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Bình: Lan tỏa phong trào thi đua “Ba nhất: Kỷ luật nhất – Trung thành nhất – Gần dân nhất”.

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

25. HOÀNG XUÂN TRƯỜNG - TRẦN TIẾN NGUYỄN MINH - NGHIÊM MINH QUÂN: Một số vấn đề đặt ra đối với bảo đảm an ninh quốc gia trong quản lý các trường đại học đào tạo liên kết quốc tế tại Việt Nam hiện nay.
32. TRỊNH THẾ TUẤN: Pháp luật về cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và những vấn đề cần chú ý.
36. ĐỖ HÒA - ĐÀO ANH TUẤN: Nghiên cứu xây dựng bộ ký hiệu giao tiếp bằng tay về tình trạng sử dụng mặt nạ phòng độc cách ly.
42. ĐẶNG TUẤN TÚ: Ứng dụng kiến trúc phân lớp và mô hình dữ liệu đa hình trong thiết kế phần mềm quản lý hồ sơ bài giảng điện tử đặc thù tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.
46. PHẠM THU HÀ: Đảm bảo chất lượng công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo chức năng của Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.
50. VŨ ĐỨC HÙNG - NGÔ VĂN ANH: Nghiên cứu, chế tạo tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
55. NGUYỄN VĂN THẮNG - NGUYỄN MINH TÂN: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
61. NGUYỄN THỊ THANH THỦY: Một số điểm mới của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2025.
65. TRẦN VĂN HUỖNH - LÊ THỊ HỒNG HIỆP: Nghiên cứu ảnh hưởng của Graphite trương nở lên tính chất của sơn chống cháy nhằm bảo vệ cho vật liệu gỗ.
70. NGUYỄN THANH TÙNG - VŨ VĂN ĐẠI: Nâng cao hiệu quả công tác thực tế của giảng viên Trường Đại học PHÒNG cháy chữa cháy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.
76. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo cơ bản trong việc hỗ trợ đánh giá thảo luận nhóm đối với học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin tại Trường Đại học PHÒNG cháy chữa cháy.
82. TRẦN KIM KHÁNH: Biện pháp đảm bảo an toàn trên đường khi đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.



TẠP CHÍ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐIỆN TỬ JOURNAL OF FIRE ONLINE

e-ISSN: 3093-3595



INDEX Issue no 10, 4/2026

GUIDELINES – POLICIES

3. LUONG TAM QUANG: New perceptions and thinking on security in the resolution of the 14th party congress.

9. LE QUANG BON: Strategic directions for the development of higher education and training at The University of Fire Prevention And Fighting in response to mission requirements in the new context.

DEVELOPING THE MOVEMENT: "ALL PEOPLE'S PARTICIPATION IN FIRE PREVENTION, FIRE FIGHTING AND RESCUE"

16. NGUYEN HOANG TUAN: Enhancing fire and rescue services in Gia Lai Province in support of sustainable economic development objectives.

21. TRUONG VU MINH: The fire and rescue police division under Ninh Binh provincial Police: Spreading the “Three exemplars: Emulation movement — Strongest in discipline, most loyal, and closest to the people.

RESEACH – EXCHANGE

25. HOANG XUAN TRUONG - TRAN TIEN NGUYEN MINH - NGHIEM MINH QUAN: Issues in ensuring national security in the governance of universities providing international joint training programs in Vietnam.

32. TRINH THE TUAN: Legal regulations on the issuance of road circulation permits for firefighting and rescue vehicles: Issues for consideration.

36. DO HOA - DAO ANH TUAN: A Study on the development of a hand signal system for communicating the usage status of self-contained breathing apparatuses.

42. DANG TUAN TU: Application of layered architecture and polymorphic data models in the design of software for managing specific electronic course files at The University of Fire Prevention and Fighting.

46. PHAM THU HA: Ensuring the quality of training and professional development in fire prevention, firefighting, and rescue in accordance with the functions of The University of Fire Prevention and Fighting.

50. VU DUC HUNG – NGO VAN ANH: Design and fabrication of a storage cabinet for firefighting and rescue protective gear.

55. NGUYEN VĂN THANG - NGUYEN MINH TAN: Improving the effectiveness of state management of fire and rescue by commune-level people’s committees in Hanoi City.

61. NGUYEN THI THANH THUY: Key new provisions of the 2025 Law Amending and supplementing Several Articles of The Law on corruption prevention and control.

65. TRAN VAN HUYNH - LE THI HONG HIEP: A Study on the effects of expandable Graphite on the properties of fire-protective coatings for wood materials.

70. NGUYEN THANH TUNG - VU VAN DAI: Enhancing the effectiveness of practical fieldwork activities for lecturers at The University of Fire Prevention and Fighting to meet political task requirements in the new context.

76. NGUYEN THI LAN HUONG: Application of basic artificial intelligence in supporting the assessment of group discussions in the marxist-leninist political economy course at The University of Fire Prevention and Fighting.

82. TRAN KIM KHANH: Measures for ensuring road safety en route to firefighting and rescue incident scenes.

Ngày nhận bài: 07/02/2026; Ngày thẩm định: 10/4/2026; Ngày duyệt đăng: 17/4/2026.

NHẬN THỨC, TƯ DUY MỚI VỀ AN NINH TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Đại tướng LƯƠNG TAM QUANG

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an

Tóm tắt: Ngày 07/02/2026, tại Hà Nội, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức “Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Tạp chí Phòng cháy và chữa cháy trân trọng giới thiệu toàn văn nội dung chuyên đề “Nhận thức, tư duy mới về an ninh trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng”, do Đại tướng Lương Tam Quang - Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an truyền đạt tại Hội nghị.

Từ khóa: nhận thức, tư duy mới, an ninh, Nghị quyết Đại hội XIV.

Abstract: On February 7, 2026, in Hanoi, the Politburo and the Secretariat of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam held the “National Conference on the Study, Dissemination, Internalization, and Implementation of the Resolution of the 14th National Congress of the Party.”. The Journal of Fire is honored to introduce the full text of the thematic presentation, “New Perceptions and Thinking on Security in the Resolution of the 14th National Congress of the Party,” delivered at the Conference by General Luong Tam Quang, Politburo Member and Minister of Public Security.

Keywords: perceptions, new thinking, security, Resolution of the 14th Party Congress.

Thưa các đồng chí!

Đại hội XIV của Đảng với nhiều điểm mới có tính đột phá, bước ngoặt; đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, đề cao tính hành động, đặc biệt nhấn mạnh khâu tổ chức thực hiện, xác lập những quyết sách mang tính “bệ phóng” để thực hiện thành công hai mục tiêu chiến lược 100 năm của đất nước, hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Tinh thần đổi mới mạnh mẽ và tính hành động quyết liệt của Đại hội, tất cả vì sự trường tồn của dân tộc, sự phát triển của đất nước, nâng cao mọi mặt đời sống của Nhân dân đã khơi dậy trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân khí thế, niềm tin, sự đoàn kết thống nhất, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Trong tổng thể tư duy phát triển mới, tư duy, nhận thức của Đảng về an ninh cũng có nhiều điểm mới mang tính đột phá, cụ thể như sau:

1. Nhận thức, tư duy mới về an ninh quốc gia

Trong bối cảnh tình hình bên ngoài, bên trong gia tăng thách thức đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIV của Đảng lần đầu tiên chính thức xác lập quan điểm an ninh toàn diện, đặt an ninh xuyên suốt mọi lĩnh vực phát triển đất nước. Với an ninh toàn diện là sự tự chủ về chiến lược, lấy phát triển cao về chính trị, kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, con người và đối ngoại làm động lực duy trì sự ổn định đất nước trong kỷ nguyên mới, đồng thời giữ vững môi trường hoà bình, ổn định là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước. An ninh quốc gia trong giai đoạn mới không chỉ là an ninh biên giới, lãnh thổ, mà còn là an ninh chế độ, an ninh cầm quyền, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh dữ liệu, an ninh môi trường, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh con người, an ninh số, an ninh hạt nhân, an ninh truyền dẫn, cáp quang, an ninh vệ tinh và an ninh không gian kinh tế tầm thấp....

Trong đó, an ninh chế độ, an ninh cầm quyền là trọng yếu, bảo vệ sự lãnh đạo và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm việc thực hiện đúng đắn, thành công các chủ trương, mục tiêu chiến lược của Đảng; với yêu cầu cao hơn bảo vệ đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. An ninh văn hoá tư tưởng là đặc biệt quan trọng nhằm tạo thống nhất cao về tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm hành động thực hiện các chủ trương chiến lược của Đảng. An ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực là cơ sở; an ninh mạng, an ninh dữ liệu là trung tâm, là điều kiện tiên quyết để duy trì sức mạnh và sự tồn tại của quốc gia. Tập trung xây dựng bức tường an ninh mạng, hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng Việt Nam, làm chủ công nghệ lõi, tạo nền tảng để khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thật sự là động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng mới. An ninh con người là mục đích, cùng với xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, đảm bảo cho người dân được hạnh phúc và an toàn; tăng cường bảo đảm an ninh các lĩnh vực mới nổi.

“Tự chủ chiến lược về an ninh” là nhận thức, tư duy mới thể hiện xuyên suốt các văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Trong đó, để thực hiện tự chủ chiến lược về an ninh, Đảng ta yêu cầu 05 trụ cột: (i) Chủ động nhận diện, ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm, từ xa các nguy cơ, rủi ro an ninh. (ii) Chủ động chuẩn bị nguồn lực quốc gia, nâng cao khả năng huy động, đáp ứng yêu cầu trong mọi tình huống quốc phòng, an ninh. (iii) Xây dựng và củng cố năng lực tự chủ, tự cường về công nghệ, nhân lực chất lượng cao trong bảo đảm an ninh. Trong đó, “Tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học an ninh, thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại”, “Quan tâm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho lực lượng vũ trang”. (iv) Tạo đột phá về phát triển công nghiệp an ninh tự lực, tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại gắn với tăng cường đầu tư hợp lý nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng nền an ninh hiện đại, vững mạnh, đủ sức bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao. (v) Chăm lo xây dựng thể trận lòng dân, vì “Thế

trận lòng dân vững thì quốc phòng, an ninh vững”; đồng thời “Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại ... an ninh, tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ”. Mở rộng đối ngoại an ninh cân bằng, linh hoạt; kiến tạo mạng lưới đối tác an ninh rộng khắp, các cơ chế đối thoại, hợp tác song phương, đa phương vì hoà bình, hình thành mô hình an ninh tự lực kết hợp liên kết linh hoạt hiệu quả trong phát hiện, đẩy lùi từ xa mọi nguy cơ an ninh, tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

“Lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển nhanh, bền vững” là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt tư duy an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới. Văn kiện nhiều kỳ Đại hội đều nhấn mạnh quan điểm ổn định để phát triển, phát triển để ổn định. So với các kỳ Đại hội trước đây, Đại hội XIV của Đảng có bước phát triển đột phá về tư duy khi lần đầu tiên đưa thành tố “phát triển” lên trước “ổn định”; nội dung “Lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển” được đề cập trong cả bài học kinh nghiệm, quan điểm chỉ đạo và nhiệm vụ, giải pháp. Qua đó, Đảng nhấn mạnh và đòi hỏi các cấp, các ngành phải ưu tiên việc “phát triển” để tiếp tục tạo dựng cơ đồ, tiềm lực, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước; lấy phát triển là phương thức để bảo đảm ổn định lâu dài; phát triển không chỉ là kết quả, mà là cách giữ vững nền tảng quốc gia trong một thời kỳ nhiều biến động. Phát triển tạo nền tảng vật chất cho ổn định; ổn định là điều kiện tiên quyết để phát triển chất lượng cao, phát triển bền vững. Phát triển chính là giải pháp căn cơ, gốc rễ để bảo đảm an ninh bền vững; đồng thời giữ vững an ninh là một trong những động lực quan trọng cho phát triển.

2. Nhận thức, tư duy mới về bảo vệ an ninh quốc gia

Thế giới đang thời kỳ thay đổi có tính thời đại, nhiều bất ổn, nhiều mâu thuẫn và rủi ro đan xen. Cộng đồng quốc tế, trong đó có Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức an ninh lớn nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ làm phát sinh nhiều rủi ro an ninh. Trong nước, ngoài bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra có mặt còn diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch,

phản động, các loại tội phạm sẽ triệt để lợi dụng việc triển khai Nghị quyết Đại hội XIV, các chủ trương chiến lược của Đảng, nhất là những tư duy mới, đột phá để tiến hành hoạt động chống phá. Đất nước càng phát triển, thách thức đối với an ninh càng lớn, yêu cầu bảo vệ an ninh, củng cố ý thức hệ càng cao. Mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2026 - 2030, tạo tiền đề đưa đất nước vượt qua bẫy thu nhập trung bình, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu cũng đặt ra những yêu cầu mới về bảo vệ an ninh quốc gia. Từ đó, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng phát triển nhận thức, tư duy mới về bảo vệ an ninh quốc gia trên các nội hàm sau:

Thứ nhất, về mục tiêu phát triển: Đại hội XIV của Đảng xác định “Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”. Lần đầu tiên thành tố “Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định” được đặt lên trước hết trong mục tiêu phát triển, thể hiện quan điểm mạnh mẽ của Đảng, trong bối cảnh tình hình có nhiều biến động, thách thức, việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, trong đó có giữ vững an ninh quốc gia là điều kiện tiên quyết, là động lực, nguồn lực, nền tảng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu còn lại.

Thứ hai, về mục tiêu quốc phòng, an ninh: Đại hội XIV của Đảng xác định “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ XHCN; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ nền văn hoá, uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng; tăng cường quốc phòng toàn dân, phòng thủ chủ động; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên

trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước”. So với Đại hội XIII của Đảng, “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc” không chỉ được nhấn mạnh trong cả quan điểm chỉ đạo, mục tiêu quốc phòng, an ninh và định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030, mà còn mở rộng yêu cầu “Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc”; đồng thời lần đầu tiên Đảng ta xác định mục tiêu “bảo vệ uy tín, vị thế quốc tế của đất nước”, “phòng thủ chủ động”. Trong bối cảnh tình hình bên ngoài gia tăng khó khăn, thách thức; trong nước triển khai nhiều quyết sách đột phá để phát triển, Đảng yêu cầu phải thống nhất nhận thức, hành động của các cấp, các ngành về “Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc” trong từng bước đi, từng nhiệm vụ cụ thể. Sau 40 năm đổi mới, “uy tín, vị thế quốc tế của đất nước” ngày càng được nâng cao, trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới, đòi hỏi phải triển khai các biện pháp bảo vệ cao nhất. Mục tiêu “phòng thủ chủ động” nhấn mạnh yêu cầu chuyển mạnh từ “phòng thủ bị động” sang “phòng thủ chủ động”, mọi thách thức, nguy cơ an ninh mạng, an ninh dữ liệu phải được nhận diện và hoá giải từ sớm, từ xa; sẵn sàng các biện pháp phòng vệ tương xứng để ngăn ngừa, đẩy lùi các nguy cơ, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thứ ba, về quan điểm: Để thực hiện mục tiêu phát triển đề ra, Đại hội XIV của Đảng xác định 05 quan điểm chỉ đạo đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải thống nhất nhận thức và quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Trong đó, đi liền với bước phát triển lý luận có ý nghĩa lịch sử, tái cấu trúc căn bản tư duy phát triển bền vững khi xác định “bảo vệ môi trường là trung tâm”, Đảng ta đồng thời nhấn mạnh “Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường với củng cố quốc phòng, an ninh”. Việc gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa môi trường với an ninh không chỉ nhằm tạo ra nguồn lực, động lực mới cho phát triển; bảo đảm thống nhất giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, giữa mục tiêu quốc gia với lợi ích chung của nhân loại, vì sự phát triển của các thế hệ tương lai, nâng cao

hạnh phúc của nhân dân, mà còn tạo nền tảng quan trọng để bảo đảm sự phát triển bền vững, ổn định và lâu dài của đất nước.

Đại hội XIV của Đảng xác định “đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” là một trong những quan điểm chỉ đạo (các kỳ Đại hội trước đây xác định đây là nhiệm vụ), khẳng định lập trường chính trị rõ ràng, nhất quán của Đảng kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, với quyết tâm chính trị cao, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả, bền vững hơn, không vì bất cứ khó khăn nào mà “chùn” bước.

Thứ tư, tư duy, phương pháp bảo vệ an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới đó là “an ninh chủ động”, “an ninh bao trùm”, “an ninh kiến tạo” và “kỷ luật thực thi”. Tinh thần “an ninh chủ động” được Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh trên nhiều định hướng lớn như, “Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội...”; “chủ động chuẩn bị nguồn lực...”; “phòng thủ chủ động”. Về “an ninh bao trùm”, xuất phát từ quan điểm của Đảng “phát triển bền vững và tự chủ chiến lược phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ cơ sở, từ nơi xuất phát”, mọi công tác phát triển bền vững và tự chủ chiến lược đều phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia. Đối với “an ninh kiến tạo”, tư duy công tác bảo vệ an ninh, trật tự trong kỷ nguyên mới không chỉ là bảo vệ, phục vụ mà phải kiến tạo phát triển, tạo động lực trực tiếp và thuận lợi cao nhất cho phát triển. Qua công tác bảo vệ an ninh, trật tự, phải chủ động nhận diện, tranh thủ tối đa thời cơ, biến thách thức thành cơ hội cho phát triển đất nước. An ninh, trật tự phải tạo nền tảng cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của Đảng. Về “kỷ luật thực thi”, Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu “Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật, bảo vệ chủ quyền quốc gia”; “Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm, trật tự, kỷ cương xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm công dân, xử lý nghiêm các hành vi

vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, lợi dụng dân chủ chống phá Đảng, Nhà nước, làm mất ổn định chính trị, xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xâm phạm quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Kỷ luật thực thi bảo đảm mọi quyền lợi chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân đều được bảo vệ chặt chẽ, nghiêm ngặt, mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải xử lý nghiêm minh, xây dựng văn hoá thượng tôn pháp luật, tạo nền tảng xây dựng xã hội văn minh, phát triển.

Thứ năm, tư duy của Đảng về xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh; an ninh con người tiếp tục được mở rộng và đặt các yêu cầu cụ thể, cao hơn, thể hiện nhất quán mục tiêu vì con người, “dân là gốc”, mọi đường lối, chính sách của Đảng, trong đó có đường lối, chính sách về an ninh đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Bên cạnh việc tiếp tục nhấn mạnh “xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh”, Đảng xác định “xây dựng xã hội kỷ cương, lành mạnh, văn minh, an ninh, an sinh, an toàn, phát triển”, bổ sung các vấn đề “văn minh, an sinh, phát triển”, đồng thời yêu cầu “Phấn đấu giảm mạnh tội phạm, tiến đến xây dựng xã hội không có tội phạm, không có tai nạn, tệ nạn, không có tiêu cực; thực sự văn minh, hạnh phúc”. Đây là những yêu cầu rất mới, rất cao, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh, mở rộng nội dung an ninh con người “Bảo đảm an ninh con người: Trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm; an toàn cháy nổ; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; xây dựng không gian sống: xanh - sạch - an toàn”. Vấn đề an ninh con người được gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội “Người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu có chất lượng, được khám sức khoẻ miễn phí mỗi năm 1 lần”, “Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, chế độ dinh dưỡng cho người dân, nhất là các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Tăng cường kiểm soát, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Hỗ trợ cho người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động”. Tổng quát

các chủ trương về vấn đề này khẳng định rõ nét quan điểm của Đảng, lấy an ninh con người là mục tiêu của an ninh quốc gia; mục tiêu cơ bản của an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới là bảo vệ nhân dân, vì nhân dân và dựa vào nhân dân.

Thứ sáu, tư duy về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại tiếp tục có bước phát triển khi Đại hội XIV nhấn mạnh “kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại để phát huy sức mạnh mềm Việt Nam góp phần tạo thế và lực mới cho đất nước”. Như vậy, so với các kỳ Đại hội trước đây chỉ yêu cầu “kết hợp chặt chẽ”, “kết hợp hiệu quả”; trong giai đoạn cách mạng mới, để góp phần thực hiện thắng lợi 02 mục tiêu chiến lược 100 năm, Đảng yêu cầu việc “kết hợp” phải phát huy cao nhất sức mạnh mềm Việt Nam - truyền thống dân tộc, bản sắc văn hoá, vị thế, uy tín đất nước để tạo ra thế và lực mới cho phát triển của đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ bảy, về tư duy xây dựng lực lượng Công an nhân dân: Đại hội XIV của Đảng định hướng “Xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; bảo đảm sức chiến đấu cao, làm nòng cốt trong sự nghiệp an ninh”. Trong bối cảnh cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, xây dựng Công an nhân dân hiện đại là nội dung quan trọng để thực hiện tự chủ chiến lược về an ninh; đồng thời cũng là nội dung tiếp nối, hoàn thành thực hiện lộ trình mà Đại hội XIII đã đề ra về “phấn đấu năm 2030, xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Bên cạnh việc tiếp tục nhấn mạnh xây dựng lực lượng Công an “tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng” và nguyên tắc “Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc”, Đại hội XIV yêu cầu “Giữ vững và phát huy truyền thống Công an nhân dân “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”; đây chính là cội

nguồn sức mạnh để Công an nhân dân hoàn thành trách nhiệm vẻ vang mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó trong kỷ nguyên mới.

Cùng với xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Đảng ta yêu cầu “Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh”, thật sự là “cánh tay nối dài” của lực lượng Công an trong bảo vệ, phục vụ nhân dân. Đồng thời, Đại hội XIV lần đầu tiên xác lập vị trí, vai trò của “cực công an nhân dân” và nhấn mạnh “Phát huy vai trò của cực công an nhân dân trong giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ, phát huy bản chất, truyền thống “người công an cách mệnh”. Đây là tư duy mới của Đảng nhằm huy động cao nhất sức mạnh, nhất là trí tuệ, kinh nghiệm, bản lĩnh của đội ngũ “cực công an nhân dân” trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tám, tư duy mới của Đảng về phát triển công nghiệp an ninh và tiềm lực an ninh: Đại hội XIV của Đảng xác định “Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại”. So với các kỳ Đại hội trước đây, lần đầu tiên công nghiệp an ninh có vị thế độc lập so với công nghiệp quốc phòng, đồng thời Đảng nhấn mạnh yêu cầu đột phá phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, vừa là điều kiện quan trọng để thực hiện tự chủ chiến lược về an ninh, vừa góp phần tích cực trong phát triển bền vững, chất lượng cao của đất nước và nâng cao tiềm lực, sức mạnh quốc gia.

Đại hội XIV nhấn mạnh “Bảo đảm về mọi mặt để giữ vững ổn định chính trị, xã hội, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố; ứng phó kịp thời, hiệu quả thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống”. Đây là yêu cầu rất cao và toàn diện; “Bảo đảm về mọi mặt” là sự chủ động, bảo đảm về chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh, niềm tin, thống nhất ý chí, nhận thức và hành động cho đến sự chuẩn bị kỹ lưỡng về thế trận, phương án, nhân lực, nguồn lực, tiềm lực và mọi điều kiện cần thiết khác để chủ động ứng phó hiệu quả với mọi vấn đề an ninh.

Thứ chín, tư duy mới về phát triển lý luận an ninh: Tiếp theo bước phát triển tư duy về lý luận an ninh tại Đại hội XIII của Đảng, Đại hội XIV nhấn

mạnh “Chú trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung phát triển lý luận an ninh, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới”. Đi đôi với nhấn mạnh “Chú trọng tổng kết thực tiễn”, lần đầu tiên vấn đề “bảo đảm trật tự an toàn xã hội” được nâng tầm nghệ thuật, đặt ra yêu cầu cao về tổng kết thực tiễn bảo vệ an ninh quốc gia, nhất là những vấn đề mới, lĩnh vực mới để hình thành lý luận soi đường, góp phần giữ vững an ninh trên mọi lĩnh vực, trong mọi tình huống. Qua nhiều năm liên tục kéo giảm tội phạm và những đổi mới có tính đột phá trong phương pháp quản lý, quản trị nhà nước về an ninh, trật tự, biện pháp, đối sách bảo đảm trật tự an toàn xã hội cần được nâng tầm nghệ thuật góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, văn minh, phát triển, không để các vấn đề trật tự, an toàn xã hội chuyển hoá thành vấn đề an ninh quốc gia, tạo cơ sở xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa vào năm 2045.

3. Nhiệm vụ, giải pháp triển khai nhận thức, tư duy mới về an ninh và bảo vệ an ninh quốc gia

Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ rõ “chủ thể, lộ trình, nguồn lực, đích đến” để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV. Trong đó, Chương trình hành động xác định 09 nhóm nhiệm vụ triển khai các quan điểm, chủ trương về an ninh sau đây: (i) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế an ninh. Thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các quan điểm, đường lối của Đảng về an ninh nhân dân; rà soát, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả các cam kết, thoả thuận quốc tế trên lĩnh vực an ninh. Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai và các đảo tiền tiêu khác. (ii) Xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tiến tới xây dựng nền an ninh hiện đại gắn với phát triển công nghiệp an ninh. (iii) Tăng cường xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng

thể trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. (iv) Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống. (v) Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực an ninh. (vi) Xây dựng công nghiệp an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. (vii) Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển. (viii) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực an ninh. (ix) Tăng cường, mở rộng tiềm lực đối ngoại an ninh. Đồng thời, Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định rõ 28 nhiệm vụ an ninh.

Thưa các đồng chí!

Dưới ánh sáng soi đường của Đảng, với tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai”, với quyết tâm gấp mười lần và hành động gấp trăm lần, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV, hoàn thành lời hứa trước lịch sử, trước nhân dân, hoàn thành tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đến năm 2045 xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Hà Nội.
2. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 07/02/2026; Ngày thẩm định: 10/4/2026; Ngày duyệt đăng: 17/4/2026.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trung tướng, PGS, TS LÊ QUANG BỐN

Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Lê Quang Bốn (Email: Mrfour@gmail.com)

Tóm tắt: Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC) - Bộ Công an là cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, có sứ mạng là đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng kiến thức, huấn luyện chuyên sâu nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) góp phần đảm bảo an ninh trật tự, phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Bài viết đưa ra những định hướng phát triển giáo dục đào tạo đại học của Trường Đại học PCCC để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ khóa: định hướng, phát triển, đào tạo, đại học, yêu cầu, nhiệm vụ, tình hình mới.

Abstract: The University of Fire Prevention and Fighting - Ministry of Public Security is a higher education institution in Vietnam with the mission of training high-quality human resources, fostering knowledge, providing in-depth professional training, conducting scientific research, applying and transferring technology, and cooperating internationally in the field of fire and rescue, contributing to ensuring security and order, economic and social development, and international integration of the country. This article outlines the development directions for higher education and training at the University of Fire Prevention and Fighting to meet the requirements of tasks in the new context.

Keywords: strategic directions, training, university, requirements, tasks, new context.

Trường Đại học PCCC - Bộ Công an là cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, có sứ mạng là đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng kiến thức, huấn luyện chuyên sâu nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực PCCC&CNCH góp phần đảm bảo an ninh trật tự, phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Với tầm nhìn trong tương lai, xây dựng Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy thành cơ sở giáo dục đại học đầu ngành ở Việt Nam, định hướng trở thành Học viện, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng kiến thức, huấn

luyện chuyên sâu trong lĩnh vực PCCC&CNCH đối với các lực lượng trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân (CAND) cũng như cộng đồng xã hội; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế có uy tín về lĩnh vực PCCC&CNCH trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới; là trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm khoa học, đổi mới sáng tạo lĩnh vực PCCC&CNCH bảo đảm mục tiêu phục vụ phát triển công nghiệp an ninh theo định hướng của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an.

Thực hiện Quyết định số 203/1999/QĐ-TTg, ngày 15/8/2000, Trường Đại học PCCC đã tổ chức

chiêu sinh nhập học khóa D16 - khóa đầu tiên đào tạo trình độ Đại học ngành PCCC. Sau 25 năm đào tạo trình độ đại học, mặc dù trong điều kiện thiếu thốn (còn nhiều khó khăn, hạn chế) về kinh phí, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giáo (giảng) viên và các điều kiện (bảo đảm khác) đi kèm, song, nhà trường đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo đại học; luôn khẳng định được vị thế của mình trong nền giáo dục đại học Việt Nam nói chung, các học viện, trường CAND nói riêng. Những kết quả nổi bật, tiêu biểu trong công tác đào tạo đại học của nhà trường được thể hiện trên những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, công tác đào tạo luôn được xác định là nhiệm vụ trung tâm, quan trọng hàng đầu trong tất cả các năm học. Mục tiêu đào tạo đã được xác định phù hợp với sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ của trường trong từng giai đoạn lịch sử. Các mặt công tác đào tạo đại học đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc trên cơ sở Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện tốt phương châm đào tạo là: “lý luận gắn liền với thực tiễn”; “học đi đôi với hành”. Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm. Chú trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, thao tác thực hành; giảng dạy theo tình huống nghiệp vụ; sử dụng giáo án điện tử; sử dụng giáo cụ trực quan trong giảng dạy. Tăng cường mời báo cáo thực tế, tổ chức thực hành các môn học nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức cho học viên đi thực tế chính trị tại địa phương, thực tế môn học, thực tập tốt nghiệp tại Công an các đơn vị, địa phương.

Hai là, các loại hình, trình độ và đối tượng đào tạo đại học từng bước được mở rộng, đa dạng hóa. Từ năm 2000, nhà trường tổ chức đào tạo trình độ đại học trong ngành Công an và đến năm 2008 tổ chức đào tạo đại học hệ ngoài ngành Công an (Dân sự); đến năm 2011 tổ chức đào tạo trình độ Thạc sỹ; năm 2018 triển khai đào tạo trình độ Tiến sỹ. Qua 25 năm đào tạo đại học, Trường Đại học PCCC đã không ngừng phát triển, trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực PCCC&CNCH trình độ cao đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tính

đến nay, nhà trường đã và đang đào tạo 12.566 học viên, trong đó: 25 khóa đại học chính quy với 4.119 học viên, 18 khóa đại học dân sự với 1.215 học viên, 19 khóa đại học vừa làm vừa học Công an với 2.128 học viên, 03 khóa đại học vừa làm vừa học hệ dân sự với 91 học viên, 11 khóa hoàn chỉnh kiến thức với 650 học viên, 16 khóa liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy Công an với 2.805 học viên, 02 khóa liên thông từ trung cấp lên đại học hệ dân sự với 71 học viên, 17 khóa đại học cấp bằng đại học thứ hai hệ Công an với 927 học viên, 12 khóa đại học cấp bằng đại học thứ hai hệ dân sự với 560 học viên.

Ba là, công tác tuyển sinh, chiêu sinh các hệ học, bậc học hàng năm được thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an. Trải qua nhiều giai đoạn, với sự thay đổi về chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh nhưng điểm trúng tuyển đại học chính quy của nhà trường luôn ở mức cao và nằm trong nhóm những trường có điểm trúng tuyển cao nhất cả nước, khẳng định chất lượng nguồn tuyển sinh và uy tín của nhà trường. Phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên không ngừng được cải tiến theo hướng chú trọng hơn về kỹ năng thực hành nghề nghiệp, khả năng nắm bắt, phân tích tình hình và giải quyết các vấn đề thực tiễn về PCCC&CNCH. Từ năm 2011 đến nay, nhà trường đã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định chuẩn đầu ra đối với học viên hệ Đại học chính quy trong và ngoài ngành Công an trên các nội dung: Tiếng Anh, Tin học, Bắn súng, Võ thuật, Lái xe,... Đây là bước chuyển mạnh mẽ để nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học của học viên đại học đáp ứng yêu cầu công tác Công an trong thời kỳ hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Bốn là, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần/môn học, giáo trình, tài liệu đào tạo thường xuyên được rà soát, chỉnh lý, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác chiến đấu của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Nội dung các chương trình đào tạo đại học ngày càng được chuẩn hóa, hiện đại hóa, thường xuyên được cập nhật, đổi mới, đảm bảo tính khoa học, kịp thời quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của

Nhà nước, Nghị quyết, Chỉ thị và quan điểm lý luận nghiệp vụ của ngành Công an vào nội dung dạy học. Về kết quả nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học, nhà trường đã nghiên cứu thành công 04 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 70 đề tài khoa học và dự án cấp Bộ, 166 đề tài khoa học cấp Cơ sở; nghiên cứu 730 chuyên đề, sáng kiến cải tiến phục vụ công tác giáo dục đào tạo.

Năm là, công tác xây dựng lịch trình, kế hoạch đào tạo ngày càng chính quy, nền nếp và mang tính khoa học cao. Việc phân công, phân cấp và cơ chế phối hợp trong quản lý đào tạo đại học được triển khai có hiệu quả. Phong trào dạy giỏi ngày càng phát triển về quy mô, nâng cao về chất lượng, đa dạng, phong phú về hình thức. Hàng năm, nhà trường đã triển khai, duy trì việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên qua hình thức hội giảng ở cấp Khoa, cấp Trường và tích cực tham gia hội giảng cấp Bộ. Hoạt động dạy giỏi được tổ chức 02 lần/năm đã trở thành phong trào sôi nổi, thu hút sự tham gia đông đảo của cán bộ, giảng viên, học viên trong toàn trường. Đây là cơ hội để các giảng viên thể hiện phương pháp, khả năng sư phạm của mình, tuyên truyền các phương pháp giảng dạy tích cực, tiên tiến, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng công tác đào tạo đại học của nhà trường. Từ năm 2006 đến nay, nhà trường đã có 1.485 lượt giảng viên tham gia dạy giỏi các cấp, trong đó: 75 giảng viên dạy giỏi cấp Bộ, 240 giảng viên dạy giỏi cấp Trường, 571 bài dạy giỏi cấp Trường, 461 bài dạy giỏi cấp Khoa, 520 giờ dạy giỏi.

Sáu là, mở rộng quan hệ phối hợp, liên kết về đào tạo, bồi dưỡng với Công an các đơn vị, địa phương và hợp tác quốc tế. Trong 25 năm qua, tổng số học viên được đào tạo theo hình thức liên kết với Công an địa phương là 2.865 học viên. Hiện nay, đã có 10 Công an địa phương liên kết đào tạo với trường để mở lớp đại học vừa làm vừa học, 05 đơn vị địa phương liên kết đào tạo với trường để mở các lớp bằng đại học thứ 2. Trường đã đào tạo đại học chính quy cho Bộ Quốc phòng 48 học viên, Bộ Công an Lào 118 học viên, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia 55 học viên. Nhà trường cũng đã duy trì tốt quan hệ hợp

tác, cử cán bộ đi đào tạo đại học và trên đại học về PCCC&CNCH tại Học viện Phòng cháy chữa cháy, Học viện Phòng vệ dân sự của Liên bang Nga, Trường Đại học Đào tạo cán bộ chỉ huy Bộ Tình trạng khẩn cấp nước Cộng hòa Belarus,... với 47 Nghiên Cứu sinh (đã có 42 đồng chí bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ), 08 Thạc sỹ, 67 đại học (hiện nay có 23 học viên đang học đại học). Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên, công tác đào tạo đại học của nhà trường vẫn còn gặp những khó khăn, hạn chế nhất định. Quy mô đào tạo của nhà trường hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu bồi dưỡng cán bộ cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học còn dàn trải, ngành học còn hạn chế. Năng lực tin học, ngoại ngữ của học viên chưa đảm bảo yêu cầu công tác trong kỷ nguyên số của dân tộc. Phương pháp giảng dạy tuy đã có sự đổi mới nhưng chưa đồng bộ ở tất cả các giảng viên. Đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng quy mô đào tạo, chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học nhất là trình độ Tiến sỹ, chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư còn chưa nhiều. Công tác nghiên cứu khoa học, phát triển lý luận chưa đáp ứng đầy đủ thực tiễn công tác chiến đấu của lực lượng.

Nguyên nhân của tình hình trên, ngoài những yếu tố khách quan, về mặt chủ quan là do đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục còn thiếu, chưa đồng bộ, trình độ, năng lực nhìn chung còn hạn chế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý hoạt động giáo dục đào tạo của cấp ủy, lãnh đạo một số đơn vị chưa hiệu quả; sự năng động và quan hệ phối hợp giữa các đơn vị, cá nhân trong tổ chức hoạt động giáo dục đào tạo còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ.... Thực tế đó đòi hỏi nhà trường phải tiếp tục đổi mới để phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng những yêu cầu mới của Ngành và của đất nước đối với công tác đào tạo đại học.

Bên cạnh đó, bối cảnh tình hình chính trị, an ninh thế giới và khu vực hiện nay đang có nhiều biến động phức tạp, nhanh chóng, khó lường; các thế lực thù địch không ngừng chống phá Đảng, Nhà nước ta, đặt ra nhiều yêu cầu mới cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự nói chung và giáo dục, đào tạo trong

CAND nói riêng; các vấn đề về an ninh truyền thông và an ninh phi truyền thông tiếp tục gia tăng, trong khi tình hình cháy, nổ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường nhất là khi tình hình kinh tế, xã hội phát triển mạnh, tốc độ đô thị hóa, hiện đại hoá ngày càng nhanh, số lượng các công trình đa chức năng kết hợp giữa nhà cao tầng và tầng hầm được xây dựng mới ngày càng nhiều. Đồng thời, tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đang tiếp tục đặt ra những vấn đề mới trong công tác PCCC&CNCH. Hiện nay, đối với những vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản như: đám cháy nhà cao tầng, siêu cao tầng; cháy ở tầng hầm, công trình ngầm quy mô lớn; cháy cơ sở sản xuất, sử dụng và bảo quản hoá chất; cháy phương tiện trên sông, trên biển.... Vì vậy, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH gặp nhiều khó khăn trong quá trình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Chính vì vậy, việc xác định mục tiêu và định hướng trong công tác giáo dục đào tạo cán bộ PCCC&CNCH cần được quan tâm hơn bao giờ hết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn chiến đấu của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong tình hình mới.

Đặc biệt, triển khai tinh thần Đại hội XIII, ngày 16/3/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Với 04 quan điểm chỉ đạo, 07 nhiệm vụ giải pháp trọng tâm, Nghị quyết số 12-NQ/TW thực sự là một nghị quyết quan trọng, toàn diện và mang tính chiến lược nhằm xây dựng lực lượng CAND thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ sức để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để góp phần đưa nước ta ngày càng phát triển; vững niềm tin - tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào tiên kỹ nguyên phát triển mới của dân tộc. Điều này đòi hỏi Trường Đại học PCCC phải tiếp tục đổi mới sáng tạo nhằm xây dựng nhà trường sớm trở thành cơ sở giáo dục đạt chuẩn, đóng góp lớn vào công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao CAND và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đáp ứng

được yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Để tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, trên cơ sở bám sát các Nghị quyết của Trung ương, Chỉ thị của Bộ Công an về đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục và đào tạo trong CAND, cần thiết phải xây dựng, triển khai thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy tới năm 2030, tầm nhìn năm 2045 nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo góp phần xây dựng lực lượng CAND và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Với yêu cầu trên, nhà trường xác định mục tiêu tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học PCCC đến năm 2045 trở thành: (1) Cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng, đạt chuẩn quốc gia gắn với đặc thù cơ sở đào tạo trong CAND, thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng chức danh, bồi dưỡng nâng cao cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo chỉ huy trong CAND. (2) Trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu chuyên sâu trong lĩnh vực PCCC&CNCH của lực lượng CAND. (3) Đơn vị chủ lực trong nghiên cứu, tổng kết, xây dựng và phát triển lý luận nghiệp vụ trong lĩnh vực PCCC&CNCH.

Để thực hiện được mục tiêu trên và cũng là cơ sở để nhà trường nâng cao chất lượng trong tổ chức đào tạo các trình độ, đặc biệt đào tạo đại học, nhà trường cần triển khai một số nhóm nhiệm vụ và giải pháp sau:

Một là, chú trọng xây dựng, phát triển nguồn nhân lực

Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, có cơ cấu hợp lý. Xây dựng lộ trình, phương án bổ sung đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục từ nay đến năm 2030. Xây dựng quy hoạch, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên đến năm 2030, trọng tâm là phát triển đội ngũ cán bộ kế cận, các nhà khoa học chủ chốt, cán bộ nghiên cứu chuyên trách và chuyên gia trên một số lĩnh vực.

Tập trung phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trẻ có năng lực nghiên cứu khoa học, có năng lực nổi trội và thực sự tiêu biểu trong công tác chuyên môn để bồi dưỡng nguồn cán bộ kế cận, xây dựng, phát triển đội ngũ các nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư trước 45 tuổi; bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy theo phương pháp hiện đại, năng lực nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và năng lực, kinh nghiệm thực tiễn công tác chiến đấu của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Xây dựng và thực hiện chính sách nhằm thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao vào các vị trí công tác mà các trường CAND có nhu cầu cấp thiết; khuyến khích, thu hút các học viên giỏi, xuất sắc, những cán bộ có học hàm, học vị cao tuyển chọn vào các học viện, trường CAND làm công tác giảng dạy, nghiên cứu.

Hai là, đổi mới chương trình đào tạo và công tác tổ chức, quản lý đào tạo, bồi dưỡng

Đổi mới mục tiêu, chuẩn đầu ra theo quy định của Khung năng lực trình độ quốc gia, khung tiêu chuẩn, tiêu chí bố trí cán bộ 03 cấp Công an và đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng CAND nói chung và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng trong tình hình mới.

Đổi mới chương trình đào tạo ở các trình độ đại học và trên đại học theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bám sát danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an; đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đến năm 2030 và yêu cầu bố trí, sử dụng cán bộ Công an trong tình hình mới; đồng thời cập nhật thực tiễn công tác đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng CAND. Đổi mới các chương trình bồi dưỡng theo hướng cập nhật nội dung đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tiễn chiến đấu của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng chuyển đổi phương thức đào tạo các loại hình đào tạo từ tín chỉ sang đào tạo theo niên chế đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với đặc thù đào tạo trong CAND. Kết hợp phương thức đào tạo trực tiếp truyền

thống với phương thức đào tạo trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nhu cầu học tập mọi lúc, mọi nơi.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chú trọng phát triển năng lực toàn diện của người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới và năng lực thực tiễn của học viên.

Đổi mới quản lý hoạt động đào tạo theo hướng: (1) Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các khoa giảng dạy. (2) Tăng cường sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động (Công an đơn vị, địa phương) trong việc sơ kết, rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh hoặc xây dựng mới hệ thống ngành đào tạo; xây dựng chương trình, xây dựng danh mục hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án, biên soạn tài liệu dạy học, tổ chức thực tế, thực tập cho học viên.

Ba là, phát triển năng lực khoa học và công nghệ

Điều chỉnh, xây dựng mới hệ thống các văn bản quản lý trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn bản liên quan đến tài chính phục vụ công tác khoa học và công nghệ theo hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, phân công, phân cấp hợp lý, đổi mới quy trình, thủ tục quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khoa học và công nghệ.

Xây dựng cơ chế, chính sách tôn vinh, đãi ngộ, khuyến khích đối với đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của nhà trường. Có chính sách thu hút đội ngũ các nhà khoa học trong CAND, nhất là đội ngũ nhà khoa học chuyên môn cao đã nghỉ hưu tham gia hoạt động khoa học và công nghệ của trường.

Thành lập các nhóm nghiên cứu khoa học chuyên sâu, mạnh và xây dựng cơ chế chính sách, thu hút để các nhóm nghiên cứu tham gia giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu theo yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ của trường, của ngành và lực lượng theo yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Xây dựng định hướng nghiên cứu có tầm nhìn chiến lược dài hạn, trung hạn song song với các nhiệm vụ giải quyết yêu cầu cấp bách; ưu tiên, đẩy mạnh nghiên cứu các đề tài, chuyên đề lý luận nhằm bổ sung, phát triển lý luận nghiệp vụ, nhất là những vấn đề lý luận mới.

Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ gắn với thực hiện quy chế phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương, các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học trong tổ chức nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Khai thác hiệu quả các chương trình, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ từ Hội đồng Lý luận Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Khoa học và Công nghệ các địa phương để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của trường.

Bốn là, tăng cường hợp tác quốc tế

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình, thủ tục hướng dẫn nghiệp vụ hợp tác quốc tế trong trường; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chiến lược phát triển hợp tác quốc tế của nhà trường; tổ chức bộ máy, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ về giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với một số nhóm, trung tâm nghiên cứu tiên tiến của thế giới; mở rộng hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Thúc đẩy quan hệ hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với một số cơ sở giáo dục quốc tế chiến lược và truyền thống như: Bộ Tình trạng khẩn cấp Liên bang Nga, Đại học Vũ Cảnh Trung Quốc, Đại học Cảnh sát Quốc gia Hàn Quốc; xây dựng chương trình và đề xuất lựa chọn đối tác triển khai các chương trình hợp tác đào tạo: chương trình đào tạo chất lượng cao, đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh; Tổ chức, tham gia một số hội thảo, khoa học quốc tế, giao lưu khoa học công nghệ, xuất bản quốc tế...

Năm là, nâng cao hiệu quả công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo

Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định, quy trình, biểu mẫu về công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nâng cao hiệu quả xây dựng, sử dụng và đánh giá chất lượng ngân hàng câu hỏi thi. Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học

tập phù hợp với hình thức, phương pháp thi từng học phần/môn học. Đổi mới hình thức phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phải gắn với chuẩn đầu ra của học phần/môn học và chương trình đào tạo.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an. Thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí do trường xây dựng trên một số lĩnh vực trọng tâm phù hợp với tiêu chuẩn, tiêu chí trong CAND và đặc thù của Trường Đại học PCCC bảo đảm khoa học, khách quan, công bằng. Thực hiện có hiệu quả hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của trường theo chu trình PDCA (Plan: Lập kế hoạch; Do: Thực hiện; Check: Kiểm tra; Act: Cải tiến). Chủ động xây dựng kế hoạch cải tiến sau kiểm định chất lượng giáo dục. Tiếp tục xây dựng văn hóa chất lượng trở thành mục tiêu, động lực phát triển của nhà trường. Triển khai toàn diện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giáo dục, đào tạo của trường theo quy định, trong đó, chú trọng hoạt động lấy ý kiến phản hồi đối với Công an các đơn vị, địa phương và đơn vị sử dụng học viên tốt nghiệp ra trường với hoạt động giáo dục, đào tạo của nhà trường.

Đổi mới, sáng tạo trong tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục, đào tạo của trường. Chú trọng rà soát, đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo theo định kỳ đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất, công nghệ thông tin, đặc biệt tiến tới sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong kiểm tra, giám sát thi.

Sáu là, tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ giáo dục đào tạo

Kiểm tra, rà soát, đánh giá toàn bộ thực trạng cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo các trình độ; tổ chức các hoạt động tham khảo, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm huấn luyện trong nước và khu vực, từ đó đối chiếu với các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia để xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng mục tiêu phát triển của nhà trường trong giai đoạn mới.

Nâng cao công tác quản lý, sử dụng hợp lý, có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của nhà trường; hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng cơ sở vật chất để có giải pháp bảo dưỡng, sửa chữa, chống xuống cấp công trình, thay thế, nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị trong trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm duy trì chất lượng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Khai thác tối đa các nguồn lực, tích cực huy động các nguồn kinh phí hợp lý để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang cấp thiết bị như: nguồn đầu tư phát triển, nguồn thường xuyên, nguồn đối ứng.... Quản lý có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài chính được cấp theo quy định của Nhà nước và Bộ Công an. Xây dựng cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, định mức riêng về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập và làm việc, trang thiết bị phục vụ huấn luyện thực hành nghiệp vụ để tạo động lực phát triển xây dựng lực lượng CAND nói chung và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.

2. Bộ Công an (2021), *Kế hoạch số 203/KH-BCA ngày 12/5/2021 về nghiên cứu xây dựng lực lượng CAND đến 2030 cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 27/3/2026; Ngày thẩm định: 10/4/2026; Ngày duyệt đăng: 17/4/2026.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GÓP PHẦN THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Thượng tá NGUYỄN HOÀNG TUẤN

Trưởng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoàng Tuấn (Email: nguyenhoangtuan190574@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) trên địa bàn tỉnh Gia Lai; chỉ ra kết quả đạt được, những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân, từ đó xác định các biện pháp cần tập trung giải quyết góp phần bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Gia Lai thời gian tới.

Từ khóa: phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tỉnh Gia Lai.

Abstract: This article examines the current fire and rescue operations in Gia Lai Province, highlighting key achievements, existing limitations and shortcomings, and their underlying causes. On that basis, it proposes priority measures to strengthen fire safety across the province.

Keywords: fire and rescue; Fire and Rescue Police; Gia Lai province.

1. Tháng 7/2025, Bình Định và Gia Lai chính thức sáp nhập, hình thành “siêu tỉnh” Gia Lai, với diện tích hơn 21.500km², dân số trên 3,5 triệu người. Trung tâm hành chính đặt tại Quy Nhơn, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình phát triển vùng Duyên hải miền Trung – Tây Nguyên. Mô hình kinh tế tổng hợp của tỉnh mới kết hợp trọn vẹn “rừng vàng – biển bạc”: vùng phía Tây tỉnh sẽ tập trung phát triển vùng nguyên liệu lớn, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến tiên tiến; phía Đông sẽ ưu tiên công nghiệp biển, đô thị biển, du lịch và năng lượng tái tạo. Để đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế bền vững thì công tác PCCC&CNCH cũng cần đặc biệt quan tâm. Sau khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp, địa bàn quản lý rộng, công tác nắm tình hình, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra những yêu cầu cao hơn về tính chủ động, sâu sát và hiệu quả

trong quản lý, điều hành; cùng với thời điểm triển khai Luật PCCC&CNCH, số lượng cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC&CNCH thay đổi, đa dạng về lĩnh vực, đối tượng quản lý; tình trạng cơ sở còn tồn tại về PCCC chưa được khắc phục đảm bảo; nhà ở đơn lẻ chuyển đổi mục đích sang sản xuất, kinh doanh, tàng trữ với lượng lớn hàng hóa là chất dễ cháy, nổ đang diễn ra gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về PCCC. Ngoài ra, tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường, mưa bão tác động và gây thiệt hại lớn về người và tài sản; sự cố, tai nạn, nhất là tai nạn giao thông gây tác động tới tính mạng và sức khỏe người dân vẫn còn xảy ra. Những vấn đề trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến các mặt công tác và triển khai các biện pháp nghiệp vụ đảm bảo an toàn PCCC&CNCH. Trong năm 2025, trên địa bàn tỉnh Gia Lai xảy ra 36 vụ cháy (trong đó: nhà ở đơn lẻ 08

vụ; nhà ở kết hợp kinh doanh 04 vụ; phương tiện giao thông 09 vụ, kho, cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh khác 04 vụ, chợ 01 vụ, rừng 01 vụ và loại hình khác 09 vụ), làm chết 02 người, bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản khoảng 32 tỷ 750 triệu đồng và 1,35 ha rừng. Ngoài ra, trên địa bàn đã xảy ra 02 vụ nổ, 37 sự cố, tai nạn....[3]

2. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo đảm an ninh, an toàn cũng như mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, thực hiện trách nhiệm được giao, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Công an tỉnh, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đã trình Ban Giám đốc tham mưu Tỉnh ủy ban hành 01 báo cáo, UBND tỉnh ban hành 15 văn bản, Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh ban hành 02 văn bản về tăng cường công tác PCCC&CNCH. Cùng với đó, đã tham mưu Đảng ủy Công an tỉnh ban hành 07 văn bản, Giám đốc Công an tỉnh ban hành 02 Quyết định, 81 Công văn, 51 Kế hoạch, 01 Tờ trình và 38 báo cáo kết quả triển khai chuyên đề, các mặt công tác về PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng hệ thống truyền tin, báo sự cố phòng cháy, chữa cháy”; thực hiện phân công, phân cấp công tác PCCC&CNCH sau khi kết thúc hoạt động Công an cấp huyện; triển khai Luật PCCC&CNCH, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; Đề án kéo giảm cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; Quyết định phân cấp nhiệm vụ công tác PCCC&CNCH trong Công an tỉnh Gia Lai; triển khai Trung tâm giáo dục cộng đồng về PCCC và CNCH.... Tham mưu Ban Tổ chức thành công Hội thi Thể thao Nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2025 - Vòng thi thứ nhất. Riêng trong năm 2025, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai đã trực tiếp ban hành trên 1.200 văn bản triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn Công an các địa phương, các Đội công tác trực thuộc. Tham mưu tổ chức Hội nghị Quán triệt, phổ biến Luật PCCC&CNCH và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành đối với các sở, ngành, UBND cấp xã với 151 người tham dự; tập huấn chuyên sâu đối với Trưởng Công an cấp xã, Phó Trưởng Công an cấp xã, cán bộ phân công phụ trách,

dự kiến phân công phụ trách thực hiện công tác tham mưu UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH với 283 đồng chí tham dự.

Mặt khác, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, cụ thể như: Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án số 08/ĐA-BCA ngày 05/5/2025 của Bộ Công an về kéo giảm cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân và nhất là Đề án Xây dựng hệ thống truyền tin, báo sự cố PCCC. Ngoài việc tham mưu Ban Giám đốc ban hành các Kế hoạch, thì lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đến các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC việc lắp đặt hệ thống truyền tin, báo sự cố PCCC; rà soát và hoàn thiện danh sách các cơ sở và đối tượng phải trang bị thiết bị truyền tin báo cháy. Tập trung hướng dẫn các cơ sở thuộc Phụ lục I Nghị định số 105/2025/NĐ-CP khai báo, cập nhật cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH, đến nay có 14.649/14.649 tài khoản hoàn thành việc khai báo (đạt 100%, vượt tiến độ trước 01 tháng so với kế hoạch của Bộ) hoàn thành 100% việc thu thập dữ liệu về nguồn nước phục vụ chữa cháy; khảo sát và lắp đặt thiết bị GPS trên 14 xe chữa cháy, 02 xe CNCH [3].

Công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào Toàn dân PCCC&CNCH đã đặc biệt được quan tâm. Thời gian qua đã tổ chức 74 lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH với 5.074 người tham gia và được cấp chứng nhận, thông báo kết quả huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; tuyên truyền miệng trực tiếp 2.882 lượt với 401.458 lượt người nghe. Tuyên truyền qua đài, truyền hình, loa phát thanh 3.372 lượt; qua mạng xã hội Zalo và Facebook tiếp cận hơn 58.000 lượt người; tuyên truyền trên bảng điện tử 80 lượt; phát 132.531 tờ rơi tuyên truyền về PCCC. Tổ chức 06 lượt chương trình “Một ngày làm lính chữa cháy” cho các cấp mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh với 1.774 người tham gia, chương trình “Học làm chiến sĩ Công an” lần thứ IV năm 2025 với 86 em học sinh tham gia; tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành chữa cháy và CNCH trên 124 lượt địa điểm trên địa bàn tỉnh với

50.234 lượt người tham gia; phối hợp tổ chức Lễ ký kết kế hoạch tổ chức chương trình “Học kỳ trong Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy” năm 2025 giữa Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH với Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh và tổ chức nhiều diễn đàn truyền thông PCCC&CNCH cho các trường tiểu học, trung học trên địa bàn tỉnh. Biên tập, phối hợp viết 474 tin, bài tuyên truyền đăng trên Trang thông tin điện tử Công an tỉnh, Báo của tỉnh và các kênh thông tin khác, 20 tin đăng trên Website của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH; phối hợp xây dựng 43 phóng sự liên quan đến hoạt động PCCC. Bên cạnh đó, đã tăng cường công tác nắm địa bàn, rà soát, quản lý cơ sở; đã có văn bản thông báo danh sách 423 cơ sở trước đây thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan Công an nay thuộc phân cấp của UBND cấp xã. Trong năm, lực lượng Công an tổ chức kiểm tra 4.243 lượt cơ sở, xử phạt 63 trường hợp với 688,4 triệu đồng, tạm đình chỉ hoạt động 21 cơ sở, đình chỉ hoạt động 23 cơ sở, phục hồi hoạt động 06 cơ sở; tổ chức kiểm tra 148 lượt địa điểm diễn ra các hoạt động, sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra công tác PCCC rừng tại 17 đơn vị chủ rừng; phối hợp Sở Công thương kiểm tra khu vực sử dụng vật liệu nổ công nghiệp 07 địa điểm; UBND cấp xã kiểm tra định kỳ 5.524 lượt cơ sở, đột xuất 43 cơ sở, xử phạt 30 trường hợp với 19,1 triệu đồng [3]....

Công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm theo quy định, không để bị động, bất ngờ và giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra nhất là trong thời gian diễn ra các ngày Lễ, Tết,... Định kỳ hàng quý tổ chức kiểm tra công tác thường trực theo đúng quy định và tăng cường kiểm tra đột xuất vào các đợt diễn ra các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trọng đại của đất nước và của tỉnh. Triển khai Trung tâm chỉ huy PCCC&CNCH; tổ chức tiếp nhận, xử lý đảm bảo 100% thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn; triển khai 165 lượt xe cùng 1.066 lượt cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia xử lý các vụ cháy và CNCH kịp thời cứu được 13 người bị nạn. Tất cả các vụ cháy, sự cố, tai nạn có lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH tham gia xử lý đều tổ chức họp rút kinh nghiệm đảm bảo 100% và báo cáo

kịp thời, đầy đủ theo quy định, trong đó có 17 vụ cháy, 26 vụ CNCH rút kinh nghiệm theo chuyên đề đến thời hạn. Triển khai thực hiện nghiêm túc công tác ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm CNCH và phòng thủ dân sự theo chỉ đạo của Bộ Công an, UBND tỉnh, Công an tỉnh; trọng tâm là tập trung ứng phó khẩn cấp bão số 13 và mưa lũ, cứu 79 lượt đồng chí tham gia lực lượng xung kích Công an tỉnh năm 2025; trong và sau thời gian bão và mưa lũ, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã triển khai 282 lượt phương tiện và 1.521 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức cứu 5.051 người do mưa, bão tác động gây sụp đổ nhà, công trình, phương tiện giao thông không thể di chuyển, người bị mắc kẹt do nước dâng làm cô lập; nhằm khắc phục hậu quả do bão, lũ gây ra, đơn vị đã huy động tối đa lực lượng, phương tiện để tham gia các hoạt động khắc phục tình trạng sụp đổ nhà, công trình, cây xanh bị ngã đổ, vệ sinh cơ sở, trường học, bệnh viện, hỗ trợ lương thực... với 236 lượt phương tiện (xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ, máy cưa, máy cắt...) cùng 1.600 lượt cán bộ, chiến sỹ [2].

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót, như: việc tham mưu, kiểm tra và hướng dẫn khắc phục, xử lý cơ sở tồn tại về PCCC còn chậm dẫn đến có cơ sở trong quá trình hoạt động để xảy ra cháy. Hồ sơ thẩm định thiết kế về PCCC mặc dù đã được cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH hướng dẫn cụ thể, chi tiết nhưng chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế thực hiện không đảm bảo, khắc phục không hoàn toàn nội dung đã kiến nghị. Việc thống kê, báo cáo triển khai một số chuyên đề tại Công an cấp xã chưa đảm bảo về nội dung, đánh giá kết quả thực hiện có lúc còn chung chung, chưa chỉ rõ những tồn tại hạn chế và nguyên nhân dẫn đến ảnh hưởng đến việc tổng hợp đánh giá chung của cả hệ lực lượng. Công tác tham mưu UBND cấp xã chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ PCCC&CNCH tại địa bàn cấp xã còn chậm. Công tác phối hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng trong việc kiểm tra về PCCC chưa được chặt chẽ. Đầu tư cơ sở vật chất cho công tác PCCC&CNCH, trang bị phương tiện cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

Những hạn chế, thiếu sót trên là do: nhiều cơ sở được xây dựng và đưa vào hoạt động trước ngày Luật PCCC năm 2001 có hiệu lực còn tồn tại về PCCC, trong đó một số cơ sở là công trình công cộng, dân sinh, xã hội, sử dụng nguồn vốn đầu tư của nhà nước trong quá trình hoạt động; đa số các cơ sở khó có khả năng khắc phục các tồn tại về PCCC hoặc việc khắc phục cần phải có lộ trình, thời gian dài thực hiện. Quá trình phát triển kinh tế, xã hội diễn ra nhanh, nhiều cơ sở nguy hiểm cháy, nổ được đầu tư, xây dựng với đa lĩnh vực, đa ngành nghề dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy ngày càng cao; đồng thời, việc đầu tư xây dựng hạ tầng PCCC&CNCH chưa đồng bộ với tốc độ phát triển kinh tế nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về PCCC&CNCH còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác. Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa phát huy hết trách nhiệm, quyền hạn của mình trong thực hiện công tác PCCC&CNCH dẫn đến chưa thể triển khai quyết liệt trong công tác kiểm tra về PCCC.... Một bộ phận quần chúng nhân dân có nhận thức chưa cao về công tác PCCC, còn chủ quan, lơ là trong việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, đặc biệt là thiết bị điện trong sinh hoạt. Một số trường hợp cá biệt người đứng đầu cơ sở chưa hợp tác với cơ quan Công an trong quá trình hướng dẫn, thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại về PCCC dẫn đến nội dung tồn tại kéo dài.... Quy hoạch hạ tầng giao thông, nguồn nước, trụ nước, bể nước dự trữ phục vụ cho công tác chữa cháy và trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng, đặc chủng cho công tác chữa cháy và CNCH phục vụ cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tế....

3. Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh Gia Lai, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công an tỉnh Gia Lai lần thứ I, tiếp nối thành công bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác PCCC&CNCH thời gian qua, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ đạo của Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Công an về công tác đảm bảo an toàn PCCC&CNCH, trọng tâm là Luật PCCC&CNCH và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành luật; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC đối với nhà ở nhiều tầng, nhiều căn hộ, nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh.... Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 08/ĐA-BCA ngày 05/5/2025 của Bộ Công an về kéo giảm cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; phối hợp tham mưu UBND tỉnh quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động PCCC. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau khi Hội đồng nhân dân thông qua Nghị quyết. Tiếp tục nghiên cứu tham mưu hoàn thiện thống nhất phân cấp nghiệp vụ giữa đơn vị nghiệp vụ và Công an cấp xã....

Hai là, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC; kiểm tra về PCCC định kỳ, đột xuất đảm bảo nội dung, trình tự, thủ tục quy định, đồng thời hướng dẫn chủ đầu tư, người đứng đầu cơ sở trong thực hiện trách nhiệm PCCC&CNCH của mình; xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề gắn liền với tổng kết, đánh giá và đề ra các biện pháp nâng cao việc đảm bảo an toàn PCCC&CNCH đối với loại hình; kiên quyết xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình kiểm tra, áp dụng hiệu quả các biện pháp ngăn chặn, xử lý phù hợp theo quy định của pháp luật về đình chỉ hoạt động và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, trải nghiệm thực tế về PCCC&CNCH đến cơ sở, khu dân cư, quần chúng nhân dân thông qua nhiều hình thức, phương pháp, đảm bảo nội dung dễ hiểu, dễ tiếp cận; vận động trang bị bình chữa cháy tại hộ gia đình; thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, phân loại đối với lực lượng tại chỗ; kiện toàn, củng cố mô hình “Tổ Liên gia an toàn PCCC” đảm bảo theo tiêu chí. Tham mưu thành lập Trung tâm Giáo dục cộng đồng về PCCC&CNCH. Tăng cường rà soát cơ sở thuộc diện xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an.... Xây dựng, tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức tập phương án có huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức tham gia xử lý tình huống cháy, sự cố, tai nạn có quy mô lớn, diễn biến phức tạp tại các cơ sở trọng điểm về PCCC. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án xây dựng truyền tin, báo sự cố PCCC theo đúng tiến độ chỉ đạo của Bộ Công an, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH. Đảm bảo công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác thường trực, huấn luyện và quản lý phương tiện chữa cháy và CNCH theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH.

Ba là, đảm bảo hậu cần phục vụ yêu cầu công tác thường xuyên, thường trực chiến đấu và các công việc đột xuất; quản lý, đăng ký nhu cầu mua sắm, sửa chữa, sử dụng có hiệu quả các tài sản, phương tiện, máy móc trang thiết bị hiện có của đơn vị. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý phương tiện PCCC&CNCH theo Thông tư số 37/2025/TT-BCA. Thực hiện công tác tiếp nhận, nhập kho, cấp phát, tổ chức quản lý, phương tiện, vật tư kỹ thuật được trang cấp đầy đủ, kịp thời; triển khai đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục rà soát, đề xuất nhu cầu bố trí trụ sở, phòng làm việc các Đội Chữa cháy và CNCH khu vực; rà soát hiện trạng cơ sở vật chất trụ sở UBND phường Sông Bờ (cũ) đề xuất bố trí trụ sở Đội Chữa cháy và CNCH khu vực số 7....

Bốn là, tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị, cơ quan, lực lượng trong và ngoài ngành Công an, hướng đến mục tiêu chung vì an ninh, an toàn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai. Bên cạnh việc tiếp tục phối hợp với các cơ quan, lực lượng vũ trang là phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị thông tin, truyền thông trong và ngoài lực lượng, ở trung ương và địa phương. Cùng với đó là tham mưu phối hợp và trực tiếp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của UBND để thực hiện có hiệu quả, chất lượng các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH. Mặt khác, cần phối hợp chặt chẽ, thống nhất với chính quyền cơ sở, Công an cấp xã trong trao đổi thông tin, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong công tác PCCC&CNCH theo chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần bảo đảm ổn định, an toàn cho phát triển.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC&CNCH*, Hà Nội.
2. Nguyễn Hoàng Tuấn (2026), *Phát huy tinh thần vì nhân dân phục vụ, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Gia Lai tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả bão, lũ*, Tạp chí PC&CC điện tử, số tháng 02, năm 2026.
3. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai (2025), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2025*, Gia Lai.
4. Quốc hội (2024), *Luật PCCC&CNCH*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 13/5/2026; Ngày thẩm định: 20/5/2026; Ngày duyệt đăng: 25/5/2026.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH – CÔNG AN TỈNH NINH BÌNH: LAN TỎA PHONG TRÀO THI ĐUA “BA NHẤT: KỶ LUẬT NHẤT – TRUNG THÀNH NHẤT – GẦN DÂN NHẤT”

Trung tá TRƯƠNG VŨ MINH

Trưởng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Ninh Bình

*Tác giả liên hệ: Trương Vũ Minh (Email: ngochuyen1a2b@gmail.com)

Tóm tắt: Thực hiện chủ trương của Đảng ủy, lãnh đạo Công an tỉnh về đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chính trị được giao, thời gian qua, Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Ninh Bình đã triển khai sâu rộng phong trào thi đua “Ba nhất: Kỷ luật nhất – Trung thành nhất – Gần dân nhất”. Qua đó, tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, hành động và tinh thần trách nhiệm trong toàn thể cán bộ, chiến sĩ.

Từ khóa: Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Bình, phong trào thi đua Ba nhất.

Abstract: Implementing the directives of the Party Committee and the leadership of the Provincial Police on promoting patriotic emulation movements associated with assigned political tasks, in recent years, the Fire and Rescue Police Division of Ninh Binh Provincial Police has widely promoted the emulation movement “Three Exemplars: Strongest in Discipline – Most Loyal – Closest to the People.” Through this movement, clear changes have been made in awareness, action, and sense of responsibility among all officers and personnel.

Keywords: The Fire and Rescue Police Division of Ninh Binh Provincial Police, the “Three exemplars” emulation movement.

1. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Ninh Bình có 129 đơn vị xã, phường với diện tích tự nhiên hơn 3.942km², quy mô dân số khoảng 4,412 triệu người, là một trong những địa phương có mật độ dân số cao của cả nước. Cùng với lợi thế là cửa ngõ kết nối vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và khu vực Tây Bắc, Ninh Bình đang phát triển mạnh về công nghiệp, dịch vụ và du lịch tâm linh. Theo quy hoạch giai đoạn 2021–2030, tỉnh được định hướng phát triển 01 khu kinh tế, 53 khu công nghiệp và 114 cụm công nghiệp. Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 19 khu công nghiệp hoạt động, 42 cụm công nghiệp ổn định với hơn 1.065 dự án thứ cấp của trên 1.000 doanh nghiệp.

Với tốc độ đô thị hóa mạnh mẽ, sự gia tăng nhanh các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trung tâm thương mại, khu du lịch, lễ hội tập trung đông người đã kéo theo nguy cơ cháy, nổ, tai nạn, sự cố ngày càng phức tạp trên địa bàn tỉnh. Tính đến hết năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 23.074 cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC&CNCH; trong đó có khoảng 5.677 cơ sở có nguy hiểm cháy, nổ cao do lực lượng Công an trực tiếp quản lý, tăng 32% so với năm 2021.

Thực tiễn đó đòi hỏi lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Bình không chỉ vững về chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ mà còn phải đổi mới tư duy quản lý, nâng cao năng lực tham mưu,

chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa, xây dựng thể trận PCCC gắn với thể trận an ninh nhân dân ngay từ cơ sở. Trong bối cảnh ấy, phong trào thi đua “Ba nhất: Kỷ luật nhất – Trung thành nhất – Gần dân nhất” được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Ninh Bình triển khai sâu rộng đã trở thành động lực quan trọng để xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Ngay sau khi phong trào được phát động, Đảng ủy, lãnh đạo Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Bình đã ban hành nghị quyết chuyên đề, kế hoạch triển khai cụ thể; tổ chức ký giao ước thi đua giữa các Đội Nghiệp vụ; quán triệt đầy đủ 21 nội hàm của phong trào đến 100% cán bộ, chiến sĩ đồng thời mỗi cán bộ, chiến sĩ đều viết cam kết về việc tu dưỡng, rèn luyện, chấp hành các quy định trong công tác quản lý cán bộ. Điểm đáng chú ý là phong trào không dừng ở khẩu hiệu hay hình thức vận động thi đua đơn thuần mà được lượng hóa bằng các chỉ tiêu công tác cụ thể, gắn trực tiếp với nhiệm vụ chuyên môn và trách nhiệm phục vụ Nhân dân.

Đối với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, kỷ luật không chỉ là yêu cầu về tổ chức mà còn là yếu tố quyết định hiệu quả chiến đấu. Trong môi trường thường xuyên đối mặt hiểm nguy, mỗi mệnh lệnh, thao tác nghiệp vụ đều liên quan trực tiếp đến tính mạng và tài sản của Nhà nước, của Nhân dân. Vì vậy, “Kỷ luật nhất” được đơn vị xác định là nền tảng cốt lõi để xây dựng lực lượng hướng tới mục tiêu chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Trên cơ sở đó, đơn vị duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường huấn luyện nghiệp vụ, rèn luyện thể lực, nâng cao khả năng xử lý các tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố phức tạp. Năm 2025, đơn vị đã tổ chức huấn luyện, kiểm tra nghiệp vụ chữa cháy và CNCH cho 100% cán bộ, chiến sĩ; xây dựng 1.807 phương án chữa cháy và 21 phương án CNCH; phối hợp tổ chức thực tập 363 phương án chữa cháy và 14 phương án CNCH tình huống đặc trưng. Các phương án được xây dựng không mang tính hình thức mà bám sát đặc điểm từng địa bàn, cơ sở trọng điểm như: khu công nghiệp, khách sạn cao tầng, kho xăng dầu, cơ sở tôn giáo, khu du lịch, khu dân cư tập trung

đông người.... Việc thường xuyên tổ chức thực tập phương án đã giúp lực lượng nâng cao khả năng hiệp đồng tác chiến, xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại khi có sự cố xảy ra.

Một điểm nổi bật khác trong thực hiện nội dung “Kỷ luật nhất” là công tác xây dựng lực lượng chính quy. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và kết thúc hoạt động Công an cấp huyện, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy, thành lập mới 6 Đội Chữa cháy và CNCH khu vực gồm Xuân Trường, Phù Vân, Hoa Lư, Nho Quan, Phát Diệm và Gia Trấn. Việc tổ chức lại lực lượng theo hướng bám cơ sở, tăng tính cơ động đã góp phần nâng cao năng lực thường trực chiến đấu, rút ngắn thời gian tiếp cận hiện trường.

Hiện nay, đơn vị có 19 đội công tác trực thuộc với quân số 518 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 265 cán bộ biên chế và 234 chiến sĩ nghĩa vụ. Đây là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC&CNCH trên địa bàn rộng, dân số đông, nhiều khu vực tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ cao.

Cùng với huấn luyện nghiệp vụ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng theo hướng chuyên sâu, hiện đại. Năm 2025, đơn vị đã cử nhiều cán bộ tham gia các lớp đào tạo đại học, trung cấp chính quy, bồi dưỡng chuyên sâu về điều tra, kiểm tra an toàn PCCC, xử lý vi phạm hành chính, chuyển đổi số, vận hành phương tiện chữa cháy và CNCH hiện đại. Điều này cho thấy tư duy xây dựng lực lượng không chỉ dừng ở “đủ quân số” mà hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ theo yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Tinh thần kỷ luật còn được thể hiện trong công tác quản lý phương tiện, hậu cần kỹ thuật. Hiện đơn vị quản lý 103 phương tiện chữa cháy và CNCH cơ giới, gồm 48 xe chữa cháy, 6 xe CNCH, 7 xe thang cùng nhiều xuồng, ca nô và phương tiện chuyên dụng khác. Riêng năm 2025, đơn vị được trang cấp thêm 5 xe chữa cháy, 2 xuồng composite và 6 xe tải phục vụ công tác chiến đấu. Trong điều kiện địa bàn rộng, nhiều khu vực sông nước, khu công nghiệp và tuyến giao thông trọng điểm, việc bảo đảm phương tiện, duy

trì khả năng cơ động có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Mỗi phương tiện không chỉ là công cụ tác chiến mà còn phản ánh năng lực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng PCCC&CNCH trong tình hình mới.

Nếu “Kỷ luật nhất” tạo nên sức mạnh bên trong của đơn vị thì “Trung thành nhất” chính là biểu hiện tập trung của bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm và ý chí sẵn sàng nhận, thực hiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Những năm gần đây, Ninh Bình là điểm đến của nhiều sự kiện chính trị, văn hóa, du lịch quy mô lớn, tập trung đông người. Áp lực đặt ra đối với công tác bảo đảm an toàn PCCC&CNCH ngày càng lớn, nhất là tại các khu du lịch tâm linh, lễ hội đầu xuân và các sự kiện chính trị quan trọng.

Trước yêu cầu đó, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Bình đã phát huy tốt vai trò tham mưu về công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Năm 2025, đơn vị đã tham mưu Đảng ủy, Giám đốc Công an tỉnh báo cáo, đề xuất Tỉnh ủy ban hành 04 văn bản chỉ đạo, tổng kết chuyên đề; tham mưu UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh ban hành 30 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác PCCC&CNCH. Đồng thời, tham mưu Giám đốc Công an tỉnh ban hành 189 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo chuyên đề về công tác PCCC&CNCH. Khối lượng công việc lớn cùng yêu cầu triển khai đồng bộ trên địa bàn sau sáp nhập tỉnh đã khẳng định vai trò của đơn vị trong công tác tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện nhiệm vụ PCCC&CNCH.

Đơn vị đã chủ động xây dựng và triển khai nhiều phương án bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các sự kiện chính trị, văn hóa lớn như: Đại hội Đảng các cấp, Lễ hội Hoa Lư, Lễ hội Tràng An, sự kiện cung rước xá lợi Phật tại chùa Bái Đính, các trận bóng đá lớn trên địa bàn tỉnh.... Đặc biệt, việc tổ chức diễn tập quy mô lớn tại Khách sạn The Reed, Công ty TNHH Giày Adora Việt Nam và Kho Xăng dầu Hải Linh không chỉ nâng cao năng lực xử lý tình huống mà còn góp phần hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác PCCC&CNCH.

Tinh thần “Trung thành nhất” còn được thể hiện sinh động trong thực tiễn chiến đấu. Rạng sáng ngày 25/12/2025, khi xảy ra vụ tai nạn giao thông nghiêm

trọng trên tuyến cao tốc Cao Bồ – Mai Sơn, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh đã khẩn trương triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị chuyên dụng tiếp cận hiện trường, cứu nạn thành công các nạn nhân mắc kẹt trong cabin biến dạng. Trong môi trường chật hẹp, nguy cơ mất an toàn cao, cán bộ, chiến sĩ đã nhanh chóng triển khai các biện pháp CNCH với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Đó không chỉ là kỹ năng nghiệp vụ mà còn là biểu hiện cụ thể của lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với Nhân dân, sẵn sàng đối mặt hiểm nguy để bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân.

Tinh thần tận tụy ấy còn thể hiện trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về PCCC. Năm 2025, đơn vị đã tổ chức kiểm tra an toàn PCCC đối với 8.515 lượt cơ sở; xử phạt 220 trường hợp với tổng số tiền hơn 2,77 tỷ đồng. Công an cấp xã kiểm tra hơn 13.600 lượt cơ sở, xử phạt 768 trường hợp vi phạm. Các con số trên phản ánh tinh thần kiên quyết, không né tránh, không nể nang trong thực thi pháp luật. Việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm không nhằm mục tiêu xử phạt đơn thuần mà hướng đến phòng ngừa từ sớm, ngăn chặn nguy cơ cháy, nổ ngay từ cơ sở.

Điểm nhấn mang tính chiều sâu và nhân văn nhất của phong trào thi đua “Ba nhất” nằm ở nội dung “Gần dân nhất”. Với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, gần dân không chỉ là tuyên truyền hay kiểm tra cơ sở mà còn là xây dựng thế trận PCCC&CNCH từ cơ sở, lấy người dân làm trung tâm của công tác phòng ngừa.

Nhận thức rõ điều đó, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Bình đã đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền theo hướng thiết thực, trực quan, phù hợp từng nhóm đối tượng. Năm 2025, đơn vị phối hợp với các cơ quan Báo, Phát thanh, Truyền hình tỉnh Ninh Bình duy trì chuyên mục “Alô 114”; đăng tải 21 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử Cục Cảnh sát PCCC&CNCH; 127 tin, bài trên Trang thông tin điện tử Công an tỉnh; 245 tin, bài trên Zalo OA và Facebook “Công tác PCCC và CNCH tỉnh Ninh Bình”.

Đáng chú ý, công tác tuyên truyền cơ sở được triển khai rộng khắp với hơn 23.533 lượt tin, bài phát trên hệ thống truyền thanh cấp xã. Đây là cách làm hiệu quả trong điều kiện địa bàn rộng, nhiều khu dân

cư nông thôn, giúp kiến thức PCCC đến gần hơn với người dân. Công tác tuyên truyền trực tiếp cũng được triển khai sâu rộng với 1.519 lớp tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH cho 248.845 lượt người dân. Những buổi thực hành chữa cháy, thoát nạn tại khu dân cư, trường học, chợ dân sinh đã giúp người dân chuyển từ nghe truyền thụ kiến thức đơn thuần sang tự biết xử lý tình huống khi gặp sự cố.

Một điểm nổi bật trong triển khai phong trào “Gần dân nhất” là việc xây dựng và nhân rộng các mô hình an toàn PCCC tại cơ sở. Toàn tỉnh đã xây dựng 29 mô hình “Tổ Liên gia an toàn PCCC”, 39 mô hình “Tổ Liên gia an toàn PCCC nâng cao”, 260 Điểm Chữa cháy công cộng, 98 mô hình “Tuyến phố an toàn về PCCC”, 02 mô hình “Đội PCCC&CNCH tình nguyện”. Song song với đó, lực lượng duy trì hoạt động của 5.755 Đội PCCC cơ sở và 4.525 Đội Dân phòng. Đây chính là “cánh tay nối dài” của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, hình thành thể trận an toàn PCCC&CNCH ngay từ cơ sở. Việc tổ chức đồng loạt thực tập phương án chữa cháy tại các “Tổ liên gia an toàn PCCC” vào tối 26/9 và 03/10/2025 với sự tham gia của 129 UBND cấp xã cho thấy sự chuyển biến từ tư duy “lực lượng chuyên trách làm chính” sang “toàn dân cùng tham gia phòng cháy”.

Tinh thần “Gần dân nhất” còn thể hiện ở những hoạt động an sinh xã hội giàu tính nhân văn của đơn vị như: thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, người có công với cách mạng; tham gia hiến máu tình nguyện; hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ.... Những việc làm ấy không chỉ hỗ trợ Nhân dân về mặt vật chất mà còn có giá trị sâu sắc trong củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa lực lượng Công an với Nhân dân.

Thực tiễn triển khai cho thấy phong trào thi đua “Ba nhất” đã tạo chuyển biến toàn diện trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Ninh Bình. Phong trào thi đua không dừng ở việc phát động hay ký kết giao ước mà được cụ thể hóa bằng kết quả thực tế trên từng mặt công tác. Từ công

tác tham mưu chiến lược, quản lý nhà nước về PCCC, huấn luyện nghiệp vụ, thường trực chiến đấu, xử lý vi phạm, xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH đến công tác an sinh xã hội đều có chuyển biến rõ nét. Quan trọng hơn, phong trào đã góp phần xây dựng hình ảnh đẹp về người chiến sĩ Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng và lực lượng Công an nhân dân trong lòng Nhân dân. Đó là hình ảnh những cán bộ, chiến sĩ nghiêm túc trong điều lệnh, tận tụy trong công việc, dũng cảm trước hiểm nguy và trách nhiệm trong từng hành động nhỏ nhất.

3. Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội của tỉnh Ninh Bình, yêu cầu đối với công tác PCCC&CNCH sẽ ngày càng cao hơn, phức tạp hơn. Điều đó đòi hỏi lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH phải tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Với nền tảng đã tạo dựng từ phong trào thi đua “Ba nhất: Kỷ luật nhất – Trung thành nhất – Gần dân nhất”, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Ninh Bình đang từng bước xây dựng hình ảnh lực lượng thật sự “vì Nhân dân phục vụ”, góp phần giữ vững an ninh, an toàn, phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của địa phương trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2021), *Kế hoạch số 203/KH-BCA ngày 12/5/2021 về nghiên cứu xây dựng lực lượng Công an nhân dân đến 2030 cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.
4. Bộ Công an phát động phong trào thi đua “Ba nhất: Kỷ luật nhất – Trung thành nhất – Gần dân nhất”, <https://bocongan.gov.vn/bai-viet/bo-cong-an-phat-dong-phong-trao-thi-dua-ba-nhat-ky-luat-nhat-trung-thanh-nhat-gan-nhan-nhat-1762230612>

Ngày nhận bài: 20/3/2026; Ngày thẩm định: 10/4/2026; Ngày duyệt đăng: 17/4/2026.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM AN NINH QUỐC GIA TRONG QUẢN LÝ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

HOÀNG XUÂN TRƯỜNG - TRẦN TIẾN NGUYỄN MINH

D3D55, Học viện An ninh Nhân dân

NGHIÊM MINH QUÂN

B4D54, Học viện An ninh Nhân dân

*Tác giả liên hệ: Hoàng Xuân Trường (Email: hoangtruongbg0109@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết phân tích các vấn đề đặt ra đối với bảo đảm an ninh quốc gia trong quản lý các trường đại học đào tạo liên kết quốc tế tại Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở làm rõ xu hướng gia tăng quy mô, hình thức và mức độ quốc tế hóa của các chương trình liên kết, bài viết chỉ ra những nguy cơ tiềm ẩn về an ninh tư tưởng, văn hóa, thông tin và trật tự xã hội. Đáng chú ý, hoạt động đào tạo liên kết quốc tế có thể bị lợi dụng để truyền bá quan điểm sai lệch, kích động tư tưởng cực đoan, lôi kéo thế hệ Gen Z tham gia các hành vi tụ tập trái pháp luật, gây rối, làm phức tạp tình hình an ninh, trật tự. Từ đó, bài viết làm rõ một số vấn đề đặt ra đối với bảo đảm an ninh quốc gia trong quản lý các trường đại học đào tạo liên kết quốc tế tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: đào tạo liên kết quốc tế, an ninh quốc gia, quản lý, sinh viên.

Abstract: This article analyzes the issues arising in ensuring national security in the governance of universities currently offering international joint training programs in Vietnam. By clarifying the trend toward the expansion in scale, forms, and degree of internationalization of such joint programs, the article identifies potential risks to ideological, cultural, information, and social order security. Notably, international joint training activities may be exploited to disseminate distorted views, incite extremist thinking, and induce members of “Generation Z” to participate in unlawful gatherings, public disorder, and other activities that may further complicate the security and public order. Accordingly, the article highlights several key issues related to ensuring national security in the management of universities offering international joint training programs in Vietnam at present.

Keywords: international joint training programs, national security, governance, students.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ, hoạt động đào tạo liên kết quốc tế tại các trường đại học Việt Nam ngày càng mở rộng về quy mô, hình thức và đối tác, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục đại học. [6] Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt

ra những yêu cầu mới đối với bảo đảm an ninh quốc gia, đặc biệt trên các phương diện an ninh tư tưởng, văn hóa, thông tin và trật tự xã hội. [3] Đáng chú ý, hoạt động đào tạo liên kết quốc tế có thể bị lợi dụng để truyền bá quan điểm sai lệch, kích động tư tưởng cực đoan, lôi kéo thế hệ Gen Z tham gia tụ tập trái pháp luật, gây rối, làm phức tạp tình hình an ninh, trật tự.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về quản lý giáo dục đại học và giáo dục chính trị, tư tưởng, song còn thiếu các công trình chuyên sâu tiếp cận vấn đề dưới góc độ khoa học an ninh trong môi trường đào tạo liên kết quốc tế, tạo ra khoảng trống nghiên cứu cần được bổ sung.

2. Đặc điểm và xu hướng đào tạo liên kết quốc tế của các trường đại học tại Việt Nam

2.1. Đặc điểm đào tạo liên kết quốc tế của các trường đại học tại Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, hoạt động đào tạo liên kết quốc tế tại các trường đại học Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục đại học. Đặc trưng nổi bật của giai đoạn hiện nay là sự gia tăng về mức độ đa dạng và phức tạp của hoạt động liên kết, thể hiện trên ba phương diện cơ bản: đối tác, hình thức và quy mô hợp tác. [7]

Trước hết, về đối tác liên kết, mạng lưới hợp tác không còn giới hạn ở một số quốc gia có quan hệ truyền thống với Việt Nam mà đã mở rộng sang nhiều khu vực khác nhau. [7] Bên cạnh các trường đại học danh tiếng, nhiều cơ sở đào tạo ứng dụng, học viện chuyên ngành, tổ chức giáo dục tư nhân và doanh nghiệp đào tạo nước ngoài cũng tham gia vào quá trình hợp tác. Sự đa dạng này giúp các cơ sở giáo dục trong nước tiếp cận nhiều mô hình quản trị, chương trình và phương pháp đào tạo tiên tiến, song đồng thời làm gia tăng yêu cầu thẩm định, kiểm soát chất lượng và đánh giá mức độ phù hợp của đối tác trong bối cảnh chuẩn mực đào tạo giữa các quốc gia có sự chênh lệch đáng kể. [5]

Thứ hai, hình thức liên kết đào tạo ngày càng phong phú và linh hoạt. Bên cạnh các mô hình truyền thống như “2+2”, “3+1” hay đồng cấp bằng, đã xuất hiện các hình thức mới như nhượng quyền chương trình đào tạo, đào tạo hoàn toàn trong nước nhưng cấp bằng nước ngoài, đào tạo kết hợp trực tiếp – trực tuyến, hoặc đào tạo theo mô hình tích lũy và chuyển đổi tín chỉ quốc tế. [1] Công nghệ số góp phần làm mờ ranh giới không gian đào tạo, cho phép sinh viên tiếp cận giảng viên và chương trình quốc tế ngay tại Việt Nam. [9] Tuy nhiên, sự đa dạng này cũng làm tăng độ phức tạp trong quản lý chương trình, kiểm soát nội dung, bảo đảm sự tương thích giữa chuẩn

mục quốc tế và yêu cầu pháp luật, định hướng giáo dục của Việt Nam.

Thứ ba, quy mô và phạm vi liên kết không ngừng mở rộng. Số lượng chương trình, ngành đào tạo và đối tượng tham gia tăng lên đáng kể, bao phủ nhiều lĩnh vực từ kinh tế, công nghệ thông tin đến khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, truyền thông và các ngành liên ngành. [6] Quy mô mở rộng góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, song đồng thời tạo áp lực lớn đối với năng lực quản lý, tổ chức đào tạo và bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học.

Một đặc điểm đáng chú ý khác là sự lệ thuộc tương đối vào nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục của đối tác nước ngoài. Phần lớn các chương trình liên kết được xây dựng trên cơ sở tiếp nhận khung chương trình, chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá của đối tác nhằm bảo đảm tính tương thích và giá trị quốc tế của văn bằng. Điều này dẫn đến việc nội dung đào tạo phản ánh rõ nét hệ giá trị và triết lý giáo dục của quốc gia đối tác, trong khi các yếu tố gắn với bối cảnh lịch sử, văn hóa và chính trị – xã hội Việt Nam có xu hướng chiếm tỷ trọng hạn chế. Cơ chế kiểm định và bảo đảm chất lượng quốc tế càng củng cố sự lệ thuộc này, bởi các chương trình phải tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn do đối tác hoặc tổ chức kiểm định đặt ra. [5]

Sự lệ thuộc nói trên đặt ra những thách thức đối với giáo dục tư tưởng, chính trị và bồi đắp bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên. Trong môi trường học thuật quốc tế hóa cao, ngôn ngữ giảng dạy chủ yếu là ngoại ngữ; giáo trình và tài liệu phản ánh hệ quy chiếu phương Tây; đội ngũ giảng viên quốc tế giữ vai trò quan trọng trong giảng dạy. Các chương trình liên kết thường ưu tiên mục tiêu chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, trong khi nội dung giáo dục chính trị – tư tưởng khó được tích hợp đầy đủ và hiệu quả. [5] Mô hình quản lý sinh viên mang tính phân tán, cùng với áp lực học tập theo chuẩn quốc tế, càng thu hẹp không gian dành cho giáo dục toàn diện.

Từ góc độ an ninh, hoạt động liên kết đào tạo quốc tế tiềm ẩn những vấn đề liên quan đến an ninh tư tưởng, văn hóa và xã hội. Giáo dục xuyên quốc gia có thể trở thành công cụ lan tỏa “quyền lực mềm”,

truyền tải hệ giá trị và mô hình phát triển của quốc gia đối tác. [7] Nội dung giảng dạy trong một số lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có thể chứa đựng cách tiếp cận khác biệt về chính trị, pháp lý và xã hội; nếu thiếu cơ chế thẩm định phù hợp, có thể tác động đến nhận thức của một bộ phận sinh viên. Bên cạnh đó, sự tham gia của giảng viên, chuyên gia và tổ chức trung gian nước ngoài cũng đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý, giám sát nhằm phòng ngừa nguy cơ lợi dụng hoạt động học thuật cho mục đích khác. [2]

Việc nhận diện các đặc điểm và nguy cơ này không nhằm phủ nhận vai trò tích cực của hội nhập giáo dục, mà để xây dựng cơ chế quản lý chủ động, khoa học và phù hợp. Thực tiễn nhiều quốc gia cho thấy, giáo dục xuyên quốc gia luôn đi kèm với cơ chế giám sát chặt chẽ về nội dung, đối tác và hoạt động. Đối với Việt Nam, việc phân tích đầy đủ đặc điểm của đào tạo liên kết quốc tế là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, bảo đảm phát triển giáo dục đại học gắn với giữ vững ổn định chính trị – xã hội và lợi ích an ninh quốc gia trong điều kiện hội nhập hiện nay. [3]

2.2. Xu hướng đào tạo liên kết quốc tế của các trường đại học tại Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động liên kết đào tạo quốc tế trong các trường đại học tại Việt Nam được dự báo tiếp tục gia tăng cả về quy mô, hình thức và mức độ quốc tế hóa. Đây là xu hướng tất yếu, xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường năng lực cạnh tranh của giáo dục đại học và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong điều kiện Việt Nam tham gia sâu vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. [6] Tuy nhiên, sự mở rộng này không chỉ mang ý nghĩa gia tăng về số lượng mà còn kéo theo những biến đổi phức tạp về cấu trúc tổ chức, phương thức quản lý và tác động xã hội.

Trước hết, xu hướng gia tăng về quy mô được thể hiện ở số lượng chương trình, ngành đào tạo và cơ sở tham gia liên kết ngày càng mở rộng. Hoạt động liên kết không còn giới hạn ở một số trường đại học lớn mà đã lan tỏa tới nhiều cơ sở công lập và ngoài công lập trên phạm vi cả nước. [7] Các chương trình

cấp bằng đôi, đồng cấp bằng hoặc đào tạo theo chương trình nước ngoài triển khai hoàn toàn tại Việt Nam tăng nhanh, bao phủ nhiều trình độ từ cử nhân đến sau đại học. Bên cạnh các ngành truyền thống như kinh tế, quản trị, tài chính – ngân hàng và công nghệ thông tin, các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, an ninh mạng, truyền thông quốc tế, luật và chính sách công cũng được đưa vào hợp tác đào tạo. Sự mở rộng này phản ánh nhu cầu học tập quốc tế hóa của người học trong nước, đồng thời cho thấy các cơ sở giáo dục đại học coi liên kết quốc tế là hướng đi chiến lược nhằm nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh.

Song song với gia tăng quy mô, hình thức liên kết đào tạo quốc tế ngày càng đa dạng và linh hoạt. Bên cạnh các mô hình truyền thống như “2+2”, “3+1”, nhiều hình thức mới đã xuất hiện như: nhượng quyền chương trình đào tạo, đào tạo hoàn toàn trong nước nhưng cấp bằng nước ngoài, đào tạo trực tuyến xuyên biên giới và mô hình kết hợp trực tiếp – trực tuyến. Sự phát triển của công nghệ số làm mờ ranh giới không gian đào tạo, cho phép cơ sở giáo dục nước ngoài hiện diện sâu hơn trong hệ thống giáo dục Việt Nam mà không cần đầu tư cơ sở vật chất quy mô lớn. [9] Đồng thời, quá trình quốc tế hóa môi trường đại học được thúc đẩy thông qua luân chuyển giảng viên, sử dụng giáo trình nước ngoài, gia tăng hội thảo, nghiên cứu hợp tác và trao đổi học thuật. Những xu hướng này góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ, tư duy toàn cầu và khả năng thích ứng của sinh viên, song cũng đặt ra yêu cầu quản lý chặt chẽ hơn. [5]

Cùng với xu hướng mở rộng, quá trình triển khai liên kết đào tạo quốc tế nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia. Trước hết, hoạt động chuyển giao chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy có thể trở thành kênh lan tỏa hệ giá trị, quan điểm chính trị và mô hình phát triển của quốc gia đối tác. Trong môi trường đại học đề cao tự do học thuật và tư duy phản biện, nếu thiếu cơ chế định hướng và thẩm định phù hợp, một số nội dung có thể tác động đến nhận thức chính trị của sinh viên theo hướng thiếu cân bằng.

Bên cạnh đó, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và giao lưu học thuật với sự tham gia của giảng viên, chuyên gia nước ngoài đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý, giám sát nhằm phòng ngừa nguy cơ lợi dụng hoạt động học thuật để thu thập thông tin hoặc tác động tư tưởng. Sinh viên tham gia chương trình liên kết thường có trình độ ngoại ngữ tốt, tư duy mở và khát vọng hội nhập; nếu thiếu nền tảng chính trị – tư tưởng vững vàng, có thể bị ảnh hưởng bởi các quan điểm cực đoan hoặc phiến diện. [8]

Ngoài ra, quá trình quốc tế hóa mạnh mẽ còn có thể làm gia tăng tâm lý “sính ngoại”, tuyệt đối hóa mô hình giáo dục nước ngoài, từ đó ảnh hưởng đến nhận thức về giá trị trong nước và bản sắc văn hóa dân tộc. [7] Sự tham gia của các tổ chức trung gian, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp giáo dục nước ngoài trong mạng lưới hợp tác đa tầng cũng làm cấu trúc quản lý trở nên phức tạp, đòi hỏi cơ chế thẩm định và kiểm soát minh bạch, hiệu quả.

Từ thực tiễn quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đã phải điều chỉnh chính sách đối với giáo dục xuyên quốc gia khi nhận diện rõ các nguy cơ an ninh tiềm ẩn. Đối với Việt Nam, xu hướng gia tăng liên kết đào tạo quốc tế trong thời gian tới là tất yếu, song cần được quản lý theo cách tiếp cận chủ động, khoa học và toàn diện. Việc nhận diện đầy đủ các xu hướng và nguy cơ là cơ sở quan trọng để đề xuất giải pháp phù hợp, bảo đảm vừa mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, vừa giữ vững ổn định chính trị, xã hội và lợi ích an ninh quốc gia trong tình hình mới. [3]

3. Xu hướng hoạt động kích động, lôi kéo thế hệ Gen Z gây phức tạp về an ninh, trật tự trên thế giới và tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, hoạt động kích động, lôi kéo thế hệ Gen Z tham gia các hành vi gây phức tạp về an ninh, trật tự có nhiều diễn biến mới, ngày càng tinh vi, khó nhận diện và thích ứng nhanh với sự phát triển của công nghệ số. [9] Các xu hướng này phản ánh sự thay đổi về phương thức tác động, đối tượng hướng tới và cơ chế tổ chức hoạt động của các nhóm cực đoan trong bối cảnh môi trường trực tuyến trở thành không gian ảnh hưởng chủ yếu đối với giới trẻ.

Thứ nhất, nổi lên xu hướng trẻ hóa đối tượng bị tác động, lôi kéo. Nếu trước đây các hoạt động chống đối, gây rối chủ yếu tập trung vào nhóm trưởng thành, thì hiện nay các đối tượng xấu chuyển hướng tác động mạnh vào học sinh, sinh viên và thanh niên ở độ tuổi rất trẻ. [8] Gen Z là nhóm có khả năng tiếp cận công nghệ nhanh, sử dụng mạng xã hội thường xuyên, song còn hạn chế về bản lĩnh chính trị, kiến thức pháp luật và kỹ năng sàng lọc thông tin. Các đối tượng lợi dụng tâm lý tò mò, nhu cầu thể hiện bản thân, xu hướng chạy theo trào lưu và mong muốn khẳng định cái tôi để gieo rắc quan điểm lệch lạc dưới vỏ bọc “tự do ngôn luận”, “bảo vệ công lý” hay “quyền con người”. Việc tác động từ sớm không chỉ nhằm tạo phản ứng tức thời mà còn hướng đến mục tiêu lâu dài là hình thành lớp đối tượng có nhận thức sai lệch, sẵn sàng tham gia hoặc tiếp tay cho các hoạt động gây mất ổn định trong tương lai.

Thứ hai, phạm vi ảnh hưởng của hoạt động kích động ngày càng mở rộng cả về không gian và mức độ lan tỏa. Không gian mạng trở thành công cụ trung tâm để tuyên truyền, dẫn dắt dư luận và tập hợp lực lượng. [9] Thông qua mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến, livestream và các nhóm kín, thông tin sai lệch có thể lan truyền với tốc độ nhanh, vượt qua ranh giới địa lý và phương thức kiểm soát truyền thống. Đáng chú ý, các “cộng đồng ảo” được hình thành nhằm tạo hiệu ứng đám đông và củng cố tâm lý đồng thuận giả tạo. Khi thông tin sai trái được lặp lại với tần suất cao trong môi trường tương tác khép kín, một bộ phận người trẻ dễ bị cuốn theo mà thiếu khả năng phản biện độc lập. Từ tác động trên không gian mạng, ảnh hưởng dần được chuyển hóa thành hành vi ngoài đời thực như: tụ tập đông người, biểu tình trái phép hoặc gây rối trật tự công cộng, làm gia tăng nguy cơ hình thành điểm nóng an ninh ở cơ sở.

Thứ ba, xuất hiện xu hướng có sự can thiệp, tác động và hậu thuẫn từ bên ngoài. Một số tổ chức, cá nhân cực đoan ở nước ngoài lợi dụng các vấn đề nhạy cảm như: dân chủ, nhân quyền, môi trường, khiếu kiện xã hội để tuyển lựa, móc nối và xây dựng mạng lưới trong nước. [9] Phương thức triển khai chủ yếu thông qua nền tảng xuyên biên giới như: Facebook,

YouTube, TikTok, Telegram..., kết hợp với việc tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, mời tham gia hội thảo hoặc chương trình trao đổi nhằm tiếp cận, tác động đến nhóm sinh viên và trí thức trẻ. Trong bối cảnh công nghệ trí tuệ nhân tạo, Deepfake và các công cụ ẩn danh phát triển, hoạt động can thiệp từ bên ngoài dự báo sẽ ngày càng tinh vi hơn, gây khó khăn cho công tác nhận diện và xử lý.

Thứ tư, giữa các loại đối tượng tham gia kích động tồn tại mối liên hệ chặt chẽ, mang tính hệ thống. Quá trình này thường bao gồm các khâu từ tác động nhận thức, định hướng dư luận, huy động lực lượng đến kích hoạt hành vi. Một cá nhân hoặc nhóm có thể đảm nhiệm nhiều vai trò khác nhau tùy theo bối cảnh. Khi các chủ thể liên kết theo mô hình phân công linh hoạt trong môi trường mạng xã hội có tính lan truyền cao, hiệu ứng kích động được khuếch đại rõ rệt. Thực tiễn cho thấy, sự phối hợp giữa nhóm phát tán thông tin trực tuyến và nhóm tổ chức hoạt động ngoài đời thực có thể tạo thành chuỗi tác động liên hoàn, khó kiểm soát nếu không được phát hiện sớm. [8]

Như vậy, xu hướng hoạt động kích động, lôi kéo Gen Z hiện nay mang đặc điểm trẻ hóa đối tượng, mở rộng phạm vi tác động, gia tăng yếu tố can thiệp từ bên ngoài và vận hành theo cơ chế liên kết đa tầng. Việc nhận diện đầy đủ các xu hướng này có ý nghĩa quan trọng trong công tác dự báo, xây dựng giải pháp phòng ngừa và bảo đảm an ninh, trật tự trong bối cảnh chuyển đổi số và quốc tế hóa sâu rộng. [3]

4. Một số vấn đề đặt ra trong quản lý các trường đại học đào tạo liên kết quốc tế tại Việt Nam

Trong bối cảnh hoạt động đào tạo liên kết quốc tế ngày càng mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức và gia tăng mức độ quốc tế hóa, công tác quản lý các trường đại học có chương trình liên kết quốc tế cần được đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia. [6] Trên cơ sở phân tích các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh tư tưởng, văn hóa, thông tin và trật tự xã hội, có thể xác định một số mặt công tác trọng tâm sau:

Thứ nhất, tăng cường quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với chương trình và nội dung đào tạo liên kết quốc tế. Đây là giải pháp mang tính nền tảng, nhằm bảo đảm hoạt động hội nhập giáo dục diễn ra

trong khuôn khổ pháp luật và phù hợp lợi ích quốc gia. [4] Cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hợp tác giáo dục xuyên quốc gia; quy định rõ trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, các bộ, ngành liên quan và cơ sở giáo dục đại học trong bảo đảm an ninh đối với hoạt động liên kết đào tạo. Đặc biệt, phải coi trọng khâu thẩm định đối tác nước ngoài, chương trình, giáo trình, đội ngũ giảng viên và phương thức tổ chức đào tạo, bảo đảm không để các nội dung trái với pháp luật, ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, nhận thức của sinh viên thâm nhập vào môi trường học thuật. [2] Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất, kịp thời phát hiện, xử lý các sai phạm phát sinh trong quá trình triển khai, qua đó nâng cao tính tuân thủ và kỷ cương trong hoạt động liên kết đào tạo quốc tế.

Thứ hai, coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và quản lý truyền thông, mạng xã hội trong môi trường đào tạo liên kết quốc tế. Trong điều kiện sinh viên thường xuyên tiếp cận nguồn thông tin đa chiều và tương tác mạnh trên không gian mạng, việc củng cố nền tảng tư tưởng và nâng cao khả năng tự sàng lọc thông tin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. [8] Các cơ sở đào tạo cần lồng ghép hiệu quả giáo dục lý luận chính trị, giáo dục pháp luật và bồi dưỡng bản lĩnh công dân trong chương trình đào tạo; đồng thời tăng cường sinh hoạt chính trị, đối thoại, định hướng giá trị cho sinh viên. [4] Bên cạnh đó, công tác truyền thông chính thống phải chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về chủ trương, chính sách và hoạt động liên kết đào tạo, hạn chế khoảng trống thông tin dễ bị lợi dụng. Việc quản lý, giám sát hoạt động trên mạng xã hội cần được thực hiện bằng sự kết hợp giữa pháp luật, công nghệ và tuyên truyền, bảo đảm môi trường học thuật cởi mở nhưng có định hướng, không để lan truyền các quan điểm sai trái, xuyên tạc hoặc kích động.

Thứ ba, chủ động nắm tình hình, dự báo và cảnh báo sớm các nguy cơ gây phức tạp về an ninh, trật tự trong các cơ sở đào tạo liên kết quốc tế. Đây là giải pháp mang tính phòng ngừa chiến lược, thể hiện tư duy quản lý an ninh hiện đại. [6] Công tác nắm

tình hình cần tập trung vào diễn biến tư tưởng, tâm lý sinh viên, các xu hướng dư luận trên không gian mạng, cũng như những yếu tố nhạy cảm trong hoạt động hợp tác quốc tế. Trên cơ sở tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn, các cơ quan chức năng và nhà trường phải nâng cao năng lực phân tích, dự báo các nguy cơ tiềm ẩn, kịp thời đưa ra cảnh báo và biện pháp xử lý phù hợp. Cảnh báo không chỉ dừng ở mức thông tin nội bộ mà cần được cụ thể hóa bằng các biện pháp quản lý, điều chỉnh nội dung giáo dục, truyền thông hoặc tổ chức hoạt động phù hợp với từng đối tượng. [5] Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao độ chính xác và tính kịp thời của công tác dự báo.

Thứ tư, đẩy mạnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và ngăn chặn âm mưu kích động, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động gây phức tạp về an ninh, trật tự. Trong môi trường đào tạo quốc tế hóa cao, sinh viên có điều kiện tiếp xúc với nhiều hệ giá trị và cách tiếp cận khác nhau; vì vậy, việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng cần được tiến hành trên cơ sở lập luận khoa học, thuyết phục, phù hợp đặc điểm tâm lý người học. Vai trò của giảng viên, nhà khoa học và cán bộ quản lý là hết sức quan trọng trong việc phân tích, làm rõ bản chất phiến diện hoặc sai lệch của các luận điệu xuyên tạc. Song song với đó, cần tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, giúp sinh viên nhận thức rõ hậu quả pháp lý và xã hội của các hành vi vi phạm. Sự kết hợp giữa phòng ngừa, định hướng và xử lý kịp thời sẽ góp phần hạn chế nguy cơ bị lôi kéo, kích động. [8]

Thứ năm, tăng cường phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý hoạt động đào tạo liên kết quốc tế. Do tính chất liên ngành của lĩnh vực này, cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý giáo dục, lực lượng bảo đảm an ninh, chính quyền địa phương và cơ sở đào tạo. [2] Đồng thời, phát huy vai trò của gia đình và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong việc theo dõi, hỗ trợ và định hướng sinh viên. Sự phối hợp đồng bộ, thường xuyên và rõ trách nhiệm sẽ hạn chế khoảng trống quản lý, nâng cao hiệu quả phòng ngừa, xử lý các vấn đề phát sinh. [6]

Tổng thể các giải pháp nêu trên nhằm bảo đảm sự phát triển của đào tạo liên kết quốc tế theo hướng mở rộng nhưng có kiểm soát, hội nhập nhưng giữ vững định hướng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học gắn với bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới.

5. Kết luận

Bài viết phân tích quản lý đào tạo liên kết quốc tế tại đại học Việt Nam dưới yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia khi hội nhập, chuyển đổi số. Mở rộng hợp tác, chuyển giao chương trình trên nền tảng xuyên biên giới làm tăng rủi ro an ninh tư tưởng, văn hóa, thông tin, trật tự. Gen Z sử dụng mạng xã hội thường xuyên nên dễ bị thông tin sai lệch, cực đoan hóa, lôi kéo vi phạm nếu thiếu định hướng và kỹ năng số. Bài viết kiến nghị quản lý rủi ro như hoàn thiện pháp lý, thẩm định đối tác/nội dung; tăng thanh tra, giám sát; đẩy mạnh giáo dục chính trị-pháp luật, truyền thông; dự báo-cảnh báo sớm; phối hợp liên ngành giữa cơ quan quản lý, lực lượng an ninh, nhà trường, gia đình theo hướng an toàn. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 38/2020/TT-BGDĐT ngày 06/10/2020: Quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến*, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.
<https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=201196&pageid=27160>
2. Chính phủ (2018), *Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018: Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.
<https://vanban.chinhphu.vn/?docid=193897&pageid=27160>
3. Quốc hội, (2018), *Luật số 24/2018/QH14 ngày 12/06/2018: Luật an ninh mạng*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.
<https://vanban.chinhphu.vn/?docid=206114&pageid=27160>
4. Quốc hội, (2018), *Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo*

dục đại học. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.
<https://vanban.chinhphu.vn/?docid=206102&pageid=27160>

5. Nguyễn Hữu Cường (2021), Joint-training programs in Vietnam: Operation and quality management aspects gathered from institutional practices. *Asia Pacific Education Review*, 22, 333–347. <https://doi.org/10.1007/s12564-021-09672-2>

6. Parajuli, D., Vo, D. K., Salmi, J., & Tran, N. T. A. (2020), *Improving the performance of higher education in Vietnam: Strategic priorities and policy options*. World Bank.
<https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/347431588175259657>

7. Tran, T. N., Mach, T. H., & Ngo, M. H. (2025), Exploring the transnational education landscape of Vietnam and its potential for international cooperation. *Journal of Development and Integration*, 85, 116–122.
<https://doi.org/10.61602/jdi.2025.85.13>

8. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (2017), *Preventing violent extremism through education: A guide for policy-makers*. UNESCO.
<https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000247764>

9. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (2023), *Guidelines for the governance of digital platforms*. UNESCO.
<https://www.unesco.org/en/articles/guidelines-governance-digital-platforms>

Ngày nhận bài: 11/3/2026; Ngày thẩm định: 10/4/2026; Ngày duyệt đăng: 17/4/2026.

PHÁP LUẬT VỀ CẤP GIẤY PHÉP LƯU THÔNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

Đại úy, ThS TRỊNH THẾ TUẤN

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Trịnh Thế Tuấn (Email: tringthetuant34@gmail.com)

Tóm tắt: Cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC, CNCH) là một thủ tục hành chính có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực này. Bài viết làm rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của phương tiện, khái quát các quy định của pháp luật liên quan, trên cơ sở đó, đưa ra một số vấn đề cần chú ý góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH hiện nay.

Từ khóa: cấp giấy phép lưu thông, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: The issuance of road circulation permits for fire and rescue vehicles is an important administrative procedure in this field. This article examines the significance and role of these vehicles, outlines the relevant legal framework, and, on that basis, highlights several issues requiring attention in order to improve the effective implementation of current regulations on the issuance of circulation permits for such vehicles.

Keywords: issuance of permits for circulation, fire and rescue vehicles.

1. Theo Thông tư số 103/2025/TT-BCA ngày 04/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện PCCC, CNCH cho nhà và công trình (QCVN 10:2025/BCA), tại mục 1.4.2 xác định “Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, phương tiện thông dụng, thiết bị, máy móc, dụng cụ, chất chữa cháy các loại được sử dụng cho việc phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ” [1]. Đây là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu đúng và nhận thức đầy đủ, chính xác khi nghiên cứu phương tiện PCCC, CNCH.

Hoạt động cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH là một thủ tục quản lý hành

chính chuyên ngành do cơ quan Công an có thẩm quyền thực hiện, nhằm kiểm tra, thẩm định và xác nhận điều kiện pháp lý cũng như tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các phương tiện PCCC, CNCH trước khi lưu thông trên thị trường. Nội dung của hoạt động này bao gồm việc kiểm tra thành phần hồ sơ, tính pháp lý và hợp lệ của hồ sơ, đối chiếu các thông số kỹ thuật với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan, đảm bảo rằng phương tiện khi được cấp phép lưu thông có đủ khả năng vận hành ổn định. Đây là “mắt xích” quan trọng trong công tác quản lý nhà nước, giúp loại bỏ các phương tiện PCCC, CNCH không đảm bảo an toàn, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ lực lượng chức năng khi vận hành phương tiện đặc chủng trong các tình huống cấp bách.

Trong hoạt động PCCC, CNCH, phương tiện có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng. Là cơ sở vật chất, kỹ thuật có vai trò quyết định trực tiếp đến hiệu quả của các hoạt động nghiệp vụ trong thực tiễn, nhất là hoạt động chữa cháy, CNCH. Trước hết, hệ thống phương tiện chuyên dụng từ xe chữa cháy, tàu xuồng đến các thiết bị phá dỡ, dò tìm nạn nhân đóng vai trò mở rộng năng lực ứng phó, xử lý các tình huống do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra, cho phép lực lượng chức năng tiếp cận và xử lý các tình huống nguy hiểm mà nếu không có những phương tiện đó thì khó hoặc không thể tiếp cận được. Ý nghĩa của các phương tiện này không chỉ dừng lại ở việc khống chế, dập tắt đám cháy, giảm thiểu tối đa thiệt hại về tài sản, mà còn là “lá chắn” bảo vệ an toàn tính mạng cho cả nạn nhân lẫn người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; giúp rút ngắn tối đa “thời gian vàng” để triển khai hiệu quả các hoạt động chữa cháy, CNCH trong các vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố phức tạp. Sự hiện đại hóa và tính sẵn sàng của phương tiện PCCC, CNCH còn phản ánh mức độ tiên tiến của hệ thống hạ tầng an toàn quốc gia, là thước đo cho năng lực phản ứng nhanh và tính chuyên nghiệp của lực lượng PCCC và CNCH nói chung, nòng cốt là lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thực thi pháp luật trong việc bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Theo đó, Luật PCCC và CNCH quy định cụ thể việc sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện PCCC, CNCH tại Điều 44, như sau [5]:

Phương tiện PCCC, CNCH sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi lưu thông trên thị trường phải bảo đảm về chất lượng, đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Phương tiện PCCC, CNCH nhập khẩu phải đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Trường hợp giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã quy định việc cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện PCCC, CNCH tại Điều 23 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025, trong đó đã quy định chi tiết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông; việc tiếp nhận, xử lý và cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH; thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông; việc cấp giấy phép lưu thông thay thế việc công bố hoạt động hợp chuẩn, hợp quy theo quy định của pháp luật; thu hồi giấy phép lưu thông;... Đồng thời, Chính phủ đã xác định rõ danh mục các phương tiện PCCC, CNCH thuộc diện cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025. Đây chính là cơ sở pháp lý có ý nghĩa quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, thực hiện.

Bên cạnh đó, để bảo đảm các quy định của pháp luật về cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH sớm đi vào cuộc sống cũng như thống nhất một số nội dung trong quá trình tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn quốc, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung này, cụ thể như sau:

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH thực hiện theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC&CNCH thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an trên môi trường điện tử. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nội dung sau [3]:

+ Tiếp nhận hồ sơ trên môi trường điện tử: Căn cứ quy trình giải quyết thủ tục hành chính, bộ phận một cửa có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và tính hợp lệ của hồ sơ. Thành phần hồ sơ được quy định tại khoản 2, Điều 23, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

Về tính hợp lệ của hồ sơ bao gồm các nội dung: Đối tượng nộp hồ sơ đề nghị cấp phép lưu thông

phương tiện PCCC, CNCH phù hợp quy định (là cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, lắp ráp trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH); loại phương tiện PCCC, CNCH đề nghị cấp phép lưu thông phù hợp quy định (là phương tiện thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP); thể thức, pháp lý của các tài liệu có trong hồ sơ: Các văn bản, tài liệu phải theo đúng biểu mẫu (nếu có, ví dụ mẫu PC20) có thể thức phù hợp và được ký, xác thực điện tử đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH theo kết quả thử nghiệm của các cơ quan, tổ chức nước ngoài: Cần kiểm tra, đối chiếu với năng lực thử nghiệm của đơn vị thử nghiệm theo chứng nhận ISO 17025 được cấp.

Thời hạn giải quyết của bộ phận một cửa được quy định cụ thể tại quy trình giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể: Thời gian kiểm tra hồ sơ: 08 giờ làm việc kể từ thời điểm tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ; thời gian lập phiếu tiếp nhận, chuyển cấp có thẩm quyền phân công: 04 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Xử lý hồ sơ: Cán bộ, chiến sỹ được giao trách nhiệm giải quyết hồ sơ phải thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 30, Thông tư số 37/2025/TT-BCA và quy trình giải quyết thủ tục hành chính về PCCC, CNCH, chịu trách nhiệm về nội dung đã giải quyết, cụ thể: Kiểm tra, đối chiếu nội dung kết quả thử nghiệm phương tiện PCCC, CNCH và các tài liệu có trong hồ sơ với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Khi xem xét kết quả thử nghiệm của các cơ quan, tổ chức nước ngoài: Kiểm tra lại về thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ; trình tự thời gian thực hiện cấp phép phù hợp quy định; chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm phải phù hợp với các chỉ tiêu kỹ thuật của phương tiện PCCC, CNCH theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng, là kết quả còn hiệu lực (đối với kết quả thử nghiệm lần đầu, kết quả đánh giá định kỳ của mẫu phương tiện PCCC).

Bên cạnh đó, kết quả cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH phải được cập nhật trên

hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC&CNCH theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH tại Điều 11 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025. Theo đó, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, CNCH quy định tại Mục 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP [2].

2. Một số vấn đề cần chú ý trong quá trình thực hiện cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH, cụ thể như sau:

Một là, phương tiện PCCC, CNCH (thuộc danh mục tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ) sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phải được cấp phép lưu thông trước khi lưu thông ra thị trường (lần đầu). Các lô phương tiện PCCC, CNCH sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu (lần kế tiếp) được tự do lưu thông ra thị trường mà không phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu thông (cấp giấy phép lưu thông cho mẫu phương tiện PCCC, CNCH). Theo đó, tổ chức, cá nhân không phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu thông nếu phương tiện PCCC, CNCH có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật do cùng một đơn vị sản xuất, lắp ráp hoặc do cùng tổ chức, cá nhân nhập khẩu đúng với mẫu đã được cấp giấy phép lưu thông trước đó.

Hai là, các phương tiện PCCC, CNCH không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ thì không cần phải được cấp giấy phép lưu thông theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, các phương tiện này vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ghi nhãn hàng hóa và các quy định có liên quan khác.

Ba là, đối với doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH được phép sử dụng kết quả thử nghiệm, chứng nhận chất lượng hợp lệ của tổ chức thử nghiệm, đánh giá nước ngoài để cung cấp trong quá trình nộp hồ sơ cấp phép mà không phải thử nghiệm lại.

Kết quả thử nghiệm hợp lệ là: Chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; do tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện có chứng chỉ công nhận tổ chức thử nghiệm. Trường hợp không có kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài thì được sử dụng kết quả thử nghiệm do tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Bốn là, cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH theo mẫu đã được cấp phép lưu thông trước đó, trước khi đưa phương tiện lưu thông ra thị trường có trách nhiệm khai báo các thông tin theo quy định trên hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc bằng văn bản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành đã cấp giấy phép lưu thông cho phương tiện, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy để cập nhật và theo dõi và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khai báo.

Năm là, trong giai đoạn hiện nay, cơ quan Công an đã chuyển đổi mạnh mẽ phương thức quản lý từ việc kiểm định từng sản phẩm riêng lẻ sang việc cấp giấy phép lưu thông cho mẫu phương tiện. Điều này có nghĩa là khi một mẫu xe chữa cháy hoặc thiết bị chuyên dụng đã được cấp phép, các phương tiện cùng loại, cùng thông số kỹ thuật từ cùng nhà sản xuất sẽ được lưu thông mà không cần thực hiện lại thủ tục này. Vì vậy, trách nhiệm của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an các địa phương trong quá trình thực hiện là phải thẩm định cực kỳ nghiêm ngặt hồ sơ kỹ thuật ban đầu và đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện PCCC, CNCH. Sau khi cấp phép, chức năng quản lý sẽ tập trung vào công tác “hậu kiểm” để đảm bảo các phương tiện lưu thông thực tế trên thị trường luôn duy trì đúng chất lượng so với mẫu đã đăng ký.

Sáu là, đảm bảo tính hợp pháp của các thiết bị phát tín hiệu ưu tiên (đèn, còi) và việc số hóa dữ liệu phương tiện PCCC, CNCH theo đúng quy định. Khi cấp giấy phép lưu thông, cơ quan Cảnh sát

PCCC&CNCH cần kiểm tra sự tương thích của các thiết bị này theo quy định về xe ưu tiên để tránh gây xung đột hoặc nhầm lẫn khi phương tiện tham gia giao thông. Đồng thời, toàn bộ thông tin về giấy phép lưu thông hiện nay phải được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH.

Bảy là, trong thời gian chuyển tiếp (01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026), tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ đã quy định việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC, quản lý, sử dụng tem kiểm định phương tiện PCCC được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30/6/2026. Như vậy, kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026 các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH có 02 lựa chọn (1) là đề nghị cấp giấy phép lưu thông cho phương tiện PCCC, CNCH hoặc (2) đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 103/2025/TT-BCA ngày 04/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện PCCC, CNCH cho nhà và công trình (QCVN 10:2025/BCA)*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC&CNCH*, Hà Nội.
3. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (2025), *Công văn số 1701/C07-P3 ngày 10/6/2025 của Cục Cảnh sát PCCC &CNCH V/v hướng dẫn triển khai thực hiện Luật PCCC&CNCH và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC&CNCH*, Hà Nội.
5. Quốc hội (2024), *Luật PCCC&CNCH*, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG BỘ KÝ HIỆU GIAO TIẾP BẰNG TAY VỀ TÌNH TRẠNG SỬ DỤNG MẶT NẠ PHÒNG ĐỘC CÁCH LY

Trung tá, ThS ĐỖ HÒA

Khoa Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trường Đại học PCCC

Thượng tá, TS ĐÀO ANH TUẤN

Phó trưởng Khoa Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Đào Anh Tuấn (Email: daotuanpccc@gmail.com)

Tóm tắt: Bài báo đã xây dựng hệ thống ký hiệu giao tiếp bằng tay về tình trạng sử dụng mặt nạ phòng độc cách ly trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm quốc tế từ các lĩnh vực có đặc thù tương đồng như lặn biển và các nguyên tắc khi xây dựng ký hiệu ngôn ngữ của người khiếm thính. Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở, mã số SNV.2024.T06.80.

Từ khóa: ký hiệu tay, mặt nạ phòng độc cách ly, môi trường khói, khí độc, hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: The article presents the development of hand signal system for communicating the usage status of self-contained breathing apparatus, drawing on international experience from fields with similar operational characteristics, such as scuba diving, as well as principles used in the development of sign languages for the deaf. This paper presents results from an institutional level research project, code: SNV.2024.T06.80.

Keywords: hand signals, self-contained breathing apparatus (SCBA), smoke and toxic gas environment, firefighting and rescue operations.

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bên trong công trình, môi trường nhiều khói, khí độc, nhiệt độ cao tạo ra thách thức lớn đối với an toàn của cán bộ, chiến sỹ và hiệu quả triển khai đội hình. Trong bối cảnh đó, việc trao đổi thông tin hai chiều giữa các chiến sỹ, giữa các chiến sỹ với tổ trưởng và tổ trưởng với chỉ huy là điều kiện cần để thống nhất hành động, rút ngắn thời gian phản ứng. Tuy nhiên, khi chiến sỹ sử dụng mặt nạ phòng độc cách ly, giao tiếp bằng lời bị suy giảm bởi mặt trùm, tiếng thở, tiếng ồn hiện trường và các hạn chế thiết bị liên lạc; đồng thời khói, ánh sáng yếu làm giảm thị giác khiến việc truyền đạt nhanh và chính xác trở nên khó khăn.

Trên thế giới và tại Việt Nam, nhiều lực lượng và tổ chức đã chuẩn hóa các hệ thống tín hiệu, ký hiệu trực quan nhằm bảo đảm truyền đạt mệnh lệnh trong điều kiện lời nói không hiệu quả; các hệ thống này cung cấp giá trị tham khảo quan trọng cho việc thiết kế bộ ký hiệu phù hợp với điều kiện hoạt động của lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Việt Nam. Ở trong nước, dù đã có một số công trình đề cập ký hiệu tay trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, nhưng nhìn chung chưa có nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về bộ ký hiệu giao tiếp trong môi trường nhiều khói, khí độc.

Do đó, việc thiết kế bộ ký hiệu giao tiếp khi sử dụng mặt nạ phòng độc cách ly trong môi trường khói, khí độc đóng vai trò quan trọng và cấp bách.

2. Tình hình sử dụng ký hiệu giao tiếp bằng tay khi sử dụng mặt nạ phòng độc loại cách ly

Phân tích số liệu thống kê của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trong 05 năm (từ 2021 – 2025) [1], loại hình xảy ra cháy xảy ra ở nhiều loại hình cơ sở, phương tiện giao thông khác nhau. Trong đó, số vụ cháy xảy ra đối với loại hình nhà ở đơn lẻ, nhà ở kết hợp kinh doanh, nhà chung cư, kho, cơ sở sản xuất, kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vụ cháy qua các năm, dao động từ khoảng 80% đến gần 88%. Trên cơ sở phân tích loại hình xảy ra cháy, có thể nhận thấy lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ yếu phải hoạt động đối với các đám cháy xảy ra bên trong nhà, công trình. Đám cháy trong luôn tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm cho cán bộ, chiến sỹ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Các mối nguy hiểm này có thể do nhiệt độ cao, cấu kiện xây dựng bên trong công trình sụp đổ gây ra và đặc biệt là luôn tích tụ và lan truyền nhanh khói, khí độc làm suy giảm mạnh khả năng quan sát, định hướng. Thực tiễn hoạt động trong môi trường nhiều khói, khí độc cho thấy giao tiếp của lực lượng chịu tác động đồng thời từ: yếu tố đám cháy (khói dày, ánh sáng yếu, nền nhiễu), việc hoạt động của các phương tiện, thiết bị và tiếng ồn, và yếu tố trang bị bảo hộ cá nhân. Trong đó, mặt nạ phòng độc cách ly vừa là thiết bị bảo vệ sống còn, nhưng cũng là rào cản giao tiếp: mặt trùm làm hạn chế trường nhìn, cản trở liên lạc bằng giọng nói; tiếng thở trong mặt trùm và tiếng ồn hiện trường làm giảm khả năng nghe, trong khi khói che khuất chi tiết nhỏ khiến ký hiệu dễ bị hiểu sai.

Khi thực hiện nhiệm vụ, ngoài lời nói, việc truyền đạt thông tin còn thực hiện qua các tín hiệu trực quan, tín hiệu âm thanh quy ước và giao tiếp bằng tiếp xúc/xúc giác trong trường hợp tầm nhìn quá kém.

Tín hiệu âm thanh (còi, keng, loa, tín hiệu từ phương tiện) thường hữu ích để phát lệnh mang tính đồng loạt như tập kết, dừng, rút lui hoặc cảnh báo nguy cơ chung. Tuy nhiên, tín hiệu âm thanh dễ bị lẫn trong nền ồn hoặc khó xác định hướng phát trong không gian phức tạp nhiều phòng, nhiều tầng, vì vậy chỉ nên chuẩn hóa một số tín hiệu ít nhưng rõ nghĩa, tránh lạm dụng gây nhiễu.

Tín hiệu trực quan có thể là sử dụng đèn pin, đèn cá nhân theo quy ước, hoặc các tín hiệu tay, cánh tay. Hiệu quả của tín hiệu trực quan phụ thuộc vào điều kiện tầm nhìn: khói dày làm giảm độ tương phản và che khuất chuyển động; mặt nạ và tư thế bò thấp làm thu hẹp trường nhìn, khiến tín hiệu dễ bị bỏ sót. Vì thế, khi áp dụng tín hiệu trực quan cần ưu tiên các động tác có biên độ lớn, thực hiện trong vùng ngực, vai, giữ đủ thời gian và lặp lại hợp lý để tăng khả năng nhận biết. Thực tế trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại đám cháy, cán bộ, chiến sỹ thường sử dụng các bằng đèn chiếu sáng cá nhân, hoặc ký hiệu bằng tay cơ bản đã được đào tạo, huấn luyện như: ký hiệu "chú ý", "dừng hoạt động", "tới đây"....

Thực tế trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại đám cháy, cán bộ, chiến sỹ thường sử dụng các bằng đèn chiếu sáng cá nhân, hoặc một số ký hiệu bằng tay cơ bản đã được đào tạo, huấn luyện như ký hiệu "chú ý", "dừng ra nước", "tới đây".... Ngoài ra, khi tầm nhìn suy giảm nghiêm trọng, các chiến sỹ sử dụng dây dẫn hướng để trao đổi thông tin hoặc có thể sử dụng giao tiếp xúc giác như một kênh dự phòng như chạm, vỗ nhẹ theo quy ước, dẫn tay. Hình thức này có giá trị trong các tình huống "không thể nhìn thấy" nhưng cần truyền đạt thông tin tối thiểu để giữ liên kết đội hình và bảo đảm an toàn. Tuy nhiên, lượng thông tin theo các hình thức được sử dụng trong thực tế chưa nhiều, nhiều thông tin về tình hình, đặc điểm đám cháy chưa có quy định để thực hiện.

3. Xây dựng bộ ký hiệu về tình trạng mặt nạ phòng độc cách ly

Mặt nạ phòng độc cách ly là thiết bị bảo vệ thiết yếu nhất cho tính mạng và sức khỏe của cán bộ, chiến sỹ khi trực tiếp đối mặt với môi trường khói, khí độc. Việc trao đổi thông tin về lượng khí còn lại, áp suất bình khí hay các trục trặc của thiết bị đóng vai trò then chốt trong việc quyết định tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hay rút lui an toàn. Nhóm ký hiệu này được xây dựng dựa trên sự kế thừa kinh nghiệm quốc tế từ các lĩnh vực có đặc thù tương đồng như lặn biển, giúp các thành viên trong tổ giám sát chặt chẽ tình trạng an toàn của nhau, đảm bảo tính mạng cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ. Bộ ký hiệu được thiết kế theo hướng

động tác tự nhiên, biên độ đủ lớn, dễ nhận biết khi tầm nhìn hạn chế; hạn chế động tác ngón tay do người sử dụng thường mang găng dày, đeo mặt nạ và bình thở. Khi vận hành, áp dụng cơ chế xác nhận hai chiều (ra ký hiệu – phản hồi mới hành động) và chuẩn hóa vị trí thực hiện trong vùng nhìn tốt (ngang ngực đến ngang vai), bảo đảm truyền đạt rõ ràng trong điều kiện khói dày, ánh sáng yếu.

Bộ ký hiệu này sử dụng trong điều kiện ánh sáng còn cho phép việc quan sát có thể thực hiện và nhìn thấy được

Bộ ký hiệu về tình trạng sử dụng mặt nạ phòng độc cách ly được xây dựng bao gồm:

*Còn bao nhiêu khí trong bình chứa của bộ mặt nạ phòng độc cách ly

- Trường hợp áp dụng: Khi muốn biết lượng khí còn lại trong bình chứa của mặt nạ phòng độc cách ly.

- Cách thực hiện: Đưa hai tay lên ngang ngực; bàn tay trái mở, lòng bàn tay ngửa lên trên; bày tay phải nắm, duỗi thẳng ngón trỏ và ngón giữa sao cho hai ngón này khép sát nhau. Đưa 2 ngón này chạm vào giữa lòng bàn tay trái (xem hình 1).



Hình 1: Còn bao nhiêu khí?

Việc hỏi lượng khí còn lại trong bình chứa của đồng đội có thể thực hiện bằng 2 ký hiệu sau: ký hiệu 1 "anh/chị/cái này"; ký hiệu 2 "còn bao nhiêu khí".

*Hết khí trong bình chứa của bộ mặt nạ phòng độc cách ly

- Trường hợp áp dụng: Khi không còn khí trong bình chứa của bộ mặt nạ phòng độc cách ly.

- Cách thực hiện: Đưa bàn tay phải lên vị trí dưới cằm; lòng bàn tay úp xuống dưới. Di chuyển bàn tay phải sang phải khoảng 20 cm. Lặp lại động tác này 3 lần (xem hình 2).



Hình 2: Hết khí.

*Còn ít khí trong bình chứa của bộ mặt nạ phòng độc cách ly

- Trường hợp áp dụng: Khi lượng khí trong bình chứa của bộ mặt nạ phòng độc cách ly còn ít.

- Cách thực hiện: Đưa bàn tay phải lên ngang ngực; cẳng tay song song với mặt đất; bàn tay nắm, úp vào trong. Di chuyển bàn tay phải về phía cằm 10 cm, rồi lại đưa về vị trí cũ; lặp lại động tác này 3 lần (xem hình 3).



Hình 3: Còn ít khí.

*Cấp khí cho tôi

- Trường hợp áp dụng: Khi muốn cấp khí phục vụ cho việc hô hấp.
- Cách thực hiện: Đưa bàn tay phải lên chạm vào van nhu cầu thở, sau đó đưa bàn tay dôi ra phía trước 10 cm. Lặp lại động tác này 3 lần (xem hình 4).



Hình 4: Cấp khí cho tôi.

***Thay bình khí**

- Trường hợp áp dụng: Khi muốn thay bình khí của bộ mặt nạ phòng độc cách ly.
 - Cách thực hiện: Bước 1, thực hiện ký hiệu "thay". Bước 2, tay phải chỉ vào bình khí (xem hình 5).
- Ký hiệu này có thể áp dụng cho việc thay các bộ phận khác của bộ mặt nạ phòng độc cách ly.



Hình 5: Thay bình khí.

- *Kiểm tra áp kế của bộ mặt nạ phòng độc cách ly**
- Trường hợp áp dụng: Khi muốn đồng đội kiểm

tra áp kế của bộ mặt nạ phòng độc cách ly.

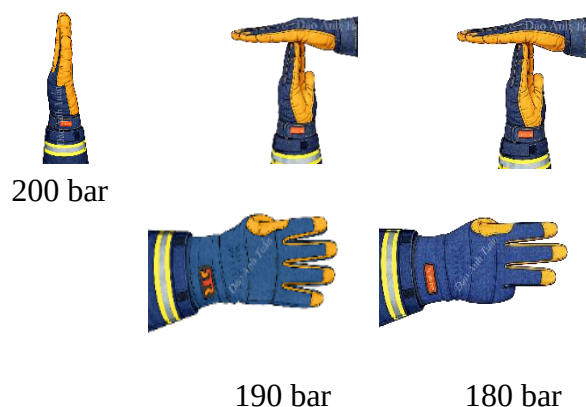
- Cách thực hiện: Đưa tay trái lên cầm áp kế của bộ mặt nạ phòng độc cách ly trong lòng bàn tay. Ngón trỏ tay phải chỉ vào mặt áp kế (xem hình 6).

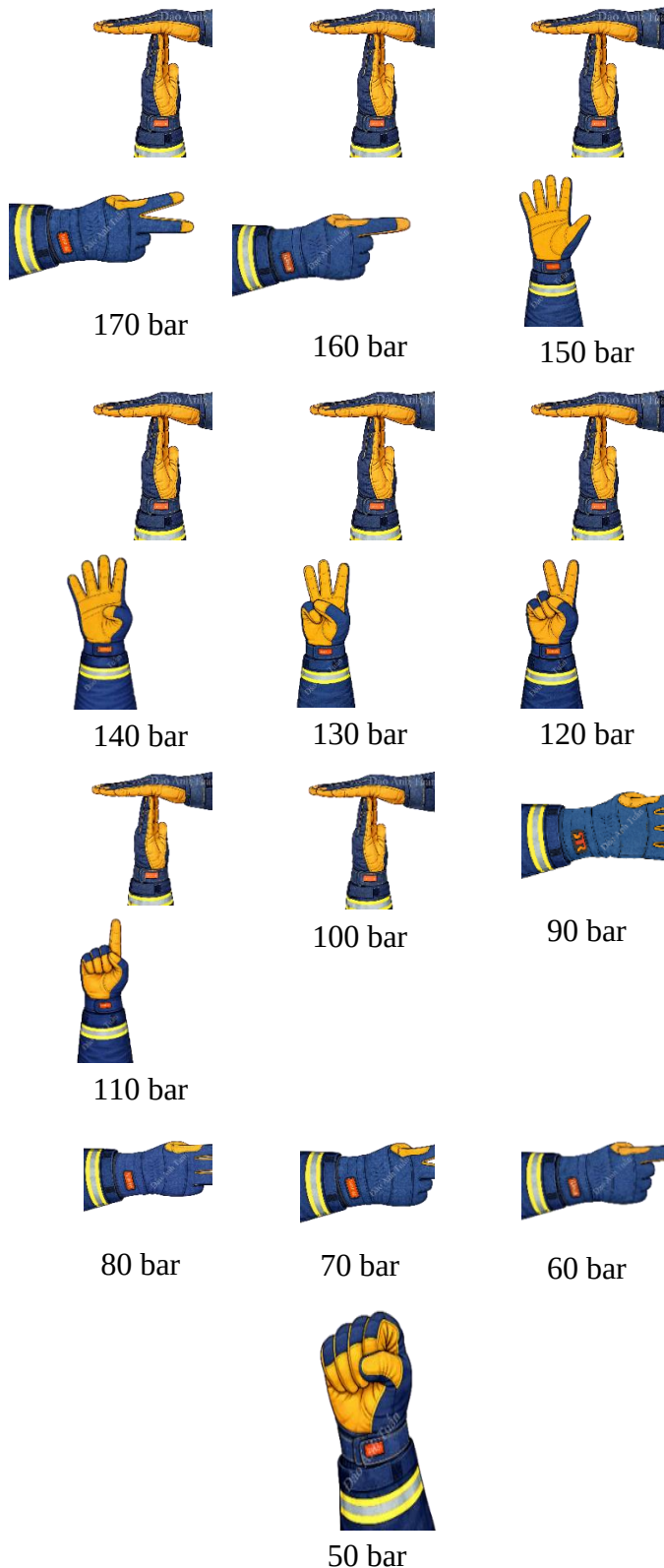


Hình 6: Kiểm tra áp kế.

- *Áp suất khí trong bình (hiện thị trên mặt áp kế của thiết bị)**

Thông tin về số đo áp suất khí trong bình chứa của bộ mặt nạ phòng độc cách ly được thể hiện thông qua các ký hiệu về con số (xem hình 7).





Hình 7: Áp suất khí trong bình.

***Mặt trùm bị rò khí**

- Trường hợp áp dụng: Khi mặt trùm của bộ mặt nạ phòng độc cách ly có vấn đề và bị rò khí.

- Cách thực hiện: Bước 1, thực hiện ký hiệu "có vấn đề". Bước 2, đưa bàn tay phải lên ngang mép dưới kính của mặt trùm; bàn tay phải nắm, ngón trỏ duỗi

thẳng chạm vào mép dưới kính của mặt trùm; đưa ngón trỏ di chuyển lên mép trên kính của mặt trùm (xem hình 8).



Hình 8: Mặt trùm bị rò khí.

***Kính mặt trùm bị mờ**

- Trường hợp áp dụng: Khi mặt trùm của bộ mặt nạ phòng độc cách ly bị mờ.

- Cách thực hiện: Bước 1, thực hiện ký hiệu "có vấn đề". Bước 2, đưa bàn tay phải lên ngang kính của mặt trùm; bàn tay phải nắm, ngón trỏ duỗi thẳng chạm vào mép trên kính mặt trùm; đưa ngón trỏ di chuyển qua lại theo mép trên kính của mặt trùm; lặp lại động tác này 3 lần (xem hình 9).



Hình 9: Kính mặt trùm bị mờ.

***Một số chú ý khi sử dụng bộ ký hiệu:**

- Tất cả các ký hiệu ưu tiên sử dụng tay phải.

- Một ký hiệu là một ý nghĩa, một hành động chuẩn.
- Chiến sỹ đưa ra ký hiệu phải ở vị trí có các điều kiện quan sát tốt. Chỉ sử dụng trong trường hợp đủ ánh sáng. Trong khói dày, cần tiến gần hơn, chậm hơn và lặp lại, chờ xác nhận.
- Trước khi đưa ra ký hiệu, cần chắc chắn đã thu hút được sự chú ý của chiến sỹ cần truyền đạt thông tin;
- Đưa ra tín hiệu cho đến khi chiến sỹ tiếp nhận đưa ra ký hiệu tiếp nhận;
- Chiến sỹ nhận được tín hiệu, nếu đã rõ phải đưa ra ký hiệu tiếp nhận để đáp lại.

4. Kết luận

Bài báo đã đề xuất và phát triển một hướng tiếp cận hệ thống để xây dựng bộ ký hiệu giao tiếp bằng tay cho lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi sử dụng mặt nạ phòng độc cách ly trong môi trường nhiều khói, khí độc. Việc xây dựng hệ thống ký hiệu này cung cấp nền tảng để chuẩn hóa giao tiếp phi ngôn ngữ trong hoạt động có nguy cơ cao, góp phần nâng cao phối hợp đội hình, giảm độ trễ truyền đạt mệnh lệnh và tăng cường an toàn khi làm việc trong môi trường khói, khí độc.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Văn Thủy, Trần Kim Khánh, Nguyễn Chí Dũng (2010), *Tập bài giảng Kỹ thuật cá nhân và đội hình chữa cháy cứu nạn*, Hà Nội.
2. Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm (2024), *Ngôn ngữ ký hiệu thực hành*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Đào Anh Tuấn (2022), *Sử dụng ký hiệu giao tiếp bằng tay trong hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Kỷ yếu hội thảo Công tác cứu nạn, cứu hộ trong thảm họa, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, Hà Nội.
4. Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021, 2022, 2023, 2024, 2025*, Hà Nội.
5. Department of the Army (2017), TC 3-21.60 (FM 21-60) Visual Signals, Washington, DC.
6. Садыков И.И., Крюкова И.С. (2018), *Общение газодымозащитников при работах непригодной для дыхания среде, Материалы 6-й международной научно-практической конференции "Пожаротушение: проблемы, технологии, инновации"*, Москва.

Ngày nhận bài: 19/3/2026; Ngày thẩm định: 16/4/2026; Ngày duyệt đăng: 17/4/2026.

ỨNG DỤNG KIẾN TRÚC PHÂN LỚP VÀ MÔ HÌNH DỮ LIỆU ĐA HÌNH TRONG THIẾT KẾ PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỒ SƠ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ ĐẶC THÙ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thiếu tá, ThS ĐẶNG TUẤN TÚ

Khoa Cơ sở ngành PCCC, Trường Đại học PCCC

*Tác giả gửi bài: Đặng Tuấn Tú (Email: tudt@daihocpccc.edu.vn)

Tóm tắt: Bài báo trình bày giải pháp công nghệ toàn diện trong việc thiết kế và lập trình Phần mềm Quản lý Hồ sơ bài giảng điện tử dành riêng cho Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC). Xuất phát từ tính đặc thù về bảo mật và sự phức tạp trong cấu trúc chương trình đào tạo của khối trường Công an nhân dân, nghiên cứu đã ứng dụng kiến trúc phân lớp (Layered Architecture) thông qua mô hình MVC trên nền tảng Laravel. Đặc biệt, nghiên cứu đi sâu phân tích kỹ thuật chuẩn hóa cơ sở dữ liệu và mô hình quan hệ đa hình (Polymorphic Relationships) nhằm giải quyết bài toán phình to dữ liệu (Database Bloat). Các thuật toán tự động hóa luồng công việc đa cấp và cơ chế bảo mật khép kín cũng được trình bày chi tiết. Kết quả thử nghiệm thực tiễn cho thấy hệ thống hoạt động ổn định, bảo mật cao và đáp ứng xuất sắc các nghiệp vụ quản lý đào tạo.

Từ khóa: kiến trúc MVC, cơ sở dữ liệu đa hình, Laravel, phần mềm quản lý, đại học Công an nhân dân.

Abstract: This paper presents a comprehensive technological solution for designing and programming an electronic course file software specifically for the University of Fire Prevention and Fighting. Given the unique security requirements and the complexity of the training program structure of the People's Public Security higher educational institutions, the study applies a layered architecture using the MVC model on the Laravel platform. Specifically, the study delves into the technical analysis of database normalization and polymorphic relationships to address the problem of database bloat. Multi-level workflow automation algorithms and a closed-loop security mechanism are also presented in detail. Practical testing results show that the system operates stably, has high security, and excellently meets the training management requirements.

Keywords: MVC architecture, polymorphic database, Laravel, management software, People's Police University.

1. Đặt vấn đề

Quá trình chuyển đổi số trong các học viện, trường Công an nhân dân là một xu thế tất yếu nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức gay gắt về cơ sở hạ tầng và yêu cầu bảo mật thông tin nội bộ.⁶ Khác với các cơ sở giáo dục dân sự có thể tự do ứng dụng các nền tảng điện toán đám mây công cộng (Public Cloud), các

trường CAND bắt buộc phải triển khai hệ thống công nghệ thông tin trên nền tảng mạng nội bộ (On-premises) để chống lại các nguy cơ lộ lọt bí mật nhà nước.

Tại Trường Đại học PCCC, công tác quản lý hồ sơ bài giảng điện tử đòi hỏi một hệ thống không chỉ lưu trữ tệp tin đơn thuần mà phải bóc tách, liên kết sâu chuỗi dữ liệu sự phạm từ cấp độ vĩ mô (Chương

trình đào tạo, Học phần) đến vi mô (Giáo án, Tiết học). Để giải quyết bài toán này, việc lựa chọn một kiến trúc phần mềm linh hoạt, có khả năng mở rộng cao và một mô hình cơ sở dữ liệu tối ưu là yếu tố sống còn. Bài báo này phân tích chuyên sâu các quyết định thiết kế kỹ thuật, từ kiến trúc tổng thể, kỹ thuật xử lý dữ liệu đa hình đến thuật toán kiểm soát luồng phê duyệt, qua đó cung cấp một hình mẫu tham khảo cho việc phát triển phần mềm tại các cơ sở đào tạo lực lượng vũ trang.⁵

2. Kiến trúc tổng thể và công nghệ nền tảng

Mục tiêu bao trùm của kiến trúc là thiết lập một hệ thống thông tin tập trung, chịu tải tốt và bảo trì dễ dàng. Hệ thống được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt mô hình kiến trúc phân lớp (Layered Architecture) thông qua mẫu thiết kế MVC (Model - View - Controller) kết hợp với Tầng Dịch vụ (Service Layer).

Trái tim của hệ thống phía máy chủ (Backend) là ngôn ngữ lập trình PHP (phiên bản 8.2+) kết hợp với framework Laravel 10.x. Laravel được lựa chọn nhờ hệ sinh thái bảo mật mạnh mẽ và công cụ ánh xạ dữ liệu ORM Eloquent xuất sắc. Tầng giao diện (Frontend) sử dụng Blade Template, Bootstrap 5 (CoreUI) và các tương tác AJAX bất đồng bộ để tăng trải nghiệm người dùng.

Điểm nhấn kỹ thuật là việc áp dụng Tầng Dịch vụ (Service Layer). Nhằm tránh hiện tượng "Fat Controller" (nhồi nhét quá nhiều logic vào bộ điều khiển), toàn bộ các thuật toán tính toán phức tạp được tách biệt vào các Service độc lập như PhanCongService (xử lý logic phân công), WorkflowService (xử lý luồng duyệt) và TepTinService (xử lý file). Kiến trúc này giúp mã nguồn tuân thủ chuẩn PSR-4, tăng tính tái sử dụng và cực kỳ thuận lợi cho việc kiểm thử tự động.

3. Thiết kế mô hình dữ liệu chuẩn hóa và kỹ thuật quan hệ đa hình

Thiết kế cơ sở dữ liệu (Database Design) là thách thức lớn nhất do cấu trúc đan chéo phức tạp của hồ sơ bài giảng CAND. Hệ quản trị MySQL (8.0+) được sử dụng làm nền tảng lưu trữ.

3.1. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu (3NF)

Toàn bộ thiết kế cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa đến Dạng 3 (3NF) nhằm loại bỏ triệt để sự dư thừa thông tin và các dị thường cập nhật (Update Anomalies). Cấu trúc phân cấp đào tạo được mô hình hóa thành chuỗi các bảng có mối quan hệ ràng buộc khóa ngoại (Foreign Keys) nghiêm ngặt:

• khoa → mon_hoc →
chuong_trinh_dao_tao.

• chuong_trinh_dao_tao → hoc_phan →
bai_giang → tiet_hoc → giao_an.

Hệ thống thiết lập các ràng buộc toán học chặt chẽ. Ví dụ, tại bảng hoc_phan, tổng số tiết (*Lýthuyết + Thực hành + Bài tập + Kiểm tra*) được trigger tự động kiểm tra đối chiếu với so_tin_chi, lập tức từ chối giao dịch (Rollback) nếu phát hiện sai số định mức.

3.2. Ứng dụng kỹ thuật quan hệ đa hình (Polymorphic Relationships)

Trong các hệ thống LMS thông thường, để gắn tệp tin đính kèm (PDF, Video) hoặc phân công công việc cho nhiều loại thực thể khác nhau (như Học phần, Bài giảng, Đề cương), lập trình viên thường tạo ra hàng loạt các bảng phụ trung gian (ví dụ: hoc_phan_file, bai_giang_file). Điều này gây ra hội chứng phình to cơ sở dữ liệu (Database Bloat).

Hệ thống tại Đại học PCCC đã ứng dụng kỹ thuật Quan hệ đa hình thông qua ORM Eloquent. Toàn bộ dữ liệu quản lý tệp tin được tập trung vào một bảng duy nhất mang tên tep_tin. Bảng này sử dụng cặp cột siêu dữ liệu là fileable_type (lưu tên Model, ví dụ: App\Models\GiaoAn) và fileable_id (lưu khóa chính của bản ghi).

Giải pháp này mang lại sự linh hoạt tối đa: Một tệp tin khi tải lên máy chủ có thể được gắn tham chiếu cho nhiều đối tượng thực thể khác nhau mà không cần sao chép vật lý tệp tin đó trên ổ cứng, giúp tiết kiệm không gian lưu trữ và đảm bảo khả năng mở rộng không giới hạn khi bổ sung các loại hồ sơ mới trong tương lai.

4. Tự động hóa luồng công việc (Workflow) và ma trận bảo mật

4.1. Thuật toán máy trạng thái (State Machine) trong phê duyệt

Sự vận dụng lý luận đổi mới quản trị tại các trường CAND yêu cầu tính chính xác, minh bạch trong ra quyết định. Phần mềm đã tự động hóa quy trình phê duyệt hành chính thành một cấu trúc Máy trạng thái kỹ thuật số thông qua WorkflowService.

Vòng đời của một hồ sơ bài giảng trải qua 8 trạng thái tuyến tính (từ *Khởi tạo dữ liệu sơ bộ* đến *Đã tổng duyệt*). Thuật toán *Validation Transition* được thiết lập nghiêm ngặt: hệ thống ngăn chặn tuyệt đối các kỹ thuật can thiệp URL để nhảy cóc trạng thái. Mọi hành vi duyệt hoặc từ chối đều kích hoạt tự động việc sinh ra một bản ghi log trong bảng đa hình `phan_cong`, ghi vết chính xác mã ID người thao tác, thời gian và lý do (Note).

Đặc biệt, để bảo toàn tính toàn vẹn dữ liệu, mọi thao tác chuyển trạng thái ảnh hưởng đến nhiều bảng đều được bọc trong các giao dịch cơ sở dữ liệu (Database Transactions) `DB::transaction()`. Bất cứ ngoại lệ (Exception) nào xảy ra sẽ lập tức kích hoạt lệnh Rollback.

4.2. Thiết lập ma trận bảo mật nhiều tầng

Đáp ứng yêu cầu khắt khe về an toàn thông tin quân sự, hệ thống tích hợp ma trận bảo mật đa tầng:

1. Phân quyền RBAC động: Bảng `vai_tro` chứa định nghĩa chuỗi JSON quyết định hạt lựu quyền hạn (ví dụ: `giao-an.xem`, `giao-an.duyet`).

2. Lá chắn Middleware: Các lớp trung gian mạng (CheckRight, CheckRole) hoạt động như lính gác, đánh chặn và trả về lỗi 403 Forbidden đối với mọi luồng truy cập HTTP bất hợp lệ.

3. Bảo vệ dữ liệu đầu vào: Áp dụng mã hóa Bcrypt một chiều, xác thực Form Request Validation và Token CSRF độc bản để phòng chống tấn công chèn mã độc SQL Injection và XSS.

4. Xóa mềm (Soft Deletes): Dữ liệu không bao giờ bị xóa vĩnh viễn (lệnh DELETE vật lý). Việc đánh dấu `deleted_at` giúp bảo toàn dấu vết phục vụ công tác điều tra kỹ thuật số (Digital Forensics) khi cần thiết.

5. Kết quả thử nghiệm và đánh giá hiệu quả

Phần mềm đã được biên dịch và triển khai thử nghiệm trên hệ thống máy chủ mạng nội bộ của Trường Đại học PCCC. Quá trình kiểm thử tải (Load testing) và kiểm thử chức năng (Functional testing) cho thấy hệ thống hoạt động với độ ổn định tuyệt đối.

Kết quả định lượng nổi bật:

Ngay trong đợt thử nghiệm diện rộng đầu tiên, hệ thống đã xử lý và số hóa thành công cơ sở dữ liệu của 09 học phần đại học chính quy cốt lõi thuộc 09 Khoa chuyên ngành khác nhau. Các dữ liệu này bao hàm 20 tín chỉ, với cấu trúc phức hợp bóc tách thành 47 bài giảng và 14 giáo án chuẩn. Thuật toán phân bổ tự động đã thiết lập thành công lộ trình cho 579 tiết học trải dài trên 849 giờ học lý thuyết và thực hành.

Chức năng tích hợp trình xem trước tài liệu (PDF Viewer) xử lý mượt mà các tệp tin có dung lượng lên đến 30MB, cho phép giảng viên và lãnh đạo đọc trực tiếp tài liệu Mật trên trình duyệt web nội bộ mà không cần phải tải tệp tin xuống máy trạm cá nhân, triệt tiêu hoàn toàn rủi ro rò rỉ dữ liệu qua USB.

6. Kết luận

Việc ứng dụng thành công kiến trúc phân lớp MVC và mô hình cơ sở dữ liệu đa hình vào phát triển "Phần mềm Quản lý Hồ sơ bài giảng điện tử" tại Trường Đại học PCCC đã chứng minh tính khả thi của việc tự chủ công nghệ trong lực lượng CAND. Hệ thống đã giải quyết tận gốc rễ vấn đề phình to dữ liệu, đồng thời thiết lập một luồng phê duyệt học thuật minh bạch, bảo mật và lưu vết toàn diện. Sự ra đời của nền tảng này không chỉ tiết kiệm hàng nghìn giờ công lao động hành chính mà còn đặt viên gạch nền tảng vững chắc cho quá trình vận dụng lý luận "đại học số", đóng góp trực tiếp vào mục tiêu hiện đại hóa công tác giáo dục và đào tạo của ngành Công an trong kỷ nguyên 4.0. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Nghi Phú (2021), *Chuyển đổi số trong các trường Công an nhân dân*, Cổng thông tin điện tử Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. URL: <https://hvkctcnan.bocongan.gov.vn/TrangChu/tin-tuc/317-chuyen-doi-so-trong-cac-truong-cong-an-nhan-dan.html>

2. Nguyễn Trường Thọ (2024), *Vận dụng lý luận đổi mới giáo dục đại học trong Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số*. Tạp chí Quản lý nhà nước. URL:

<https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/11/25/van-dung-ly-luan-doi-moi-giao-duc-dai-hoc-trong-cong-an-nhan-dan-dap-ung-yeu-cau-chuyen-doi-so/>

3. Nguyễn T. T., Lê C. Đức, & Nguyễn N. D. (2025), *Mức độ chuyển đổi số trong dạy và học qua góc nhìn của học sinh: nghiên cứu tại Trường Trung học Thực hành Đại học Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Giáo dục, 25(1), 329–335. URL:

<https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/3271>

4. Nghiêm Xuân Dũng (2023), *Chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân đáp ứng yêu cầu hội nhập và mở rộng hợp tác quốc tế: Từ góc nhìn khoa học quản lý*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Số 5. URL:

<http://vjes.vnies.edu.vn/vi/chuyen-doi-so-tai-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-cong-nhan-dan-dap-ung-yeu-cau-hoi-nhap-va-mo-rong-hop>

Ngày nhận bài: 26/01/2026; Ngày thẩm định: 29/4/2026; Ngày duyệt đăng: 08/5/2026.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ THEO CHỨC NĂNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Trung tá, TS PHẠM THU HÀ

Khoa Tự động và phương tiện kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, Trường Đại học PCCC

**Tác giả liên hệ: Phạm Thu Hà (Email: thuhat34@gmail.com)*

Tóm tắt: Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vừa là yêu cầu mang tính bắt buộc của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đồng thời giúp nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở. Người được phân công kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở là nhóm đối tượng cần được huấn luyện, bồi dưỡng.

Từ khóa: huấn luyện, bồi dưỡng, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: Training and professional development in fire prevention, firefighting, and rescue are both mandatory requirements under the law on fire prevention, firefighting, and rescue and important measures for improving the effectiveness of these activities at facilities. Personnel assigned to conduct fire safety inspections at facilities are among the groups required to receive such training and professional development.

Keywords: training, professional development, fire prevention, firefighting, rescue.

1. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) là hoạt động mang tính xã hội rộng lớn, cần có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc của tất cả các cơ quan, ban ngành. Trong đó cần đề cao vai trò, trách nhiệm của chính các cá nhân, hộ gia đình, người đứng đầu các cơ sở. Việc nâng cao chuyên môn, trình độ và kỹ năng cho các cá nhân, tổ chức, cơ sở là nội dung đã được quan tâm và thực hiện nghiêm túc trong thời gian qua. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của các cơ sở trong việc kinh doanh, sản xuất làm gia tăng các điều kiện và nguy cơ cháy nổ, đòi hỏi mỗi cá nhân làm việc trong các cơ sở phải được huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ PCCC&CNCH. Xuất phát từ thực tế quản lý và hoạt động của các cơ sở, để đảm bảo công tác PCCC&CNCH được thực hiện hiệu quả, pháp luật về PCCC&CNCH đã quy định các đối tượng cần phải

được bồi dưỡng, huấn luyện, kiến thức về PCCC&CNCH, trong đó có nhóm đối tượng là người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại các cơ sở thuộc nhóm 1 phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2025/NĐ-CP). Nhóm đối tượng này do cơ sở đào tạo về PCCC&CNCH (trực tiếp và hiện nay là Trường Đại học PCCC) huấn luyện, bồi dưỡng theo nội dung, thời gian pháp luật quy định.

2. Theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 45 Luật PCCC&CNCH thì người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (gọi tắt là người được phân công

thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở) là một trong những nhóm đối tượng cần được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC.[1] Đây là nhóm đối tượng quan trọng trong việc hỗ trợ cho người đứng đầu cơ sở thực hiện công tác kiểm tra về PCCC tại cơ sở. Trên cơ sở quy định của pháp luật, tại Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC&CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC&CNCH (gọi tắt là Thông tư số 36/2025/TT-BCA) quy định: “*Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy và đơn vị liên quan xây dựng khung chương trình, biên soạn tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phát hành đến Công an các đơn vị, địa phương*”.[2]

Thực hiện các quy định của pháp luật nêu trên, Trường Đại học PCCC đã nhanh chóng triển khai việc tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đối tượng là người được phân công kiểm tra về PCCC tại cơ sở. Nhà trường đã bám sát và thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các quyết định ban hành khung chương trình huấn luyện, bồi dưỡng đối với nhóm đối tượng này, cụ thể:

Về thời gian và nội dung huấn luyện, bồi dưỡng: Trên cơ sở quy định của pháp luật, Trường Đại học PCCC đã ban hành các chương trình huấn luyện, bồi dưỡng phù hợp với nhóm đối tượng này, các chương trình đều đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và ban hành. Đối với chương trình huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH (ban hành kèm theo Quyết định số 1595/QĐ-T06-P3 ngày 30/7/2025), tổng thời gian huấn luyện là 40 giờ với các nội dung là: vị trí, vai trò và quy định của pháp luật về PCCC&CNCH; kiến thức về phương tiện, hệ thống PCCC&CNCH; kiến thức, kỹ năng về phòng cháy; Kiến thức, kỹ năng về chữa cháy; kiến thức, kỹ năng về thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ. Về chương trình huấn luyện, tổng thời gian thực hiện là 16 giờ với các nội dung như đối với chương trình bồi dưỡng. Việc ban hành các chương trình kịp thời, bám sát nội dung pháp

luật quy định về PCCC&CNCH là cơ sở quan trọng để các đơn vị trong nhà trường tổ chức triển khai đạt hiệu quả.

Về công tác tổ chức, chuẩn bị các điều kiện cho việc huấn luyện như: chuẩn bị hội trường, sân bãi, trang thiết bị thực hành... cũng đã được nhà trường lên kế hoạch cụ thể, chi tiết, đối với các lớp mở tại địa phương, nhà trường đã chủ động liên hệ để phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các tỉnh để lập danh sách người tập huấn đảm bảo đúng đối tượng, phối hợp quản lý lớp bồi dưỡng và các điều kiện huấn luyện (phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các tỉnh: Phú Thọ, Gia Lai, Đà Nẵng, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đồng Tháp...). Quá trình thực hiện luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình, chất chẽ của Công an các tỉnh nên mang lại hiệu quả và chất lượng (tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp huấn luyện cho hơn 300 học viên; Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai phối hợp mở 02 lớp với hơn 400 học viên; Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Đà Nẵng huấn luyện cho gần 700 học viên...). Trong thời gian sắp tới, nhà trường đã liên hệ và phối hợp với nhiều Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các tỉnh để mở lớp. Bên cạnh việc phối hợp mở lớp huấn luyện với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các tỉnh, nhà trường cũng đã chủ động phối hợp và đào tạo cho các tổng công ty, tập đoàn, các cơ sở có nhu cầu huấn luyện, bồi dưỡng (Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tổng Công ty Bay miền Bắc; Tổng Công ty Bay miền Nam; Công ty Thăng Long...). Quá trình thực hiện với các cơ sở này, nhà trường luôn thực hiện đúng quy trình, nội dung bồi dưỡng, huấn luyện.

Về công tác bố trí giảng viên huấn luyện, bồi dưỡng: xác định việc huấn luyện, bồi dưỡng cho nhóm người được phân công kiểm tra tại cơ sở giữ vai trò quan trọng, đây là những người đã có hoạt động kiểm tra PCCC thực tiễn nên nhà trường cũng đã chủ động lựa chọn những giảng viên có trình độ và kinh nghiệm thực tiễn đứng lớp. Thực tế, qua các lớp đã huấn luyện, bồi dưỡng đều nhận được phản hồi tích cực của người học về trình độ, thái độ của giảng viên. Để đảm bảo chất lượng giảng viên, sau khi có lịch mở lớp huấn

luyện, bồi dưỡng, nhà trường luôn chủ động thông báo lịch dự kiến cho các khoa giảng dạy để lựa chọn và phân công giảng viên. Với sự phối hợp hài hòa, quá trình mở lớp trong thời gian qua luôn đạt được hiệu quả cao (kể cả lớp mở tại nhà trường và lớp mở tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh).

Về công tác quản lý lớp huấn luyện, bồi dưỡng và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá phục vụ cấp thông báo kết quả huấn luyện: xác định được tầm quan trọng trong việc đào tạo, huấn luyện nhóm đối tượng người được phân công kiểm tra an toàn PCCC tại các cơ sở nên nhà trường đã xây dựng quy chế quản lý lớp chặt chẽ, đảm bảo số lượng người tham gia đầy đủ, đúng thành phần. Quá trình huấn luyện, bồi dưỡng, người tham gia phải hoàn thiện bài kiểm tra, đánh giá làm căn cứ để ra thông báo kết quả huấn luyện. Nắm bắt được nhu cầu và yêu cầu của các cơ sở khi cử người được phân công kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở là được cấp thông báo nhanh, đúng quy định để hoàn thiện hồ sơ quản lý cơ sở nên nhà trường cũng đã tập trung hoàn thiện thủ tục và cấp thông báo kết quả huấn luyện kịp thời, thuận tiện cho các cơ sở. Đây là nội dung được các cơ sở trong thời gian qua đánh giá rất cao, thời gian cấp thông báo nhanh, hiệu quả (sau khi kết thúc lớp huấn luyện, bồi dưỡng khoảng 10 ngày các cơ sở sẽ được cấp thông báo kết quả).

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực nhưng quá trình huấn luyện, bồi dưỡng, nhà trường vẫn gặp một số khó khăn, bất cập: (1) Nhà trường là đơn vị đi đầu trong việc mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng các đối tượng theo quy định mới của pháp luật về PCCC&CNCH, do vậy, quá trình tiến hành còn gặp một số khó khăn trong việc giải thích pháp luật và phổ biến pháp luật. Nhiều cơ sở chưa có nhận thức đầy đủ về quy định đối với công tác huấn luyện, bồi dưỡng. (2) Việc mở lớp tại các địa phương cũng có hạn chế trong công tác phối hợp, triển khai các thủ tục trước khi mở lớp (giấy tờ, hồ sơ cử đi huấn luyện, bồi dưỡng; điều kiện sân bãi, hội trường một số tỉnh phải thuê ngoài...). (3) Việc hoàn thiện thông tin hồ sơ ban đầu của người tham gia huấn luyện còn chậm, chưa đầy đủ dẫn đến quá trình xác minh thông tin cấp thông báo kết quả huấn luyện đối với một số lớp còn chậm...

3. Nhu cầu huấn luyện, bồi dưỡng đối với nhóm người được phân công kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở trong thời gian tới là rất lớn, để nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, bồi dưỡng, cần lưu ý một số nội dung sau:

Một là, làm tốt công tác phối hợp với Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh tại các địa phương.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở trong việc học tập của người đi tham gia các lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nhà trường chủ động mở lớp tại các địa phương. Để làm tốt công tác mở lớp, nhà trường đã chủ động liên hệ, phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh. Trong đó cần lưu ý các nội dung như: chủ động trao đổi với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH về kế hoạch mở lớp một cách cụ thể, chi tiết và có dự phòng các phương án phát sinh, nâng cao tính chủ động để giải quyết tất cả tình huống đột xuất. Quá trình phối hợp phải tuân thủ theo đúng quy định về chức năng, thẩm quyền nhưng đồng thời cũng cần linh hoạt để nâng cao hiệu quả huấn luyện, bồi dưỡng. Nhiều địa phương đã chủ động bố trí cán bộ Cảnh sát PCCC&CNCH phối hợp với nhà trường trong việc đồng quản lý lớp huấn luyện, bồi dưỡng nhằm đảm bảo chặt chẽ, nghiêm túc. Trong quá trình phối hợp, cần thường xuyên trao đổi thông tin giữa hai đơn vị, kịp thời phản ánh các vấn đề, thắc mắc của cơ sở để giải quyết toàn diện, đầy đủ.

Hai là, thực hiện đúng, đủ về chương trình, nội dung, thời gian huấn luyện và hồ sơ về công tác huấn luyện, bồi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, nhóm đối tượng người được phân công kiểm tra tại cơ sở nếu là huấn luyện thì thời gian tối thiểu là từ 24 - 32 tiếng, nếu bồi dưỡng thì tối thiểu là 08 - 12 tiếng với các nội dung huấn luyện, bồi dưỡng đã được phê duyệt và ban hành.[3] Quá trình tổ chức, duy trì lớp cần thực hiện đúng, nghiêm túc để đảm bảo thời gian truyền tải kiến thức và chất lượng huấn luyện, bồi dưỡng. Nhà trường cần có cơ chế kiểm tra, giám sát lớp và cả giảng viên tham gia huấn luyện, bồi dưỡng. Tất cả các cá nhân, cơ sở khi cử người tham gia lớp huấn luyện cần đảm bảo hoàn thiện đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ để phục vụ quản lý lớp huấn luyện cũng như hồ sơ cấp

thông báo kết quả huấn luyện sau này được chính xác, đúng quy định.

Ba là, lựa chọn, bố trí đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm, trình độ chuyên sâu về pháp luật, nghiệp vụ PCCC&CNCH tham gia huấn luyện, bồi dưỡng.

Nhóm đối tượng người được phân công kiểm tra tại cơ sở thường là những người đã có thời gian làm công tác thực tế về kiểm tra PCCC tại cơ sở, do vậy, việc bố trí giảng viên có trình độ pháp luật và kiến thức thực tiễn là yêu cầu tất yếu. Nhà trường sau khi lên lịch huấn luyện cần chủ động liên hệ với các khoa liên quan để bố trí, sắp xếp thời gian phù hợp, tránh trùng lịch giảng dạy từ đó không cử được giáo viên có kinh nghiệm đứng lớp. Để chủ động, khi xây dựng kế hoạch mở lớp, nhất là các lớp mở tại Công an các tỉnh cần nhanh chóng đưa thời gian giảng dạy đến các khoa giảng dạy để đạt hiệu quả cao nhất trong lựa chọn, bố trí giảng viên tham gia.

Bốn là, làm tốt công tác quản lý, đánh giá kết quả huấn luyện đối với đối tượng.

Huấn luyện, bồi dưỡng hay bất kỳ hoạt động đào tạo nào cũng cần phải có quá trình kiểm tra, đánh giá hiệu quả, đây không chỉ là căn cứ để cấp thông báo chứng nhận đạt kết quả đối với người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng mà còn là phương pháp để quản lý và duy trì lớp huấn luyện, bồi dưỡng đúng, nghiêm túc. Quá trình huấn luyện, đào tạo kết hợp điểm danh, kiểm tra với việc làm bài thu hoạch để có căn cứ công nhận kết quả trên cả phương diện đủ về thời gian tham gia và đúng chất lượng huấn luyện, bồi dưỡng. Sau khi có kết quả, nhà trường cũng cần nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục để cấp thông báo nhanh nhất đến người tham gia huấn luyện.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025, Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện*

pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Hà Nội.

3. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 07/3/2026; Ngày thẩm định: 29/4/2026; Ngày duyệt đăng: 08/5/2026.

NGHIÊN CỨU, CHẾ TẠO TỦ BẢO QUẢN TRANG PHỤC THƯỜNG TRỰC CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Trung tá, ThS VŨ ĐỨC HÙNG

Phó Trưởng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hà Nội

Thượng tá, TS NGÔ VĂN ANH

Phó Trưởng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hà Nội

*Tác giả liên hệ: Ngô Văn Anh (Email: diepanh8883@gmail.com)

Tóm tắt: Với phương châm “Chủ động - Kịp thời - Phối hợp - Quyết liệt”, trang phục thường trực của lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (CC&CNCH) phải luôn trong trạng thái sẵn sàng, đảm bảo chất lượng và độ bền khi sử dụng. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác thường trực chiến đấu, Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an Thành phố Hà Nội đã nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thành công “Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”. Sản phẩm này đáp ứng tốt yêu cầu bảo quản, sắp xếp trang phục một cách khoa học, góp phần nâng cao tính sẵn sàng và hiệu quả công tác CC&CNCH trong mọi tình huống.

Từ khóa: chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trang phục, tủ bảo quản.

Abstract: Guided by the motto “Proactive – Timely – Coordinated – Determined,” the protective gear of on-duty firefighting and rescue personnel must remain in a state of readiness, ensuring durability in use. To improve the effectiveness of standby readiness, a team from the Fire and Rescue Police Division of the Hanoi Municipal Police conducted research and successfully designed and fabricated a “storage cabinet for firefighting and rescue protective gear”. The product meets key requirements for storing properly, thereby enhancing operational readiness and the effectiveness of firefighting and rescue responses in all situations.

Keywords: firefighting, rescue, gear, storage cabinet.

1. Đặt vấn đề

Công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và CNCH là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và mang tính đặc thù của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Trong những năm qua, lực lượng PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thường trực, kịp thời ứng phó với các vụ cháy, sự cố và tai nạn, góp phần bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy một số đơn vị cơ sở vẫn còn gặp khó khăn về điều kiện doanh trại, khu

vực sinh hoạt chật hẹp, thậm chí phải sử dụng tạm các công trình công cộng. Điều này dẫn đến việc sắp xếp, bảo quản trang phục, phương tiện chữa cháy của cán bộ, chiến sỹ chưa thật sự khoa học và thuận tiện. Khi trang phục bị ướt hoặc bẩn sau nhiệm vụ, việc phơi, làm khô và bảo quản chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến công tác thường trực chiến đấu.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trên, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội đã nghiên cứu, thiết kế mô hình “Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” - một giải pháp hữu ích, mang tính ứng dụng cao, giúp tối ưu hóa không gian, đảm bảo tính sẵn sàng

của trang phục và nâng cao hiệu quả công tác CC&CNCH.

2. Thiết kế và chế tạo mô hình tủ bảo quản

2.1. Mục đích và yêu cầu thiết kế

Thiết bị được thiết kế với mục đích chính là lưu trữ, bảo quản trang phục thường trực CC&CNCH một cách khoa học, bền vững và an toàn, đáp ứng các yêu cầu: dễ nhận diện, phù hợp đặc trưng của lực lượng PCCC&CNCH (màu đỏ); đảm bảo độ bền cơ học, chống ẩm, chống gỉ, dễ vệ sinh; có khả năng lưu thông không khí, giữ trang phục luôn khô ráo, sạch sẽ; dễ sử dụng, thuận tiện cho cán bộ, chiến sỹ khi nhận lệnh xuất xe chữa cháy.

2.2. Cấu tạo của tủ

Thiết kế và cấu tạo tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và CNCH

Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và CNCH là thiết bị chuyên dụng được nghiên cứu, thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm việc lưu giữ trang phục và phương tiện của cán bộ, chiến sỹ trong điều kiện tiêu chuẩn, gọn gàng và khoa học. Thiết bị được chế tạo theo dạng khối hộp chắc chắn, vuông vắn, cấu trúc cân đối, phù hợp với không gian doanh trại của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Toàn bộ tủ được làm bằng thép tấm chất lượng cao, có khả năng chịu lực tốt, chống cong vênh và biến dạng trong quá trình sử dụng. Bề mặt ngoài phủ sơn tĩnh điện màu đỏ - màu đặc trưng của lực lượng PCCC, vừa mang tính thẩm mỹ, dễ nhận diện, vừa tăng khả năng chống gỉ, chống ăn mòn và chịu nhiệt trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Về kích thước tổng thể, tủ được thiết kế với chiều cao 2.000mm, chiều rộng 600mm và chiều sâu 600mm. Tỷ lệ này bảo đảm sự cân đối, thuận tiện cho việc bố trí trong phòng thường trực cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế của mỗi cán bộ, chiến sỹ. Không gian bên trong tủ được phân chia khoa học thành ba khu vực chức năng riêng biệt, vừa tiết kiệm diện tích, vừa bảo đảm dễ dàng thao tác khi sử dụng.

Ngăn trên cùng, có chiều cao khoảng 350mm, được bố trí để đặt mũ bảo hộ chữa cháy, bảo đảm vị trí cao, khô ráo và thuận tiện khi lấy ra trong tình huống khẩn cấp. Khoảng chính - chiếm phần lớn không gian

tủ, cao 1.140mm - là nơi treo và bảo quản quần áo chữa cháy. Bên trong khoang được trang bị móc treo cố định bằng kim loại, bảo đảm độ bền và khả năng chịu tải cao, giúp quần áo luôn phẳng phiu, gọn gàng, không bị gấp nếp hoặc ẩm mốc. Ngăn để phía dưới, cao 380mm, được thiết kế để đựng ủng chữa cháy và bình khí oxy, đồng thời có thể chia thành hai khoang riêng biệt để đặt riêng giày, ủng và các dụng cụ nhỏ. Thiết kế phân tầng này giúp phân tách rõ ràng giữa trang phục và thiết bị bảo hộ, hạn chế nhiễm bẩn chéo, đồng thời bảo đảm vệ sinh, thẩm mỹ.

Phần cánh cửa tủ được thiết kế có lỗ thoáng khí nhằm tạo sự lưu thông không khí, giúp hạn chế ẩm mốc và mùi hôi phát sinh trong quá trình sử dụng. Các bản lề và tay nắm được gia công chắc chắn, thuận tiện cho việc đóng mở thường xuyên mà không gây tiếng ồn hay kẹt cứng. Chân tủ được thiết kế cao hơn mặt sàn, có khả năng chống ẩm và thuận tiện cho việc vệ sinh, đặc biệt phù hợp với môi trường doanh trại thường xuyên tiếp xúc với nước trong quá trình bảo dưỡng, vệ sinh phương tiện chữa cháy.

Về vật liệu chế tạo, toàn bộ tủ được sản xuất từ thép tấm dày, có khả năng chịu lực cao, đảm bảo độ bền cơ học trong thời gian dài. Lớp sơn tĩnh điện đỏ phủ ngoài không chỉ mang tính nhận diện mà còn có vai trò quan trọng trong việc chống oxy hóa, hạn chế trầy xước và bảo vệ bề mặt kim loại trước tác động của môi trường ẩm, nóng hoặc bụi bẩn.

Tổng thể, thiết kế của tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và CNCH thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tính khoa học, tính thực tiễn và tính thẩm mỹ, bảo đảm yêu cầu về độ bền, an toàn, vệ sinh và thuận tiện trong sử dụng. Sản phẩm không chỉ phục vụ tốt công tác thường trực chiến đấu của lực lượng mà còn góp phần chuẩn hóa doanh trại, nâng cao hình ảnh chính quy, hiện đại của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong giai đoạn hiện nay.

Hình ảnh thiết kế mô phỏng thiết bị “Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” (hình 1).

Hệ thống quạt thông gió và nguyên lý hoạt động

Một trong những điểm cải tiến nổi bật trong thiết kế tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy

và CNCH là việc tích hợp hệ thống quạt thông gió chuyên dụng, giúp lưu thông không khí trong khoang tủ, hạn chế ẩm mốc và đảm bảo trang phục luôn khô ráo, sạch sẽ. Hệ thống quạt được thiết kế theo nguyên lý khí động học hiện đại, bảo đảm hiệu suất gió thổi cao và vận hành ổn định, an toàn trong môi trường doanh trại.

Phần vỏ quạt được chế tạo từ kim loại hoặc hợp kim bền cơ học, có hình dạng tròn khép kín, vừa đóng vai trò bảo vệ cánh quạt bên trong, vừa định hướng luồng gió theo trục thiết kế. Cấu trúc vỏ được tối ưu hóa khí động học nhằm giảm tổn thất áp suất và tăng hiệu suất đẩy khí, giúp dòng khí luân chuyển đều khắp khoang tủ.

Động cơ điện (motor) là bộ phận trung tâm của hệ thống, có công suất 750W, sử dụng điện áp 220V, tốc độ quay đạt 2.800 vòng/phút. Cơ cấu truyền động trực tiếp qua trục, không qua dây curoa, giúp hạn chế hao mòn cơ học, giảm tiếng ồn và nâng cao độ tin cậy trong quá trình vận hành.

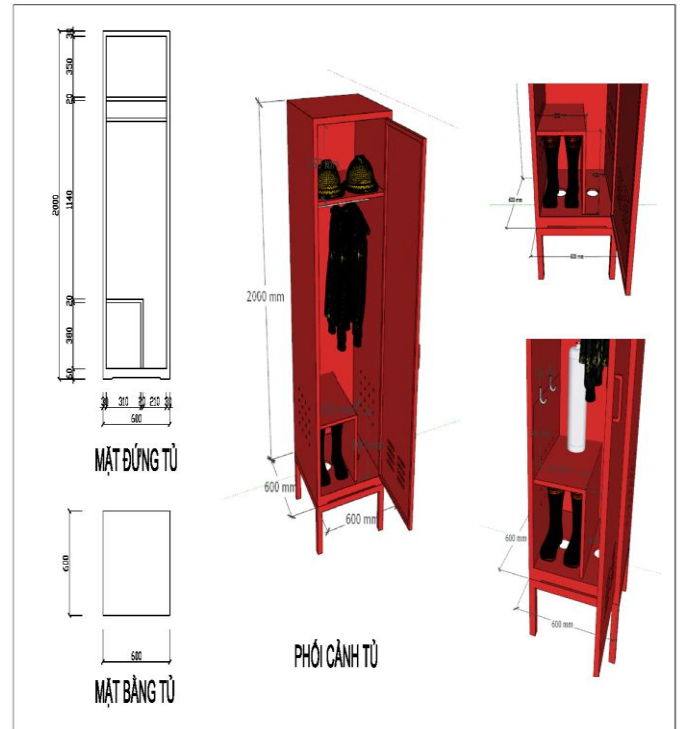
Cánh quạt được bố trí bên trong vỏ quạt theo dạng ly tâm, hoạt động theo cơ chế hút gió từ tâm và thổi ra miệng, qua đó tạo ra áp suất gió cao, đẩy không khí luân chuyển liên tục trong tủ. Thiết kế dạng ly tâm có ưu điểm nổi bật là hiệu suất ổn định, phù hợp với môi trường kín như không gian bảo quản trang phục.

Phần miệng hút được bố trí tại tâm vỏ quạt, liền khối với cụm quạt nhằm giảm thiểu thất thoát lưu lượng, trong khi miệng thổi có đường kính 76mm, hướng ngang ra ngoài, thuận tiện cho việc nối ống dẫn gió hoặc điều hướng luồng khí đến các khu vực cần thông thoáng.

Để bảo đảm độ ổn định khi vận hành, quạt được lắp cố định trên chân đế kim loại vững chắc, giúp triệt tiêu rung động và giữ cân bằng cơ học. Toàn bộ cụm motor được trang bị hộp đấu điện và tụ điện khởi động bố trí bên hông, vừa đảm bảo cung cấp nguồn điện ổn định, vừa có chức năng bảo vệ mạch điện khỏi quá tải, tăng tuổi thọ thiết bị.

Nhờ cấu tạo hợp lý và vật liệu chất lượng cao, hệ thống quạt thông gió không chỉ giúp tăng cường khả năng bảo quản và chống ẩm cho trang phục, mà còn góp phần quan trọng trong việc duy trì môi trường

vi khí hậu ổn định bên trong tủ. Đây là yếu tố kỹ thuật có ý nghĩa thực tiễn cao, đặc biệt trong điều kiện khí hậu nóng ẩm đặc trưng của Việt Nam, nơi việc duy trì khô ráo cho trang phục chữa cháy là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo tính sẵn sàng chiến đấu của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.



Hình 1: Hình ảnh thiết kế mô phỏng “Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”.

3. Nguyên lý hoạt động

Tủ được thiết kế theo nguyên lý lưu trữ phân khu chức năng, trong đó mỗi ngăn, khoang chứa đảm nhiệm một vai trò riêng biệt như: khu vực treo quần áo chữa cháy, ngăn để mũ bảo hộ, ngăn chứa ủng và bình khí oxy. Cách bố trí này giúp sắp xếp và quản lý trang phục bảo hộ một cách khoa học, ngăn nắp, thuận tiện cho việc sử dụng và kiểm soát số lượng, tình trạng trang phục.

Bên cạnh đó, tủ được thiết kế với hệ thống thoáng khí chủ động, có các lỗ thông hơi và quạt lưu thông gió giúp duy trì dòng không khí khô lưu chuyển liên tục bên trong tủ, từ đó giảm độ ẩm, ngăn ngừa nấm mốc, khử mùi và đảm bảo quần áo luôn khô ráo, sạch sẽ sau khi sử dụng, sẵn sàng cho công tác thường trực chữa cháy và CNCH.

Tủ hoạt động theo cơ chế lưu thông không khí cưỡng bức, trong đó hệ thống quạt sẽ thổi luồng khí khô từ dưới đáy tủ lên trên qua các lỗ thoát khí đã

được bố trí sẵn. Không khí lưu thông giúp làm khô và khử mùi cho quần áo, tránh ẩm mốc, đảm bảo trang phục luôn trong trạng thái sẵn sàng.



Hình 2: Hình ảnh đầy đủ “Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” trang bị tại Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 16 - Công an Thành phố Hà Nội có quạt thông gió.

4. Hiệu quả và đánh giá mô hình



Hình 3: Hình ảnh “Tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” trang bị tại Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực 16 - Công an Thành phố Hà Nội.

Kể từ khi được đưa vào thử nghiệm và triển khai tại một số Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực (Khu vực 14, 16 và 17) thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội, tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và CNCH đã phát huy rõ rệt các giá trị thực tiễn trên các mặt:

Nâng cao hiệu quả sắp xếp, quản lý trang phục bảo hộ: các đơn vị đã sử dụng tủ phân khu để sắp xếp mũ, áo, quần, ủng, găng tay, bình khí và các phụ kiện đi kèm vào từng khoang chức năng riêng biệt. Việc

phân chia rõ ràng giúp cán bộ, chiến sỹ dễ tìm và chuẩn bị trang phục đầy đủ, giảm thiểu thời gian tìm kiếm, giảm sai sót trang bị thiếu hoặc sai loại trang phục.

Cải thiện điều kiện bảo quản trang phục sau nhiệm vụ: sau các hoạt động chữa cháy hoặc CNCH, trang phục thường bị ướt, bẩn, có mùi khói hoặc nhiệt độ cao ảnh hưởng. Tủ với thiết kế thoáng khí và hệ thống thông gió chủ động đã giúp làm khô nhanh trang phục, hạn chế ẩm mốc và mùi khó chịu. Kết quả thực tế cho thấy trang phục được giữ trong trạng thái sạch sẽ và sẵn sàng sử dụng cho nhiệm vụ kế tiếp mà không cần xử lý ngoài nhiều bước.

Rút ngắn thời gian chuẩn bị xuất xe chữa cháy: trong tình huống khẩn cấp, mỗi phút đều quan trọng. Nhờ việc trang bị tủ có phân khu khoa học và thiết kế thông thoáng, lại đặt cạnh các xe chữa cháy, xe CNCH nên các đơn vị báo cáo thời gian từ lúc có lệnh đến lúc cán bộ, chiến sỹ mặc trang phục, trang bị đầy đủ và lên xe chữa cháy được rút ngắn đáng kể. Điều này góp phần tăng cường khả năng phản ứng sớm, đáp ứng yêu cầu nhanh chóng trong công tác chữa cháy và cứu hộ.

Giảm thiểu hao mòn, tăng tuổi thọ trang phục bảo hộ: trang phục chữa cháy và CNCH thường chịu nhiều tác động từ nhiệt, khói, hơi ẩm và dính nước. Khi không được bảo quản tốt - tức không được làm khô kịp thời, để nơi kín ẩm - chúng dễ bị hỏng: lớp cách nhiệt suy giảm, vật liệu bị mốc hoặc biến dạng. Thực tế triển khai cho thấy tủ giúp duy trì điều kiện tốt hơn, giảm số lần thay trang phục mới, từ đó tiết kiệm chi phí cho đơn vị.

Tác động tích cực tới tác phong, kỷ luật và hình ảnh đơn vị: việc trang bị hệ thống tủ bảo quản khoa học được cán bộ, chiến sỹ đánh giá cao, góp phần nâng cao ý thức giữ gìn trang phục bảo hộ, bảo quản trang thiết bị đúng cách. Đồng thời, hình ảnh doanh trại, nơi nghỉ ngơi, bàn giao trang bị trở nên gọn gàng, sạch sẽ hơn, thể hiện tính chuyên nghiệp của lực lượng PCCC&CNCH Hà Nội.

Đánh giá kết quả thực nghiệm tại một số đơn vị PCCC&CNCH cho thấy:

So sánh và phân tích giá trị ứng dụng:

Tiêu chí	Tủ bảo quản, tủ sấy chuyên dụng	Phương án truyền thống
Bảo quản trang phục	Khô ráo, thoáng khí, sạch sẽ, không ẩm mốc	Đề ẩm, nấm mốc, mất mùi khó chịu
Sẵn sàng chiến đấu	Lấy nhanh, bố trí khoa học, tiết kiệm thời gian	Tốn thời gian chuẩn bị, dễ nhầm lẫn
Hiệu quả sử dụng	Sấy nhanh, đồng đều, tiết kiệm điện	Phụ thuộc thời tiết, năng suất thấp
Thẩm mỹ – gọn gàng	Tạo không gian chuyên nghiệp, hiện đại	Bừa bộn, không đồng bộ
Tuổi thọ và chi phí	Bền, chi phí bảo trì thấp	Hao mòn nhanh, tốn chi phí thay mới

Như vậy, mô hình “Tủ bảo quản” và “Tủ sấy” không chỉ mang lại hiệu quả kỹ thuật và tổ chức cao, mà còn góp phần quan trọng trong việc chuẩn hóa doanh trại, nâng cao tính chuyên nghiệp, văn minh của lực lượng PCCC&CNCH.

Không gian phòng ở được tối ưu hóa, bố trí gọn gàng, chuyên nghiệp. Trang phục luôn khô ráo, sạch sẽ, tránh tình trạng ẩm mốc, mùi hôi. Thời gian chuẩn bị xuất xe giảm đáng kể, giúp nâng cao tính sẵn sàng chiến đấu. Độ bền và tính thẩm mỹ cao, phù hợp với môi trường doanh trại lực lượng vũ trang.

So với các loại tủ quần áo chữa cháy hiện có, mô hình này thể hiện nhiều ưu điểm vượt trội như: kết cấu vững chắc, tuổi thọ cao; thiết kế khoa học, tối ưu không gian sử dụng; có khả năng thông khí, sấy khô nhẹ, giúp bảo quản trang phục lâu dài.

5. Kết luận

Việc nghiên cứu, thiết kế và chế tạo tủ bảo quản trang phục thường trực chữa cháy và CNCH là một sáng kiến kỹ thuật mang tính ứng dụng cao, phù hợp với thực tiễn của lực lượng PCCC&CNCH Thủ đô. Thiết bị không chỉ góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, tăng cường tính sẵn sàng chiến đấu của cán bộ, chiến sỹ, mà còn thể hiện tinh thần sáng tạo, chủ động, hiện đại hóa trong công tác PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội. ■

1. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/05/2025 quy định về nhiệm vụ công tác PCCC&CNCH của lực lượng Công an nhân dân*, Hà Nội.

2. Công an Thành phố Hà Nội (2025), *Báo cáo số 588/BC-PC07-Đ1, ngày 17 tháng 6 năm 2025 về tình hình, kết quả công tác 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025*, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Minh (2020), *Ứng dụng vật liệu thép trong thiết kế thiết bị chuyên dụng cho lực lượng vũ trang*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 15, tr. 45 - 50.

Ngày nhận bài: 13/4/2026; Ngày thẩm định: 29/4/2026; Ngày duyệt đăng: 08/5/2026.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thượng tá, ThS NGUYỄN VĂN THẮNG

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội

Thiếu tá, TS NGUYỄN MINH TÂN

Khoa Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trường Đại học PCCC

*Tác giả gửi bài: Nguyễn Minh Tân (Email: nguyennminhtanpc@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Từ khóa: phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, ủy ban nhân dân cấp xã, Hà Nội.

Abstract: The article examines the current state of fire and rescue management by commune-level People's Committees in Hanoi. On that basis, it proposes several measures to help improve the effectiveness of the state management in this field.

Keywords: fire prevention, firefighting and rescue, Commune-level People's Committees, Hanoi.

1. Đặt vấn đề

Thủ đô Hà Nội có tổng diện tích 3.360km², trước ngày 01/7/2025, Thành phố Hà Nội có 579 xã; đến nay, sau khi sát nhập có 126 xã, 5.536 khu dân cư; dân số thường xuyên sinh sống và tạm trú khoảng 8.5 triệu người, mật độ dân cư đông đúc, đặc biệt tập trung tại nội thành với thành phần kinh tế xã hội đa dạng [7]. Theo quy định của Luật PCCC&CNCH trách nhiệm quản lý nhà nước về PCCC&CNCH thuộc về Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp [9]. Tại Điều 42, Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật PCCC&CNCH, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về PCCC&CNCH trên địa bàn [5]. Sau hơn 05 năm thực hiện (từ 2021 đến hết tháng 3

năm 2026) công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của Ủy ban nhân dân cấp xã đã đạt được kết quả như: Đảng ủy và UBND xã trên đã có nhận thức sâu sắc về công tác PCCC&CNCH, có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao đối với công tác PCCC&CNCH trên địa bàn; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC&CNCH được nâng cao; nhận thức của cán bộ và nhân dân trong xã nâng lên rõ rệt, đã xác định rõ trách nhiệm của mình trong công tác PCCC&CNCH; đã đẩy mạnh công tác đầu tư kinh phí, trang bị phương tiện cho lực lượng dân phòng, tổ chức quản lý, chỉ đạo lực lượng Dân phòng thực hiện nhiệm vụ PCCC&CNCH; thực hiện tổ chức hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại các đám cháy xảy ra trên địa bàn và khắc phục hậu quả vụ cháy gây ra; người dân, người đứng đầu các cơ sở trên địa bàn đã quan tâm, thực hiện

công tác PCCC&CNCH; bước đầu hình thành ý thức tự giác trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ cháy, nổ. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của UBND cấp xã vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa mang lại hiệu quả cao như: công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về PCCC&CNCH chưa được thường xuyên, liên tục, chưa thu hút được người nghe, chưa đạt kết quả cao; quá trình kiểm tra chưa phát hiện hết các lỗi vi phạm quy định về PCCC&CNCH; chất lượng hoạt động của Đội dân phòng chưa đạt hiệu quả; công tác phối hợp với lực lượng PCCC&CNCH còn chưa được thường xuyên...[2]. Chính vì thế việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của Ủy ban nhân dân cấp xã là cần thiết.

2. Công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Trong thời gian qua, thực hiện theo quy định, Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã thực hiện các trách nhiệm trong quản lý nhà nước về PCCC&CNCH như:

Ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, doanh nghiệp, hộ gia đình, khu dân cư trên địa bàn nghiêm túc chấp hành các quy định. Thống kê từ năm 2021 đến nay, Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã ban hành 22.938 kế hoạch nhiều văn bản quan trọng, làm định hướng chỉ đạo công tác PCCC&CNCH trên địa bàn, tập trung vào việc chỉ đạo các cơ quan, ban ngành đẩy mạnh tuyên truyền PCCC&CNCH, hướng dẫn các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC&CNCH, xây dựng lực lượng PCCC&CNCH, kiểm tra an toàn PCCC&CNCH định kỳ đối với các cơ sở thuộc diện theo quy định [7].

Tổ chức kiểm tra đánh giá, hướng dẫn kiểm tra về PCCC&CNCH của cơ sở, nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh quy định tại Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 [5] và tham mưu xử lý đối với các hành vi, vi phạm theo thẩm quyền. Theo thống kê, từ năm 2021 đến hết tháng 3 năm 2026 UBND xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã thực hiện kiểm tra tổng 509.802 lượt, cụ thể: năm 2021 với

140.035 cơ sở, UBND xã thực hiện kiểm tra 50.630 lượt; năm 2022 với 128.786 cơ sở, UBND xã thực hiện kiểm tra 120.068 lượt; năm 2023 với 115.067 cơ sở, mỗi năm UBND xã thực hiện kiểm tra về PCCC&CNCH 140.035 lượt; năm 2024 với 101.973 cơ sở UBND xã thực hiện kiểm tra 163.762 lượt; năm 2025 với 64.001 cơ sở UBND xã thực hiện kiểm tra 32.250 lượt; 3 tháng đầu năm 2026 với 64.001 cơ sở UBND xã thực hiện kiểm tra 3.057 lượt. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân xã đã thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi, vi phạm các quy định về an toàn PCCC nhằm phát hiện ra các tồn tại, thiếu sót của các cơ sở trong quá trình hoạt động góp phần hạn chế cháy, nổ xảy ra. Theo thống kê của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội cho thấy qua 509.802 lượt kiểm tra về PCCC&CNCH đối với các cơ sở trên địa bàn, trong đó lập 793 biên bản vi phạm hành chính, tổng mức tiền phạt tất cả các trường hợp trong khoảng thời gian này là 1,405 tỷ đồng [7].

Chỉ đạo Công an phường, lực lượng dân phòng phối hợp chặt chẽ với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trên địa bàn, Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai sâu rộng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về PCCC&CNCH; hướng dẫn kiến thức, kỹ năng, biện pháp phòng ngừa cháy, nổ và xử lý tình huống sự cố, tai nạn; hướng dẫn tuyên truyền người dân cài đặt và sử dụng app “báo cháy 114”, đồng thời hướng dẫn cơ sở lắp đặt trang bị thiết bị truyền tin báo cháy. Đáng chú ý, hệ thống loa truyền thanh của phường và các Tổ dân phố được duy trì hoạt động thường xuyên, phát thanh tuyên truyền về PCCC&CNCH, với thời lượng 1 đến 2 lần một tuần, trong khoảng thời gian từ 05 - 10 phút mỗi lần. Theo thống kê, trong khoảng thời gian khảo sát từ năm 2021 đến hết tháng 3 năm 2026, UBND xã đã chỉ đạo các Phòng chức năng phối hợp với Công an xã đã thực hiện 5.340 buổi tuyên truyền miệng tại các khu dân cư, cơ sở trên địa bàn với 72.715 người tham dự, xây dựng và đăng 3.492 tin bài; tổ chức treo 6.980 băng rôn, hình ảnh; 14.795 pa nô, áp phích ảnh báo các nguy hiểm cháy nổ; phát 1.370,033 lượt trên loa phát thanh; 296,105 tài liệu có nội dung khuyến cáo các biện

pháp đảm bảo an toàn và kỹ năng khi có cháy xảy ra. Điều đó, góp phần nhắc nhở các cơ quan, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân nâng cao ý thức, chấp hành nghiêm các quy định về an toàn PCCC&CNCH trên địa bàn[7].

Tổ chức thành lập Đội Dân phòng trên địa bàn các thôn, xóm, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy. Việc thành lập bảo đảm mỗi khu dân cư đều có lực lượng Dân phòng. Theo thống kê, từ năm 2021 đến 01/7/2025, trên địa bàn Thành phố Hà Nội có 5.415 khu dân cư, đã thành lập Đội Dân phòng (đạt 100%), từ 01/7 năm 2025 trên địa bàn Thành phố Hà Nội có 5.536 khu dân cư đã thành lập 5.536 Đội dân phòng (đạt 100%). Đội viên Đội Dân phòng tại các tổ dân phố trên địa bàn phường đều có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác PCCC&CNCH [7].

Chủ động huy động các lực lượng tại chỗ và các đơn vị liên quan tham gia phối hợp chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể, triển khai các biện pháp chữa cháy, cứu người, bảo vệ tài sản và giữ gìn an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra sự cố. Nhờ đó, nhiều vụ cháy đã được khống chế, dập tắt kịp thời ngay từ giai đoạn ban đầu, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Theo thống kê, Ủy ban nhân xã đã phối hợp chặt chẽ với quần chúng nhân dân trực tiếp tham gia xử lý, dập tắt 1.254/3.831 vụ cháy xảy ra trên địa bàn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của Ủy ban nhân dân cấp xã còn một số hạn chế, thiếu sót như sau:

Việc tuyên truyền an toàn PCCC&CNCH cho cơ sở và người dân chưa sâu, rộng, chưa đạt hiệu quả như mong muốn, nhiều chủ hộ gia đình chưa thật sự quan tâm đến PCCC&CNCH, không tham gia những cuộc tuyên truyền khi được tổ chức ở địa phương mà chỉ cử người già, người giúp việc tham gia.

Chất lượng công tác kiểm tra, hướng dẫn về PCCC&CNCH tại một số địa bàn cơ sở hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; việc tổ chức kiểm tra còn mang tính hình thức, chưa thực sự đi sâu, đi sát vào các cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao. Nội dung kiểm tra,

hướng dẫn đôi khi còn dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa kịp thời phát hiện và hướng dẫn khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH. Việc xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC&CNCH còn chưa thật sự quyết liệt, thiếu tính răn đe; vẫn còn tình trạng né nang, né tránh, chưa áp dụng đầy đủ các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Chất lượng hoạt động của lực lượng dân phòng trong công tác PCCC&CNCH tại một số địa bàn hiện nay còn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn, một bộ phận đội viên còn lúng túng trong việc tổ chức chữa cháy và CNCH, nhiều đội viên chưa nắm vững quy trình, thao tác sử dụng các phương tiện, trang thiết bị được trang bị như: bình chữa cháy, máy bơm, lăng, vòi....

Quá trình tổ chức chữa cháy chưa đạt hiệu quả cao; một bộ phận cán bộ, chiến sỹ còn lúng túng trong xử lý tình huống, chưa thành thạo trong sử dụng phương tiện, dẫn đến việc triển khai đội hình, chiến thuật chữa cháy còn chậm và thiếu linh hoạt.

Nguyên nhân của những hạn chế thiếu sót:

Cấp ủy, UBND xã tại một số địa bàn chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác PCCC&CNCH trong bảo đảm an ninh trật tự và phát triển kinh tế, xã hội; do đó chưa quan tâm đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc quán triệt, triển khai các chủ trương, quy định của pháp luật về PCCC&CNCH có nơi còn chậm, thiếu đồng bộ; chưa xây dựng được kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, sát với tình hình thực tế của địa bàn. Công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện chưa được duy trì thường xuyên, dẫn đến hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC&CNCH còn hạn chế.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC&CNCH tại một số địa bàn dân cư hiện nay chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Việc tổ chức tuyên truyền còn mang tính thời điểm, chưa duy trì thường xuyên, liên tục; nội dung tuyên truyền chậm được đổi mới, còn chung chung, chưa bám sát đặc điểm, nguy cơ cháy, nổ của từng khu dân cư, từng nhóm đối tượng như hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ lẻ, nhà ở

kết hợp sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, thiếu đa dạng.

Trình độ, năng lực tổ chức quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của đội ngũ cán bộ cấp xã hiện nay nhìn chung chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn. Một bộ phận cán bộ chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về PCCC&CNCH, việc nắm bắt các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn chưa đầy đủ, dẫn đến lúng túng trong công tác tham mưu, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện.

Hiệu quả hoạt động của lực lượng dân phòng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Nhiều đội viên Đội dân phòng đã lớn tuổi, không đảm bảo sức khỏe để thực hiện công việc, thời gian đào tạo, huấn luyện còn hạn chế, các điều kiện về phương tiện, sân bãi tập luyện chưa đảm bảo.

Công tác phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố với UBND phường chưa cao, chưa thường xuyên, đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của UBND xã.

3. Một số giải pháp pháp nâng cao quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, mật độ dân cư cao, nhiều loại hình cơ sở tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ, công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH tại cấp xã giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ cháy nghiêm trọng xảy ra thời gian qua đều có nguyên nhân từ những hạn chế trong công tác quản lý, kiểm tra và tổ chức thực hiện ở cơ sở. Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội, cần tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH. Ủy ban nhân dân xã cần tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực

hiện các chương trình, kế hoạch về PCCC&CNCH. Chỉ đạo quyết liệt việc triển khai các chương trình, kế hoạch của thành phố về PCCC&CNCH; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế. Đồng thời, tập trung xử lý dứt điểm các cơ sở không bảo đảm yêu cầu an toàn phòng cháy chữa cháy theo lộ trình đã đề ra.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC&CNCH. Ủy ban nhân dân cấp xã cần phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, thực hiện tổ chức đào tạo theo hướng phân cấp, phù hợp với từng nhóm đối tượng cán bộ Công an cấp xã; nội dung đào tạo cần gắn với thực tiễn, chú trọng các chuyên đề thiết thực như nhận diện nguy cơ cháy, nổ trong khu dân cư; kiểm tra an toàn PCCC đối với nhà ở kết hợp kinh doanh; kỹ năng chữa cháy xử lý ban đầu và cứu nạn, cứu hộ trong các sự cố, tai nạn. Công tác đào tạo cần được thực hiện thường xuyên, có kiểm tra, đánh giá kết quả nhằm bảo đảm tính liên tục và hiệu quả.

Ba là, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền an toàn PCCC&CNCH. Nội dung tuyên truyền cần ngắn gọn, sâu sắc, dễ hiểu và bám sát với thực tế tại địa phương thì sẽ thu hút được sự quan tâm của người nghe, người đọc... góp phần vào sự thành công của hoạt động đã thực hiện. Tại xã là nơi có nhiều đối tượng khác nhau, độ tuổi khác nhau nên cần xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, cụ thể. Hình thức tuyên truyền được thực hiện theo hướng: tăng thời lượng công tác tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh; băng rôn, khẩu hiệu, pano, áp phích được chú trọng đầu tư, hình ảnh dễ nhìn; tuyên truyền PCCC&CNCH thông qua mạng xã hội như Zalo, Facebook, App “báo cháy 114”, Tiktok,... tuyên truyền về PCCC&CNCH qua quét mã Qr-code được đặt tại ngõ vào khu dân cư, nơi tập trung đông người; sân khấu hoá nội dung PCCC&CNCH; sử dụng AI tạo video mô phỏng cháy, nổ, tai nạn để người dân dễ hình dung; chuyển văn bản tuyên truyền thành giọng nói phát trên loa phát thanh xã; viết kịch bản tuyên truyền ngắn gọn, phù hợp từng nhóm (nông dân, học sinh, người cao tuổi);...

Bốn là, kiện toàn các Đội Dân phòng đảm bảo chất lượng, hoạt động hiệu quả và phù hợp với đặc điểm địa bàn. Lựa chọn những người có sức khỏe, tích cực tham gia phong trào, có mặt thường xuyên tại khu dân cư. Ban hành quy chế hoạt động, phân công cán bộ quản lý, qua thời gian hoạt động, rút kinh nghiệm nhân rộng tới các khu dân cư còn lại. UBND phường cần phân công cụ thể cán bộ, công chức của UBND trực tiếp theo dõi hoạt động của Đội Dân phòng, tăng cường giám sát, kiểm tra hoạt động của Đội Dân phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Làm tốt công tác trang bị phương tiện chất lượng, hoạt động hiệu quả và phù hợp với đặc điểm địa bàn cho lực lượng dân phòng. Việc trang bị phải được thực hiện đầy đủ, đồng bộ, đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Thông tư 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025, bảo đảm tính thiết thực, phù hợp với đặc điểm địa bàn, nguy cơ cháy nổ và điều kiện thực tế tại cơ sở [1].... Các cơ quan, đơn vị cần chủ động xây dựng phương án kiểm tra định kỳ, kịp thời phát hiện, sửa chữa các hư hỏng, xuống cấp nhằm tránh tình trạng thiết bị có mà không dùng được hoặc sử dụng kém hiệu quả khi xảy ra sự cố. Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác khen thưởng, thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng để tạo ra phong trào thi đua để động viên khích lệ đội viên Dân phòng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Năm là, trong quá trình kiểm tra phải kịp thời phát hiện, kiến nghị đối với các tồn tại vi phạm về PCCC&CNCH; các kiến nghị về PCCC bảo đảm chính xác, khách quan, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật và có phúc tra việc tổ chức khắc phục sơ hở, thiếu sót theo các kiến nghị của cơ quan chức năng. Việc kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở trong diện quản lý phải được thực hiện nghiêm ngặt, chặt chẽ và tuân thủ theo quy định pháp luật dựa trên nguyên tắc “không vùng cấm, không có ngoại lệ”. Sau các buổi kiểm tra, các biên bản kiểm tra về PCCC&CNCH cần được đại diện các bên ký xác nhận đồng thời thực hiện số hoá biên bản kiểm tra để tập hợp, theo dõi quản lý. Khi kiểm tra phát hiện các cơ sở có tồn tại các vi phạm quy định về an toàn PCCC cần tiến hành áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm

hành chính. Đối với các cơ sở có nhiều vi phạm quy định về PCCC&CNCH, không bảo đảm an toàn, có nguy cơ xảy ra cháy, nổ cao gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản phải có biện pháp xử lý kịp thời, tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động.

Sáu là, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển số trong công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH tại xã trên các nội dung sau: xây dựng hệ sinh thái số trong quản lý PCCC&CNCH trong đó trọng tâm là hoàn thiện cơ sở dữ liệu về PCCC&CNCH đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC; bản đồ số về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; định danh thông tin các ngõ nhỏ xe chữa cháy không có khả năng tiếp cận...; thực hiện đảm bảo các yêu cầu của Đề án “Xây dựng hệ thống truyền tin, báo sự cố phòng cháy, chữa cháy” trên địa bàn của xã với giải pháp trọng tâm là áp dụng công nghệ cảnh báo cháy sớm kết nối với thiết bị truyền tin báo cháy và Trung tâm chỉ huy chữa cháy và CNCH; ứng dụng công nghệ trong cảnh báo, báo cháy và tương tác với người dân trong đó trọng tâm là tuyên truyền, vận động người dân chủ động lắp đặt hệ thống, thiết bị cảnh báo cháy sớm và cài đặt ứng dụng “Báo cháy 114”, mã Qr an toàn PCCC....

Bảy là, tăng cường công tác phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố Hà Nội trong việc hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH cho lực lượng dân phòng; thường xuyên tổ chức tập huấn, huấn luyện thực hành các tình huống chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ sát với thực tế địa bàn; phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng phòng cháy, kỹ năng thoát nạn cho người dân trên địa bàn.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 36/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

2. Chính phủ (2020), *Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC*, Hà Nội.

3. Chính phủ (2021), *Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; CNCH; phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.

4. Chính phủ (2024), *Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/05/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Phòng cháy, chữa cháy*, Hà Nội.

5. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

6. Chính phủ (2025), *Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

7. Công an Hà Nội, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 3 tháng đầu năm 2026*, Hà Nội.

8. Quốc hội (2001), *Luật Phòng cháy, chữa cháy*, Hà Nội.

9. Quốc hội (2013), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC*, Hà Nội.

10. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG NĂM 2025

Thiếu tá, ThS NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Khoa Luật, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thanh Thủy (Email: thanhthuy.hlu@gmail.com)

Tóm tắt: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2025 có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

Từ khóa: phòng, chống tham nhũng.

Abstract: The Law amending and supplementing several articles of the Law on corruption prevention and control in 2025 contains many important amendments and additions that address the shortcomings and limitations of the 2018 Law on corruption prevention and control, thereby contributing to improving the effectiveness of anti-corruption work.

Keywords: corruption prevention and control.

1. Những năm gần đây, công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, chú trọng. Sau hơn 06 năm thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, với những nỗ lực không ngừng nghỉ, công tác phòng, chống tham nhũng đã có những bước tiến quan trọng, mạnh mẽ, với nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đi vào chiều sâu, đạt nhiều kết quả rất tích cực; công tác phát hiện và xử lý tham nhũng được chỉ đạo và thực hiện bài bản, đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, tạo bước đột phá trong công tác phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn thi hành luật cũng bộc lộ nhiều hạn chế như: một số chủ trương, chính sách của Đảng về phòng, chống tham nhũng chưa được thể chế hóa kịp thời thành pháp luật; một số quy định của pháp luật chưa theo kịp sự phát triển của xã hội gây khó khăn cho công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.... Do đó, việc ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham

những năm 2025 là cần thiết, khách quan, kịp thời đáp ứng yêu cầu về đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới.

2. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 (Luật số 132/2025/QH15) đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 ngày 10/12/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật số 132/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 22 điều, trong đó có một số điểm mới nổi bật, cụ thể:

Thứ nhất, sửa đổi quy định về khái niệm “cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước”. Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi quy định tại Khoản 9, Điều 3 về giải thích khái niệm “Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước” theo hướng ngắn gọn, cụ thể: “9. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập,

doanh nghiệp nhà nước và tổ chức, đơn vị khác do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động”. Theo đó, Luật mới đã bỏ nội dung “do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc tham gia quản lý nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chung, thiết yếu của Nhà nước và xã hội”.

Thứ hai, quy định cụ thể, rõ ràng các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 8. Nếu như trước đây trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, nhà làm luật chỉ ghi nhận các hành vi bị nghiêm cấm tại Khoản 2, 3 Điều 8 gồm:

“2. Đe dọa, trả thù, trù dập, tiết lộ thông tin về người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.

3. Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng để vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.”.

Quy định này là khá chung chung, chưa cụ thể và đầy đủ, dẫn đến việc áp dụng trong thực tế thiếu thống nhất, gặp khó khăn, vướng mắc.

Khắc phục hạn chế trên, Luật số 132/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung một cách chi tiết, rõ ràng và đầy đủ hơn những hành vi trên tại Điểm a, b, c, d, đ Khoản 2 và Điểm 3a Khoản 3 Điều 8, cụ thể như sau:

“2. Thực hiện các hành vi sau đây đối với người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng:

a) Đe dọa, dùng bạo lực, gây áp lực, vu khống, cô lập, xúc phạm hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;

b) Xâm phạm bất hợp pháp nhà ở, chỗ ở, chiếm giữ, hủy hoại tài sản, xúc phạm nhân phẩm, danh dự hoặc có hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn cá nhân của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;

c) Trả thù hoặc thuê, nhờ, xúi giục người khác uy hiếp tinh thần, trả thù người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng;

d) Thực hiện không đúng quy định, phân biệt đối xử, đề ra tiêu chí, điều kiện, nhận xét, đánh giá mang tính áp đặt gây bất lợi trong công tác cán bộ, khen thưởng, kỷ luật đối với người phản ánh, tố cáo,

báo cáo về hành vi tham nhũng; luân chuyển, điều động, biệt phái người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng khi đang giải quyết vụ việc;

đ) Gây khó khăn, cản trở khi thực hiện chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước, giải quyết các thủ tục hành chính, các dịch vụ công theo quy định của pháp luật, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghề nghiệp, việc làm, lao động, học tập hoặc thực thi nhiệm vụ của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.”;

“3a. Ngăn chặn, hủy bỏ thông tin, tài liệu, chứng cứ về phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; che giấu, không báo cáo, trì hoãn hoặc xử lý, xác minh đề nghị, yêu cầu được bảo vệ không đúng quy định; tiết lộ các thông tin cần được giữ bí mật trong quá trình bảo vệ; không kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ; không thay đổi người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ khi có căn cứ xác định người đó thiếu trách nhiệm, không khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.”

Thứ ba, về trách nhiệm giải trình được quy định tại Điều 15. Bên cạnh việc bãi bỏ Khoản 4, Luật cũng sửa đổi Khoản 1 như sau: “1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó.

Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc, đối tượng, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân về thực hiện trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.”

Có thể thấy, so với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật số 132/2025/QH15 quy định việc giao cho Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc, đối tượng, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân về thực hiện trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ góp phần bảo đảm việc thống nhất trong áp dụng vào thực tiễn.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung quy định về báo cáo, công khai báo cáo về công tác phòng, chống tham

những tại Điều 16. Trong đó, ngoài việc sửa đổi quy định về các cơ quan có trách nhiệm phối hợp trong việc xây dựng báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phù hợp cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước sau sáp nhập; Luật số 132/2025/QH15 bổ sung thêm chủ thể chủ thể có trách nhiệm báo cáo, công khai báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng là “các cơ quan, tổ chức có liên quan”.

Thứ năm, về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Luật số 132/2025/QH15 tại Điều 30 đã điều chỉnh, hoàn thiện quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng quy định rõ hơn các chủ thể kiểm soát tài sản, thu nhập.

Theo đó, Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập là người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy theo quy định của Đảng. Đồng thời, Luật sửa đổi và quy định thống nhất chủ thể kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thuộc các cơ quan của Quốc hội, thay vì cả Văn phòng Quốc hội và cơ quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Theo đó, Văn phòng Quốc hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý của mình và của các cơ quan của Quốc hội, trừ trường hợp thuộc diện kê khai của cơ quan Đảng.

Ngoài ra, phạm vi và đối tượng kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, thành phố cũng được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực hiện phân cấp, phân quyền.

Thứ sáu, về giá trị tài sản, mức thu nhập phải kê khai và kê khai bổ sung. Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 quy định với mỗi tài sản (kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá trị và tài sản khác) có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên thuộc diện phải kê khai; kê khai bổ sung được thực hiện khi có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở. Tuy nhiên, để phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, quy định về mức lương và thu nhập hợp pháp của công chức, người có chức vụ,

quyền hạn tăng khoảng 03 lần so với thời điểm năm 2018, quy định giá trị mỗi loại tài sản phải kê khai từ 150.000.000 đồng trở lên và giá trị tài sản, thu nhập phải kê khai bổ sung khi có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính trung thực trong kê khai, Luật còn quy định về theo dõi biến động tài sản, thu nhập và căn cứ xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, cụ thể: "Trường hợp phát hiện có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp tài sản, thu nhập có biến động tăng thì phải giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm"; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập của người kê khai khi "Có biến động tăng về tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc".

Thứ bảy, về đối tượng có nghĩa vụ kê khai. Thực hiện quan điểm của Đảng tại Quy định số 114-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 131-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán...

Luật số 132/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập tại khoản 3 Điều 34, cụ thể: “3. Người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, người giữ chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ.”.

Thứ tám, để tăng cường hiệu quả hoạt động xác minh tài sản, thu nhập khắc phục những hạn chế, khó khăn do số lượng người thuộc diện phải xác minh tài sản thu nhập là rất lớn, Luật số 132/2025/QH15 điều

chính quy định trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập theo hướng bổ sung yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên.

Thứ chín, thể chế hóa Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu: “Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh”; đồng thời để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và khoa học, công nghệ ứng dụng, Luật số 132/2025/QH15 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các cơ quan bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi trách nhiệm của mình; kết nối, tích hợp, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm liên thông, an toàn thông tin; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2025 ra đời với nhiều sửa đổi, bổ sung quan trọng, tiệm cận hơn với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay. Cùng với các chủ trương, chính sách, quy định mới của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, những sửa đổi, bổ sung quan trọng trong Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi năm 2025 mang ý

nghĩa to lớn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.
2. Quốc hội (2025), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 02/4/2026; Ngày thẩm định: 29/4/2026; Ngày nhận đăng: 08/5/2026.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA GRAPHITE TRƯỞNG NỞ LÊN TÍNH CHẤT CỦA SƠN CHỐNG CHÁY NHẪM BẢO VỆ CHO VẬT LIỆU GỖ

Trung tá, TS TRẦN VĂN HUỖNH

Khoa Khoa học cơ bản và Ngoại Ngữ, Trường Đại học PCCC

Thiếu tá, TS LÊ THỊ HỒNG HIỆP

Khoa Cơ sở ngành PCCC, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Trần Văn Huỳnh (Email: tranhuynhsp@gmail.com)

Tóm tắt: Graphite trương nở (Expandable Graphite - EG) là một loại vật liệu phụ gia chống cháy vật lý thuộc hệ phòng nổ, EG đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra rào cản nhiệt bảo vệ cốt liệu. Trong nghiên cứu này chúng tôi nghiên cứu ảnh hưởng của khối lượng EG lên khả năng chống cháy của sơn chống cháy gốc nước. Khả năng chống cháy của sơn chống cháy gốc nước chứa phụ gia EG được thực hiện bằng phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn UL94-V. Kết quả cho thấy sơn chống cháy gốc nước khi thêm phụ gia graphite trương nở có thể cải thiện thời gian chống cháy. Khả năng chống cháy hiệu quả tốt nhất khi thêm phụ gia graphite trương nở vào là 1,5% theo khối lượng. Hình thái học bề mặt lớp than hoá của lớp phủ chống cháy chứa phụ gia graphite trương nở cũng được nghiên cứu phân tích. Kết quả nghiên cứu là tiền đề khảo sát chi tiết hơn về vai trò của graphite trương nở trong phụ gia cho sơn chống cháy.

Từ khoá: Graphite trương nở, sơn chống cháy, phụ gia, tiêu chuẩn UL94-V.

Abstract: Expandable graphite (EG) is a physical flame-retardant additive used in intumescent systems, where it plays a key role in forming a thermal barrier to protect the substrate. This study investigates the effect of EG content on the fire resistance of water-based fire-protective coatings. The fire resistance of the water-based coatings containing EG was evaluated using the UL94-V test method. The results show that the addition of expandable graphite can improve the fire-resistance performance of water-based fire-protective coatings. The most effective fire-resistance performance was achieved with the addition of 1.5 wt.% expandable graphite. The surface morphology of the char layer formed by the fire-protective coating containing expandable graphite was also examined. The findings provide a basis for further detailed investigation into the role of expandable graphite as an additive in fire-protective coatings.

Keywords: Expandable graphite, fire-resistant paints, additives, UL94-V standards.

1. Đặt vấn đề

Một lớp phủ chống cháy trương nở điển hình bao gồm ba thành phần chính, đó là: chất khử nước có tính acid (phosphoric acid và boric acid, cũng như este và muối của chúng), thành phần cacbon hóa đa chức (thường là glucose, erythritol và các dẫn xuất

của chúng) và chất tạo bọt (ví dụ: melamine, urê, chloroparaffin). Những chất này, cùng với chất kết dính và chất độn trương nở, tạo thành một hệ thống. Dưới tác dụng của ngọn lửa, nhờ tác dụng hiệp đồng của các thành phần riêng lẻ, không chỉ cung cấp cho vật liệu được bảo vệ khả năng chống lại ngọn lửa mà

còn cách nhiệt chống lại sự tăng nhiệt độ quá mức của vật liệu được bảo vệ. Hệ thống ba thành phần trương nở được sử dụng phổ biến nhất là sự kết hợp của amoni polyphosphat, pentaerythritol và melamine (với lượng lên đến 25 – 30% trọng lượng) [1]. Ngoài việc làm chậm sự lan truyền của đám cháy, sự kết hợp này còn làm giảm lượng khí thải ra.

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các lớp bảo vệ có thể được điều chỉnh trên một phạm vi rộng các tính chất chức năng của chúng. Tất cả các lớp phủ chống cháy đều dựa trên nhựa hữu cơ, chúng mất đi các đặc tính của mình trong phạm vi nhiệt độ 300 – 500°C. Do đó, độ bền thấp của chúng trong điều kiện cháy là một hệ quả trực tiếp. Vì vậy các nghiên cứu hướng đến việc điều chỉnh quá trình cacbon hóa và duy trì độ cứng của cấu trúc. Mặt khác nhựa hữu cơ đủ đàn hồi để không hình thành các vết nứt nhỏ trong các lớp trong quá trình sử dụng bình thường. Các vật liệu gốm sau đây được sử dụng làm chất phụ trợ trong hệ thống lớp phủ chống cháy: bột silicat (đất sét, cát, silica) làm tăng độ cứng của lớp phủ trương nở, sợi (khoáng, gốm, thủy tinh) làm tăng khả năng chịu nhiệt của lớp phủ lên đến 1500°C, cacbua silic (lên đến 5%) làm giảm nhiệt độ của chất nền được bảo vệ, cải thiện độ ổn định nhiệt và tính toàn vẹn của bột hình thành, cũng như silicat canxi và kali, oxit titan, hydroxit nhôm, borat kẽm hoặc oxit antimon [2,3]. Ngược lại, việc bổ sung các hạt nano đất sét, montmorillonit, nanosilica (với số lượng nhỏ, lên đến 5%), bằng cách tạo thành các lớp thiêu kết mỏng trong quá trình tiếp xúc với lửa, làm giảm sự khuếch tán oxy của chất nền và có thể ngăn ngừa nứt, cải thiện khả năng chống ăn mòn và chống nước [4]. Hiệu ứng tương tự có thể đạt được nhờ việc bổ sung các hạt nano oxit nhôm, magie aluminat và titan pyrophosphat. Việc bổ sung zirconium silicat (lên đến 5%) làm tăng hàm lượng carbon trong lớp phủ xốp sau khi cháy, làm cho nó cứng hơn.

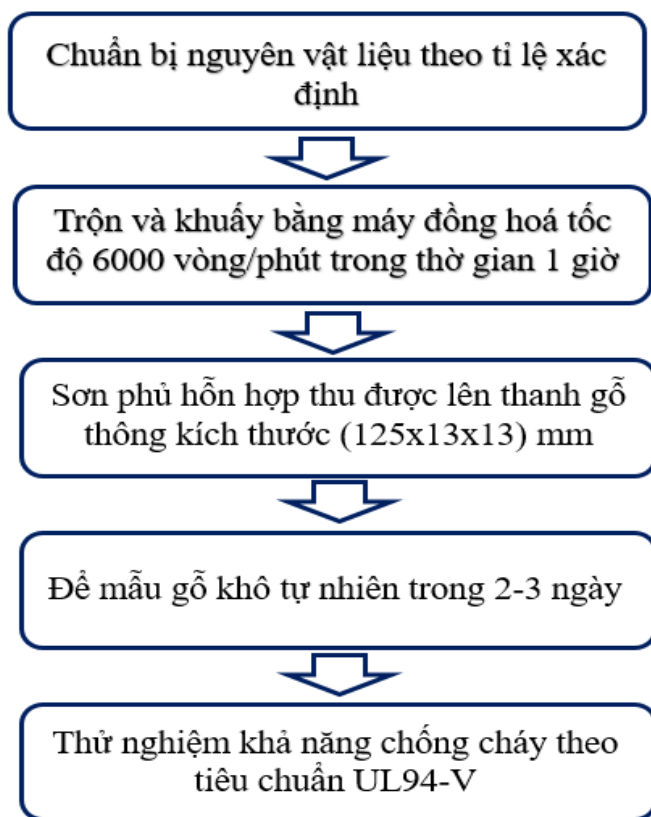
Graphite trương nở (Expandable Graphite - EG) là một loại vật liệu xen kẽ được tạo ra bằng cách xử lý graphite tự nhiên với các tác nhân oxide hóa và acid. Trong công nghệ sơn chống cháy, EG được phân loại là phụ gia chống cháy vật lý thuộc hệ phòng nổ,

EG đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra rào cản nhiệt bảo vệ cốt liệu. Graphite trương nở sẽ trương nở ngay lập tức thành sản phẩm graphite dạng giun khi nhiệt độ trên 200°C do các hợp chất nằm trong mạng lưới lớp bị phân hủy. Thể tích tối đa đạt được ở 1100°C và thể tích cuối cùng gấp 150 đến 300 lần thể tích ban đầu, tạo thành một lớp màng cách nhiệt tốt hơn. Phạm vi chịu nhiệt của graphite trương nở là -200 °C đến 3600°C trong điều kiện kỵ khí và nó không bị phân hủy, không bị lão hóa và ổn định về mặt hóa học trong điều kiện nhiệt độ cao, áp suất cao hoặc bức xạ. Ngoài ra, nó không độc hại và không chứa bất kỳ chất gây ung thư nào, không gây hại cho môi trường [5, 6]. Graphite trương nở là một chất phụ gia chống cháy tốt với nhiều cơ chế chống cháy khác nhau, có tác dụng chống cháy và giảm khói. Trong những năm gần đây, graphite trương nở với vai trò là chất phụ gia chống cháy trương nở, đang ngày càng được chú ý trong lĩnh vực vật liệu tổng hợp chống cháy, tuy nhiên trong lĩnh vực sơn chống cháy đặc biệt sơn chống cháy gốc nước bảo vệ gỗ tự nhiên chưa được nghiên cứu đầy đủ. Trong nghiên cứu này chúng tôi khảo sát sự ảnh hưởng hàm lượng phụ gia graphite trương nở sử dụng trong sơn chống cháy gốc nước. Sơn chống cháy gốc nước chứa phụ gia graphite trương nở được phủ lên gỗ tự nhiên, các mẫu gỗ tự nhiên này sau đó được thử nghiệm theo tiêu chuẩn UL94-V. Bên cạnh đó lớp than hoá của sơn chống cháy chứa phụ gia graphite trương nở sau khi cháy được phân tích bằng hình thái học SEM để làm rõ hiệu quả trương nở mà graphite trương nở gây ra.

2. Chế tạo vật liệu sơn chống cháy gốc nước sử dụng phụ gia graphite trương nở

Các hóa chất được sử dụng để tổng hợp sơn chống cháy gốc nước sử dụng phụ gia graphite trương nở cho gỗ tự nhiên bao gồm ba thành phần chính của sơn, graphite trương nở và các phụ gia khác. Ba thành phần chính của hệ sơn gốc nước gồm: Ammonium polyphosphate (APP), công thức hóa học: $[\text{NH}_4\text{PO}_3]_n$ với $n > 1000$; Pentaerythritol (PER), công thức phân tử: $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}_4$, khối lượng mol 136,15 g/mol; Melamine (MEL), công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{N}_6$, khối lượng mol 126,12 g/mol. Các phụ gia khác gồm: chất trợ phân

tán Fatty Alcohol Ethoxylate 8 (FA8); chất tạo trắng TiO_2 ; chất phá bọt (EG-S926); chất chống lắng Bentonite; chất tạo đặc Carboxyl methyl cellulose (CMC). Các hóa chất này được phân tán trong nước cùng với chất tạo màng Ethylene Vinyl Acetate Copolymer (EVA) để tạo nên sơn chống cháy hệ nước cho gỗ tự nhiên.



Hình 1: Sơ đồ các bước chế tạo và thử nghiệm.

Các thiết bị được sử dụng để tổng hợp sơn chống cháy hệ nước sử dụng phụ gia graphite trương nở cho gỗ tự nhiên bao gồm: cốc thủy tinh các loại; cân điện tử; bình tia nước cắt; đĩa thủy tinh; máy đồng hóa mẫu tốc độ cao Model AD500S-H loại hiển thị tốc độ (máy khuấy); chổi sơn; giá đặt mẫu; các mẫu gỗ thông có kích thước (125x13x13) mm.

Quy trình chế tạo và thử nghiệm khả năng chống cháy của gỗ tự nhiên được phủ sơn chống cháy gốc nước chứa phụ gia graphite trương nở được tiến hành theo các bước như trong Hình 1, cụ thể gồm: (1) chuẩn bị nguyên vật liệu theo tỉ lệ xác định; (2) trộn và khuấy bằng máy đồng hóa mẫu tốc độ cao với tốc độ 6000 vòng/phút trong thời gian 1 giờ để tạo thành hỗn hợp đồng nhất; (3) sơn phủ hỗn hợp thu được lên thanh gỗ thông kích thước (125x13x13) mm; (4) để

mẫu gỗ khô tự nhiên trong 2-3 ngày tùy điều kiện thời tiết; (5) thử nghiệm khả năng **chống cháy** theo tiêu chuẩn UL94-V.

Bảng 1: Thành phần các nguyên vật liệu trong các mẫu sơn.

Mẫu	Tỉ lệ % về khối lượng					
	M ₀	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅
APP	18	18	18	18	18	18
PER	7	7	7	7	7	7
MEL	7	7	7	7	7	7
EVA	8	8	8	8	8	8
Nước	53	53	53	53	53	53
EG	0	0,5	1	1,5	2	2,5
Khác	7	6,5	6	5,5	5	4,5

Khả năng bảo vệ cách nhiệt của sơn chống cháy được thử nghiệm theo phương pháp đo cháy đứng UL94-V, phương pháp thử nghiệm khả năng chống cháy của vật liệu khi thử nghiệm với ngọn lửa theo phương dọc, được áp dụng dựa theo tiêu chuẩn ASTM D 3801 như chỉ ra ở Hình 2. Mẫu thử được đặt thẳng đứng cố định một đầu bởi giá đỡ. Đặt ngọn lửa có chiều cao trung bình 20 mm dưới đầu mẫu trong 10 giây (mỗi lửa lần 1), sau đó đưa ngọn lửa ra ngoài, ghi nhận thời gian cháy lần một của mẫu cho đến khi tắt. Ngay lập tức đặt ngọn lửa vào đầu mẫu thực hiện thao tác lần hai (mỗi lửa lần 2), tiếp tục ghi nhận thời gian cháy của mẫu. Đo 5 mẫu, ghi lại thời gian cháy, thời gian phát sáng sau khi cháy, khả năng cháy tối đa, và sự nhỏ giọt của vật liệu nếu có.



Hình 2: Bố trí thí nghiệm theo tiêu chuẩn UL94-V.

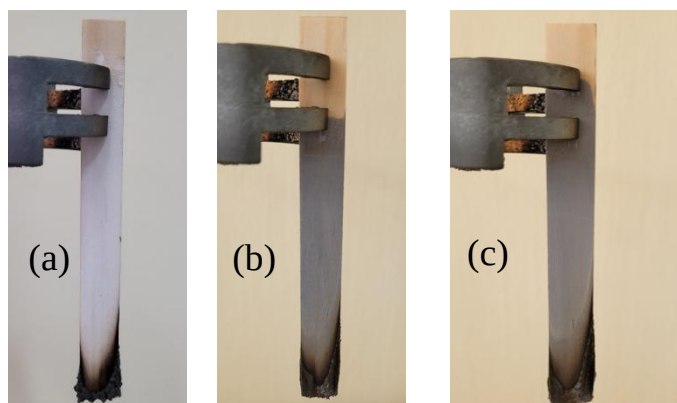
3. Kết quả thảo luận

Thời gian cháy của các mẫu gỗ thử nghiệm khả năng chống cháy theo phương pháp đo cháy đứng UL94-V được trình bày trong Bảng 2.

Mẫu	Tổng thời gian cháy (giây)	
	Sau mỗi lửa lần 1	Sau mỗi lửa lần 2
M ₀	6	42
M ₁	0	25
M ₂	0	15
M ₃	0	9
M ₄	0	8
M ₅	0	7

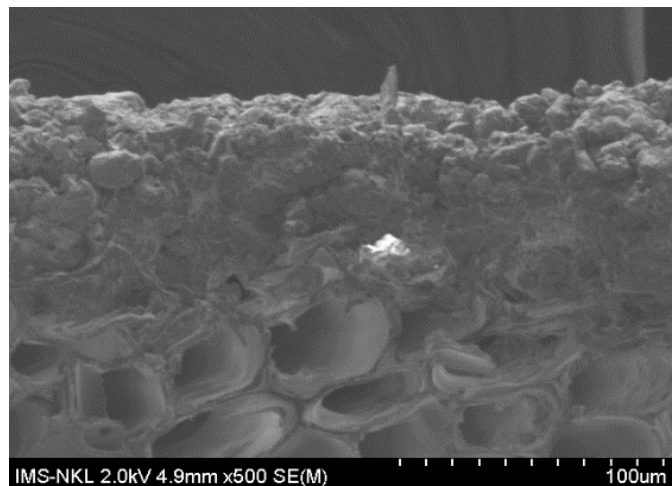
Từ kết quả tổng hợp ở Bảng 2 có thể thấy tất cả các mẫu gỗ được đốt thử nghiệm đều đạt theo tiêu chuẩn chống cháy UL94-V (tổng thời gian bắt cháy sau 2 lần đốt cháy nhỏ hơn 50 giây). Tuy nhiên với mẫu M₀ tổng thời gian cháy là lớn nhất (42 giây), với các mẫu được phủ màng chống cháy với hàm lượng phụ gia graphite trương nở tăng dần thì tổng thời gian bắt cháy giảm dần. Khi hàm lượng graphite trương nở trong sơn chống cháy là 0,5% tổng thời gian bắt cháy theo kết quả thử nghiệm là 25 giây, khi hàm lượng graphite trương nở trong sơn chống cháy tăng lên 1% thì tổng thời gian cháy theo kết quả thử nghiệm giảm nhanh xuống còn 15 giây. Tiếp tục tăng hàm lượng graphite trương nở trong sơn chống cháy lên 1,5%; 2% và 2,5% thì tổng thời gian cháy theo kết quả thử nghiệm tiếp tục giảm nhưng chậm và có xu hướng bão hoà. Như vậy có thể thấy khi hàm lượng graphite trương nở trong sơn chống cháy tăng đến 1,5% thì tác dụng chống cháy của sơn chống cháy gần như bão hoà. Mặc dù hàm lượng graphite trương nở càng cao thì khả năng chống cháy càng tốt, tuy nhiên hàm lượng graphite tăng dẫn đến ảnh hưởng đến độ kết dính, độ nhẵn bề mặt của lớp sơn chống cháy. Do đó hàm lượng graphite trương nở 1,5% trong sơn chống cháy là tỷ lệ tối ưu. Hình ảnh các mẫu gỗ sau khi đốt trong Hình 3 cho thấy phần bị ngọn lửa tác động, màng phủ đã trương phồng do đó ngăn cản nhiệt truyền đến bề mặt gỗ. Để hiểu rõ ảnh hưởng của graphite trương nở lên các lớp trương phồng, ảnh

SEM của phần trương phồng của các mẫu gỗ trước và sau khi đốt đã được thực hiện và trình bày trong Hình 4, 5, 6.

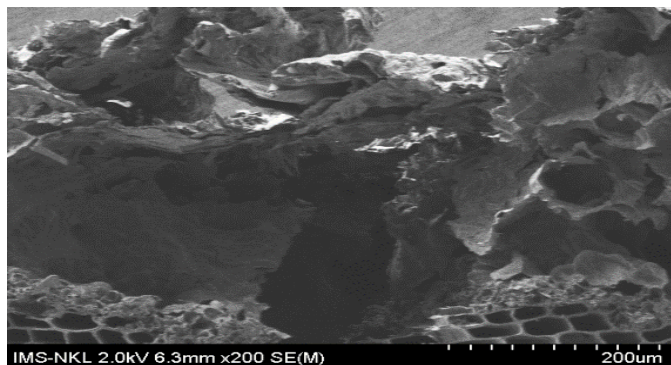


Hình 3: Kết quả thử nghiệm cháy theo tiêu chuẩn UL94-V, các hình a, b, c lần lượt là các mẫu M₀, M₁, M₃.

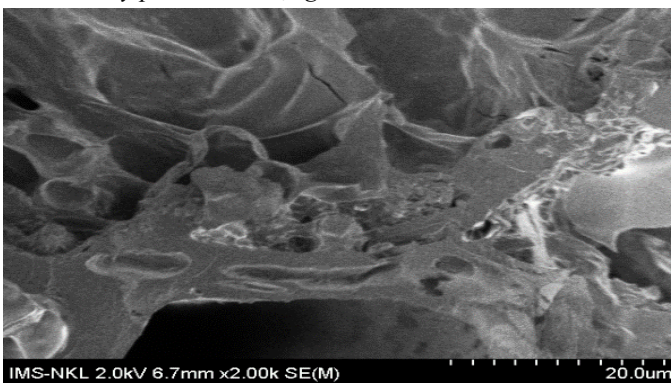
Hình 4 trình bày ảnh SEM của lớp phủ sơn chống cháy mẫu M₃ khi chưa đốt thử nghiệm. Có thể thấy lớp sơn tương đối mỏng và đồng đều (chưa đến 100 μ m), lớp sơn phủ liên kết tốt với bề mặt gỗ. Hình 5 và hình 6 trình bày ảnh SEM của lớp than hoá của lớp sơn phủ sau khi đốt thử nghiệm. Có thể thấy khi chịu tác động nhiệt, lớp phủ bị trương phồng mạnh, do đó cản trở sự tác động nhiệt lên bề mặt gỗ, bề mặt gỗ không bị nhiệt tác động nhiệt. Do có phụ gia graphite trương nở, lớp than hoá của sơn chống cháy sau khi thử nghiệm đốt xuất hiện các khung carbon, các khung carbon này đóng vai trò như một khuôn mẫu ổn định nhiệt, đồng thời thúc đẩy sự hình thành nhiều lớp than chồng lên nhau. Hiệu ứng này tăng cường khả năng cản trở sự truyền nhiệt từ ngọn lửa đến bề mặt gỗ.



Hình 4: Ảnh SEM của lớp sơn chống cháy phủ lên bề mặt gỗ của mẫu M₃ trước khi đốt.



Hình 5: Ảnh SEM ở độ phóng đại 200 lần của lớp sơn chống cháy phủ lên bề mặt gỗ của mẫu M_3 sau khi đốt.



Hình 6: Ảnh SEM ở độ phóng đại 2000 lần của lớp sơn chống cháy phủ lên bề mặt gỗ của mẫu M_3 sau khi đốt.

4. Kết luận

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã chế tạo thành công sơn chống cháy gốc nước sử dụng phụ gia graphite trương nở và thử nghiệm khả năng chống cháy trên gỗ tự nhiên theo tiêu chuẩn UL94-V. Các hàm lượng khác nhau của phụ gia graphite trương nở đã được khảo sát để làm rõ sự ảnh hưởng của graphite trương nở đối với khả năng chống cháy của sơn khi phủ lên gỗ tự nhiên (gỗ thông) theo tiêu chuẩn UL94-V. Phương pháp ảnh SEM đã được sử dụng để phân tích và giải thích các kết quả thử nghiệm. Kết quả cho thấy graphite trương nở có tác dụng tăng cường khả năng chống cháy của sơn chống cháy, với hàm lượng graphite từ 1,5 % trở lên tác dụng của nó đã đạt bão hòa. Kết quả nghiên cứu này cung cấp một giải pháp tăng cường khả năng chống cháy cho các kết cấu gỗ tự nhiên sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ravindra G. Puri, A. S. Khanna (2016), *Intumescent coatings: A review on recent progress*, Journal of Coatings Technology and Research, 14(1), 1-20.
2. Alongi, J.; Han, Z.; Bourbigot, S.: *Intumescence: Tradition versus novelty. A comprehensive review*. Prog. Polym. Sci. (2015).
3. Mohamad, W.F.; Ahmad, F.; Ullah, S.: *Effect of inorganic fillers on thermal performance and char morphology of intumescent fire retardant coating*. Asian J. Sci. Res. (2013).
4. Beheshti, A.; Heris, S.Z.: *Experimental investigation and characterization of an efficient nanopowder-based flameretardant coating for atmospheric-metallic substrates*. Powder Technol. (2015).
5. Tamer, Furkan & Çanakçı, Aykut & Cakir, Esma & Aras, uğur & Kalaycıoğlu, Hülya. *Development and Fire-Resistance Assessment of a Halogen-Free Recycled PS–Bitumen Sustainable Composite Enhanced by Expandable Graphite Intumescence*. Materials Research Bulletin. 200. 114114. (2026).
6. Arogundade, Adiat & Yussof, Puteri & Ahmad, Faiz & Muhammad, Ibrahim. *A Comparative Study of the Reinforcing Effect of Bauxite Residue in Pentaerythritol and Expandable Graphite Based Intumescent Systems*. Advanced Materials Research. 1184. 3-12. 10.4028/p-EX8eLa (2025).

Ngày nhận bài: 20/3/2026; Ngày thẩm định: 13/5/2026; Ngày duyệt đăng: 19/5/2026.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THỰC TẾ CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thiếu tá, ThS NGUYỄN THANH TÙNG

Khoa Chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ, Trường Đại học PCCCC

Thiếu tá, ThS VŨ VĂN ĐẠI

Phòng Chính trị, Trường Đại học PCCCC

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Tùng (Email: thanhtung210290@gmail.com)

Tóm tắt: Công tác thực tế của giảng viên là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục trong Công an nhân dân, trong đó có Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCCC). Việc tổ chức hiệu quả công tác thực tế không chỉ góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn cho giảng viên mà còn bảo đảm tính gắn kết giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Bài viết tập trung phân tích vai trò, tầm quan trọng của công tác thực tế đối với giảng viên Trường Đại học PCCCC; đồng thời đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các quy định về công tác thực tế trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực tế của giảng viên, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong tình hình hiện nay.

Từ khóa: công tác thực tế, giảng viên, Trường Đại học PCCCC, chất lượng đào tạo, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCCC&CNCH).

Abstract: Practical fieldwork is a crucial component in developing a high-quality faculty workforce in educational institutions of the People's Public Security Forces, particularly at the University of Fire Prevention and Fighting. Effective implementation of lecturers' practical activities not only enhances professional competence and practical experience but also ensures a close connection between theory and practice in teaching and scientific research. This paper analyzes the role and significance of practical fieldwork for lecturers at the University of Fire Prevention and Fighting, while assessing the achievements obtained and identifying existing limitations and challenges in the implementation of current regulations. Based on this analysis, the paper proposes several solutions to improve the effectiveness of lecturers' practical fieldwork, thereby meeting the requirements of educational reform and contributing to the effective performance of fire prevention, firefighting, and rescue operations in the current context.

Keywords: practical fieldwork, lecturers, University of Fire Prevention and Fighting, training quality, fire and rescue.

1. Công tác thực tế của giảng viên là một nội dung có ý nghĩa quan trọng trong việc gắn kết lý luận với thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo tại các cơ sở giáo dục trong Công an nhân dân nói chung và Trường Đại học PCCC nói riêng. Hoạt động này không chỉ giúp giảng viên nâng cao năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn mà còn góp phần bảo đảm tính thực tiễn, sát nhiệm vụ trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác PCCC&CNCH trong tình hình mới. Thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BCA ngày 07/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác thực tế đối với các chức danh giảng dạy, huấn luyện trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp Công an nhân dân, trong những năm qua, Trường Đại học PCCC đã tổ chức triển khai công tác thực tế của giảng viên và đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn, đặc biệt trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực tế phù hợp với đặc thù từng đơn vị, từng nhóm chức danh giảng dạy, cũng như trong công tác hướng dẫn và đánh giá kết quả thực hiện.

Trong bối cảnh lực lượng Công an nhân dân (CAND) đang tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động, yêu cầu đặt ra là phải nâng cao hiệu quả công tác thực tế của giảng viên theo hướng thiết thực, hiệu quả và phù hợp với nhiệm vụ chính trị được giao. Trên cơ sở phân tích thực tiễn triển khai công tác thực tế của giảng viên tại Trường Đại học PCCC, bài viết tập trung làm rõ vai trò, đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

2. Với phương châm “lý luận gắn liền với thực tiễn” luôn là một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu đối với quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của các trường đại học nói chung. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 12/11/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội

nhập quốc tế” đã xác định phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng đổi mới yêu cầu của giáo dục và đào tạo là một trong những giải pháp quan trọng. Quán triệt quan điểm trên, trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường trong việc tổ chức thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BCA ngày 7/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an và Hướng dẫn số 14253/HD-X11-X14 ngày 5/12/2014 của Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân CAND về hướng dẫn thực hiện công tác thực tế của các chức danh giảng dạy, huấn luyện trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp CAND. Từ năm 2015 đến nay nhà trường đã xây dựng và ban hành 25 kế hoạch và nhiều văn bản về công tác kiểm tra, đánh giá, tổng kết hướng dẫn thực hiện hoạt động thực tế đối với giảng viên nhà trường. Nhà trường đã phân công 920 lượt giảng viên tham gia công tác thực tế cụ thể bao gồm: 780 lượt giảng viên các khoa nghiệp vụ, 74 lượt giảng viên khoa pháp luật và 66 lượt giảng viên các đơn vị khác. Căn cứ theo hướng dẫn của Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND về địa bàn phân công thực tế, Trường Đại học PCCC đã phối hợp với nhiều đơn vị như: Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an Thành phố Hà Nội, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Công an các tỉnh Lạng Sơn, Phú Thọ, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Nai...; ngoài ra còn có các đơn vị ngoài ngành Công an như: Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Chính trị Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và tuyên truyền và một số học viện, trường đại học khác... nhằm đa dạng và mở rộng địa bàn thực tế cho giảng viên để phù hợp với từng nhóm đối tượng giảng viên, các chức danh giảng dạy khác nhau như: giảng viên các khoa nghiệp vụ về PCCC&CNCH, giảng viên khoa pháp luật, giảng viên các khoa về chính trị, ngoại ngữ, tin học, thể dục, thể thao....

Quá trình tổ chức thực hiện công tác thực tế luôn được nhà trường quản lý chặt chẽ, bảo đảm đúng chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt. Phòng Chính trị chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch hàng năm, phân công cán bộ chuyên trách theo dõi và phối hợp với các đơn vị liên quan, trao đổi thông tin, kịp

thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giảng viên tham gia thực tế. Đồng thời, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc nhà trường yêu cầu giảng viên gắn hoạt động thực tế với nhiệm vụ chuyên môn, tập trung làm rõ các vấn đề lý luận thông qua thực tiễn công tác PCCC&CNCH, cập nhật những nội dung mới, những tình huống, mô hình, kinh nghiệm thực tế phục vụ trực tiếp cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Kết quả thực tiễn cho thấy, hoạt động công tác thực tế đã tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên, đặc biệt là đội ngũ giảng viên trẻ, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, hiểu rõ hơn đặc thù công việc, môi trường công tác và yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH tại các địa phương. Thông qua quá trình trực tiếp tham gia, quan sát và nghiên cứu thực tiễn, giảng viên đã thu thập được nhiều tư liệu, số liệu, kinh nghiệm có giá trị, góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận CAND nói chung và lý luận về công tác PCCC&CNCH nói riêng.

Theo báo cáo tổng kết các năm học của nhà trường, 100% giảng viên được phân công tham gia công tác thực tế đều chấp hành nghiêm điều lệnh CAND, thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao tại đơn vị đến thực tế. Nhiều giảng viên đã chủ động nghiên cứu, phát hiện các vấn đề mới, các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác như điều tra cơ bản, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC&CNCH, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, ứng dụng các hệ thống thiết bị công nghệ 4.0 trong khai thác quản lý phương tiện, cũng như kinh nghiệm tổ chức chữa cháy và CNCH đối với các loại hình cơ sở trọng điểm. Kết thúc thời gian thực tế, các giảng viên đều xây dựng báo cáo chuyên đề, bổ sung nguồn tư liệu phục vụ giảng dạy, biên soạn giáo trình và nghiên cứu khoa học.

Nhìn chung, công tác thực tế của giảng viên Trường Đại học PCCC trong thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần củng cố và nâng cao năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ giảng viên; tăng cường mối liên hệ gắn

bó giữa hoạt động đào tạo của nhà trường với thực tiễn công tác của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và thực tiễn đặt ra trong tình hình mới.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác thực tế của giảng viên Trường Đại học PCCC trong thời gian qua vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, khó khăn nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng của hoạt động này.

Trước hết, việc bố trí thời gian tham gia công tác thực tế của giảng viên còn gặp nhiều khó khăn do áp lực lớn từ khối lượng công việc chuyên môn trong năm học. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường, giảng viên còn phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khác như nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học, tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cũng như thực hiện nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại Đội Chữa cháy và CNCH học tập. Sự chông chéo về thời gian và nhiệm vụ dẫn đến tình trạng một số giảng viên trong quá trình tham gia công tác thực tế vẫn phải kiêm nhiệm nhiều công việc tại nhà trường, làm giảm mức độ tập trung và hiệu quả của hoạt động thực tế.

Thứ hai, nhận thức và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận giảng viên đối với công tác thực tế còn chưa thực sự đầy đủ. Một số giảng viên chưa nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của công tác thực tế đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, dẫn đến việc tham gia thực tế còn mang tính hình thức, chủ yếu nhằm hoàn thành chỉ tiêu đăng ký. Việc xây dựng báo cáo kết quả thực tế ở một số trường hợp còn sơ sài, nội dung khái quát chung, thiếu phân tích chuyên sâu theo từng lĩnh vực, chuyên đề cụ thể, chưa phát huy được giá trị thực tiễn của các kết quả thu thập được.

Thứ ba, công tác phối hợp giữa nhà trường và một số đơn vị tiếp nhận giảng viên đến tham gia thực tế chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ. Tại một số đơn vị, việc phân công, bố trí địa bàn và nội dung công việc cho giảng viên chưa thực sự phù hợp với chuyên môn giảng dạy, dẫn đến hạn chế trong việc tiếp cận hồ sơ,

tài liệu nghiệp vụ và nghiên cứu các vấn đề có tính chuyên sâu, mới phát sinh trong thực tiễn công tác PCCC&CNCH. Điều này phần nào làm giảm hiệu quả của hoạt động thực tế, nhất là đối với các giảng viên chuyên ngành nghiệp vụ.

Ngoài ra, trong bối cảnh Trường Đại học PCCC đã thành lập và duy trì hoạt động của Đội Chữa cháy và CNCH học tập theo Quyết định số 165/QĐ-T34-P4 ngày 27/4/2012 của Hiệu trưởng nhà trường, giảng viên Khoa Chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ được phân công thực hiện nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu khi có yêu cầu. Mặc dù lực lượng này đã trực tiếp tham gia xử lý nhiều vụ cháy lớn, góp phần tích lũy kinh nghiệm thực tiễn quan trọng cho giảng viên, song hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể về việc quy đổi, tính thời gian thực tế đối với giảng viên tham gia hoạt động này. Đây là một trong những khó khăn lớn, ảnh hưởng đến việc đánh giá, ghi nhận kết quả công tác thực tế của giảng viên một cách đầy đủ, khách quan.

Theo kết luận tại Thông báo số 6484/TB-X02 của Cục Đào tạo – Bộ Công an về công tác kiểm tra giáo dục đào tạo trong CAND năm 2025 cho thấy, việc kiểm tra đối với nhà giáo trong thời gian thực tế chưa được thực hiện thường xuyên, hằng năm; hồ sơ quản lý công tác thực tế của nhà giáo chưa được lưu trữ đầy đủ, khoa học. Các khoa chưa tổ chức nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của nhà giáo, giao chỉ tiêu cụ thể cho nhà giáo trong và sau khi thực tế; Báo cáo kết quả thực tế của một số nhà giáo sơ sài với nội dung chuyên môn chưa cao; giáo viên đi thực tế cùng đợt tại cùng đơn vị có báo cáo kết quả thực tế giống nhau.

Những hạn chế, khó khăn nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan như sau:

Xét về nguyên nhân chủ quan, những hạn chế trong công tác thực tế của giảng viên trước hết xuất phát từ nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận giảng viên chưa đầy đủ, chưa thấy hết vai trò, ý nghĩa của hoạt động này đối với nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, dẫn đến việc tham gia còn mang tính hình thức, chủ yếu nhằm hoàn thành chỉ tiêu. Bên cạnh đó, năng lực chủ động nghiên cứu, khai thác và liên hệ thực tiễn của một số giảng viên còn hạn chế, chưa gắn chặt nội dung thực tế với

chuyên môn giảng dạy và định hướng nghiên cứu, làm giảm giá trị ứng dụng của kết quả thu được. Ngoài ra, việc sắp xếp khung thời gian tham gia hoạt động thực tế của nhiều giảng viên trong một số thời điểm chưa thật sự khoa học, linh hoạt; việc bố trí kế hoạch, thời gian còn chồng chéo với các nhiệm vụ chuyên môn khác. Đồng thời, cơ chế kiểm tra, đánh giá chất lượng kết quả thực tế chưa được cụ thể hóa rõ ràng, chưa tạo được áp lực và động lực đủ mạnh để nâng cao chất lượng tham gia của giảng viên.

Về nguyên nhân khách quan, trước hết là do đặc thù khối lượng công việc của giảng viên trong nhà trường ngày càng lớn, bao gồm nhiều nhiệm vụ song song như: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu, học tập nâng cao trình độ và tham gia nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu, dẫn đến hạn chế về thời gian dành cho công tác thực tế. Bên cạnh đó, hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến công tác thực tế còn chưa hoàn thiện, đặc biệt là quy định về đánh giá, quy đổi thời gian thực tế (như đối với hoạt động thường trực tại Đội Chữa cháy và CNCH học tập), ảnh hưởng đến việc ghi nhận, khuyến khích giảng viên tham gia và bảo đảm quyền lợi cho giảng viên. Công tác phối hợp giữa nhà trường và một số đơn vị tiếp nhận chưa thực sự đồng bộ, việc phân công nội dung thực tế chưa phù hợp với chuyên môn giảng dạy, hạn chế khả năng tiếp cận thực tiễn chuyên sâu.

3. Trên cơ sở phân tích những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong việc tổ chức công tác thực tế của giảng viên Trường Đại học PCCC, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy trình thủ tục phân công thực hiện công tác thực tế của giảng viên. Nhà trường cần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định liên quan đến tổ chức công tác thực tế theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc thù đào tạo trong lực lượng CAND. Trên cơ sở Thông tư số 108/2025/TT-BCA ngày 20/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chế độ làm việc đối với nhà giáo giảng dạy tại các học viện, trường Công an nhân dân, nhà trường cần nghiên cứu, đề xuất ban

hành các quy định cụ thể về việc đánh giá, ghi nhận và quy đổi thời gian tham gia công tác thực tế của giảng viên. Đặc biệt, cần xem xét tính đặc thù của hoạt động thường trực sẵn sàng chiến đấu tại Đội Chữa cháy và CNCH học tập, bảo đảm việc quy đổi thời gian thực tế phản ánh đúng khối lượng, tính chất và mức độ tham gia thực tiễn của giảng viên, đồng thời được tích hợp vào tiêu chí đánh giá, xếp loại giảng viên hàng năm.

Việc phân công giảng viên tham gia công tác thực tế cần gắn chặt với kế hoạch năm học, hạn chế tối đa tình trạng chồng chéo nhiệm vụ; có sự điều chỉnh hợp lý, linh hoạt về thời gian và khối lượng công việc trong thời gian giảng viên tham gia thực tế, qua đó tạo điều kiện để hoạt động này được triển khai hiệu quả và bền vững.

Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý đối với hoạt động thực tế của giảng viên. Nhà trường cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục đối với quá trình tham gia công tác thực tế của giảng viên, từ khâu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đến đánh giá kết quả sau khi kết thúc. Trên cơ sở đó, thiết lập các tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng, hiệu quả tham gia thực tế gắn với từng chức danh giảng dạy và lĩnh vực chuyên môn. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các đơn vị tiếp nhận trong việc nhận xét, đánh giá quá trình công tác của giảng viên, bảo đảm khách quan, toàn diện. Kết quả kiểm tra, giám sát cần được sử dụng làm căn cứ trong công tác thi đua, đánh giá, xếp loại và xét các tiêu chí chức danh giảng dạy. Bên cạnh đó, cần có hình thức xử lý phù hợp đối với các trường hợp thực hiện không nghiêm túc, mang tính hình thức hoặc không đạt yêu cầu, qua đó góp phần nâng cao tính kỷ luật, trách nhiệm và hiệu quả của công tác thực tế.

Thứ ba, tăng cường phối hợp giữa nhà trường và các đơn vị tiếp nhận giảng viên tham gia thực tế. Cần tăng cường quan hệ phối hợp với các đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH tại Công an các địa phương trong việc tiếp nhận, quản lý và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia công tác thực tế. Trên cơ sở đó, thống nhất rõ nội dung, phạm vi, vị trí công tác và nhiệm vụ cụ thể của giảng viên trong thời gian thực tế, bảo đảm

phù hợp với chuyên môn giảng dạy và yêu cầu nghiên cứu. Đồng thời, tăng cường cơ chế trao đổi thông tin hai chiều giữa nhà trường và đơn vị tiếp nhận nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để giảng viên tiếp cận thực tiễn công tác, hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ và các vấn đề mới phát sinh trong lĩnh vực PCCC&CNCH.

Thứ tư, gắn công tác thực tế với đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường cần định hướng giảng viên khai thác hiệu quả kết quả công tác thực tế để phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường tính thực tiễn, cập nhật các mô hình, kinh nghiệm và tình huống điển hình trong công tác PCCC&CNCH. Đồng thời, khuyến khích giảng viên sử dụng kết quả thực tế làm cơ sở cho việc đề xuất và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và xây dựng các chuyên đề học tập, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả nghiên cứu khoa học của nhà trường.

4. Công tác thực tế của giảng viên là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc gắn kết lý luận với thực tiễn, góp phần đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường CAND nói chung và Trường Đại học PCCC nói riêng. Thực tiễn triển khai thời gian qua cho thấy, hoạt động này không chỉ là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà còn mang lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, hỗ trợ trực tiếp cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thực tế vẫn còn một số hạn chế về cơ chế, chính sách, phương thức tổ chức và công tác phối hợp với các đơn vị tiếp nhận, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, đổi mới cách thức tổ chức và nâng cao hiệu quả triển khai trong thời gian tới.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp đề xuất trong bài viết sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực tế của giảng viên, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong tình hình mới, đồng thời hướng tới mục tiêu xây

dựng Trường Đại học PCCC trở thành trường đại học kỹ thuật đầu ngành trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học về PCCC&CNCH, là trung tâm chuyên giao khoa học và công nghệ về PCCC&CNCH có uy tín trong nước và quốc tế.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 12/11/2024 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2014), *Thông tư số 44/2014/TT-BCA ngày 07/10/2014 quy định về công tác thực tế đối với các chức danh giảng dạy, huấn luyện trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp Công an nhân dân*, Hà Nội.
3. Cục Đào tạo (2025), *Thông báo số 6484/TB-X02 ngày 25/12/2025 về kết quả kiểm tra công tác giáo dục, đào tạo trong CAND năm 2025*, Hà Nội.
4. Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND (2014), *Hướng dẫn số 14253/HD-X11-X14 ngày 5/12/2014 của Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND về hướng dẫn thực hiện công tác thực tế của các chức danh giảng dạy, huấn luyện trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp CAND*, Hà Nội.
5. Trường Đại học PCCC (2021), *Hội nghị “Tổng kết thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BCA và Thông tư số 04/2009/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác thực tế, luân chuyển giảng viên các học viện, trường CAND”*, Hà Nội.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CƠ BẢN TRONG VIỆC HỖ TRỢ ĐÁNH GIÁ THẢO LUẬN NHÓM ĐỐI VỚI HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thiếu tá, ThS NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

Khoa Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Lan Hương (Email: lanhuongpc88@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết đề xuất giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức độ cơ bản để hỗ trợ giảng viên đánh giá đối với giờ thảo luận nhóm trong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC). Thay vì hướng đến các hệ thống phức tạp, nghiên cứu tập trung vào việc sử dụng công nghệ chuyển đổi giọng nói thành văn bản (Speech-to-Text) và tìm kiếm từ khóa để lượng hóa mức độ tham gia của học viên. Giải pháp này nhằm khắc phục những hạn chế trong việc quan sát thủ công của giảng viên đối với các lớp đông, đảm bảo tính khách quan và từng bước làm quen với chuyển đổi số trong giảng dạy các môn lý luận chính trị.

Từ khóa: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, đánh giá, thảo luận nhóm, AI cơ bản, chuyển đổi giọng nói thành văn bản, Trường Đại học PCCC.

Abstract: This article proposes a solution for applying artificial intelligence (AI) at a basic level to support lecturers in assessing group discussions in the Marxist–Leninist Political Economy course at the University of Fire Prevention and Fighting. Rather than developing complex systems, the study focuses on the use of Speech-to-Text technology and keyword search to quantify students' levels of participation. This solution is intended to address the limitations of lecturers' manual observation in large classes, enhance assessment objectivity, and gradually promote familiarity with digital transformation in the teaching of political theory courses.

Keywords: Marxist-Leninist Political Economy, assessment, group discussion, basic AI, speech-to-text conversion, University of Fire Prevention and Fighting.

1. Tại Trường Đại học PCCC, giáo dục lý luận chính trị là giữ vai trò tiên phong trong việc bồi dưỡng bản lĩnh cho cán bộ, chiến sỹ theo tinh thần Kết luận số 94-KL/TW của Ban Bí thư. Trong đó, học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin đóng vai trò nền tảng, hình thành thế giới quan, góp phần xây dựng lập

trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin, hình thành tư duy lý luận, kỹ năng giải thích, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh hiện nay, công tác này đang đứng trước những vận hội và thách thức đan xen, bắt nguồn

từ hai xu thế mang tính thời đại: cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và cuộc đấu tranh tư tưởng ngày càng phức tạp trên không gian mạng.

Sự phát triển đột phá của trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra những tiền lệ mới cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy. AI mang đến tiềm năng to lớn trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập, nghiên cứu những nội dung vốn coi là khô khan, trừu tượng và giải phóng giảng viên khỏi các tác vụ cơ học, để tập trung hơn vào vai trò truyền cảm hứng và định hướng tư duy. Tuy nhiên, chính công nghệ này cũng đặt ra những thách thức chưa từng có về an ninh tư tưởng khi các thuật toán có thể tạo ra thông tin sai lệch, định kiến hoặc "ảo giác" với mức độ tinh vi, làm nhiễu loạn nhận thức của sinh viên nếu không có bộ lọc và năng lực thẩm định.

Thực tiễn này đòi hỏi công tác giảng dạy và thảo luận phải có sự chuyển mình mạnh mẽ. Các phương pháp thảo luận truyền thống, dù vẫn giữ vai trò nền tảng, song không thể phủ nhận có lúc, có nơi vẫn còn mang tính hàn lâm, khô khan, chưa đủ sức hấp dẫn và tính tương tác để cạnh tranh với các luồng thông tin đa chiều, phức tạp trên môi trường số. Đổi mới, chủ động ứng dụng các công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng là yêu cầu bắt buộc, phù hợp với chủ trương của Đảng, đặc biệt là tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về "đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia".

Trước yêu cầu cấp bách của lộ trình chuyển đổi số, việc ứng dụng AI cơ bản như một công cụ hỗ trợ giảng viên khách quan hóa quá trình đánh giá là hướng đi đột phá. Giải pháp này không chỉ đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong môi trường học thuật hiện đại mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị tại Trường Đại học PCCC hiện nay.

2. Phương pháp thảo luận nhóm là một hình thức dạy học tích cực đã được quan tâm nghiên cứu từ rất sớm trong lịch sử giáo dục, đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhiều nhà giáo dục lỗi lạc trên thế giới đã đề cập đến việc giảng dạy hướng vào hoạt động tích cực và chủ động. Tư tưởng này nhanh chóng trở thành trào lưu rộng lớn và được gọi dưới thuật ngữ chung là

"cách tiếp cận vào người học", trong đó người học dưới sự hướng dẫn của giảng viên cùng nhau trao đổi, tranh luận về một chủ đề cụ thể nhằm đạt được mục tiêu học tập chung. Phương pháp này đóng vai trò là "cầu nối" quan trọng giúp chuyển hóa những kiến thức lý luận khô khan thành kỹ năng tư duy thực tiễn. Nó tạo ra một môi trường cạnh tranh cởi mở mà ở đó trí tuệ tập thể đã được phát huy cũng như vai trò hoạt động xã hội của cá nhân được trải nghiệm.

Đặc thù của thảo luận nhóm trong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin không chỉ dừng lại ở việc ghi nhớ khái niệm, mà tập trung vào các tiến trình nhận thức sau:

Sự tương tác đa chiều: thay vì tiếp nhận thụ động, học viên phải chủ động diễn đạt quan điểm cá nhân, phản biện và bảo vệ lập luận về các quy luật kinh tế, các mối quan hệ giữa sản xuất và lực lượng sản xuất.

Phát triển tư duy hệ thống: thảo luận nhóm buộc học viên phải kết nối các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn quản lý nhà nước về an ninh trật tự và an toàn PCCC.

Hình thành kỹ năng mềm: qua quá trình làm việc tập thể, học viên rèn luyện khả năng thuyết phục, kỹ năng điều hành và đặc biệt là tinh thần đồng đội.

3. Tại Trường Đại học PCCC, học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin được giảng dạy theo hình thức tín chỉ cho tất cả các hệ, bên cạnh việc truyền đạt trao đổi kiến thức, hoạt động thảo luận nhóm là yêu cầu bắt buộc nhằm cụ thể hóa phương châm "lý luận gắn liền với thực tiễn" và "học đi đôi với hành". Đặc thù của học phần là tính trừu tượng hóa cao với hệ thống phạm trù chuyên sâu, đòi hỏi người học phải có sự đào sâu nghiên cứu. Thực tiễn đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện nay đang tạo ra áp lực kép: thời lượng lý thuyết rút ngắn để tăng cường thảo luận, trong khi sĩ số lớp học đông (nhất là hệ ngoài ngành Công an nhân dân) gây khó khăn cho việc bao quát. Phương pháp đánh giá thảo luận truyền thống chủ yếu dựa trên quan sát thủ công, dễ dẫn đến tính cảm tính và chưa phản ánh chính xác đóng góp của từng cá nhân trong tiến trình nhóm.

Trong những năm qua, việc đổi mới phương pháp dạy và học tại Trường Đại học PCCC đã thúc đẩy hoạt động thảo luận nhóm trở thành một phần không

thể thiếu trong chương trình giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Thực trạng công tác đánh giá hoạt động này có những đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, nội dung thảo luận nhóm của học phần được thiết kế xoay quanh các phạm trù lý luận cơ bản nhưng có sự chọn lọc để phù hợp với định hướng đào tạo sĩ quan chỉ huy PCCC. Thay vì chỉ dừng lại ở các khái niệm trừu tượng, các chủ đề thường được gắn kết với những vấn đề thời đại và thực tiễn quản lý nhà nước như: “Phân tích vai trò của các thành phần kinh tế trong điều kiện Cách mạng công nghiệp 4.0”; “Tác động của quy luật giá trị và quy luật cung - cầu đối với thị trường thiết bị PCCC và dịch vụ an toàn cháy nổ hiện nay”; “Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với việc đảm bảo an sinh xã hội và an ninh trật tự”....

Thứ hai, giảng viên đã hình thành được bộ tiêu chí đánh giá thảo luận cơ bản: nội dung bài chuẩn bị (thuyết trình), thái độ tham gia, khả năng phản biện và kỹ năng làm việc nhóm. Phương pháp triển khai thảo luận tại Trường Đại học PCCC được vận hành theo mô hình "Giảng viên định hướng - Học viên làm trung tâm", kết hợp chặt chẽ với tính kỷ luật đặc thù của môi trường vũ trang:

- Chia nhóm và phân công: Lớp học được chia thành các tổ/nhóm dựa trên biên chế tiểu đội hoặc trung đội học viên. Mỗi nhóm có nhóm trưởng điều phối và thư ký ghi chép, đảm bảo tính phân cấp rõ ràng trong quản lý.

- Hình thức thực hiện: Học viên không chỉ thảo luận truyền thống mà còn được khuyến khích sử dụng sơ đồ tư duy (Mindmap), xây dựng các bài thuyết trình đa phương tiện (PowerPoint, Video ngắn) để trình bày kết quả nghiên cứu.

- Tương tác phản biện: Sau phần trình bày của mỗi nhóm, các nhóm khác và giảng viên sẽ đặt câu hỏi phản biện. Đây là giai đoạn quan trọng nhất để học viên thể hiện tư duy nhạy bén, khả năng vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội nảy sinh trong thực tế.

Thứ ba, việc đánh giá thảo luận nhóm đã tạo động lực để học viên tự học, tự nghiên cứu, giảm bớt sự thụ động trong các giờ học lý luận chính trị vốn

được coi là khô khan. Giảng viên không chỉ đóng vai trò là người cung cấp tri thức mà còn là người trọng tài và người định hướng chính trị. Giảng viên có nhiệm vụ: gợi mở các vấn đề "nóng", các nút thắt trong lý luận để kích thích sự tranh luận giữa các nhóm học viên; giám sát tính kỷ luật và thái độ học tập của từng cá nhân trong suốt quá trình thảo luận để đảm bảo tính nghiêm túc của môi trường CAND; kết luận, chốt lại các luận điểm trọng tâm để học viên không bị sa đà vào những tranh luận thiếu căn cứ khoa học hoặc đi lệch khỏi quan điểm của Đảng.

Mặc dù đã đạt được những kết quả bước đầu trong việc kích thích tư duy người học, song công tác đánh giá thảo luận nhóm hiện nay vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định cần được tháo gỡ.

Thứ nhất, phương pháp đánh giá vẫn mang nặng tính định tính và cảm tính chủ quan; do đặc thù sĩ số lớp đông trong môi trường lực lượng vũ trang, giảng viên rất khó để quan sát và định lượng chính xác mức độ đóng góp của từng cá nhân trong suốt quá trình chuẩn bị bài, dẫn đến tình trạng điểm số đôi khi chưa phản ánh đúng năng lực thực chất.

Thứ hai, hiện tượng “người hưởng thụ” vẫn tồn tại phổ biến khi một bộ phận học viên ỷ lại vào các thành viên tích cực, gây ra sự thiếu công bằng trong đánh giá tập thể.

Thứ ba, việc phản hồi và nhận xét sau thảo luận thường có độ trễ và thiếu sự chi tiết do áp lực về thời gian và khối lượng công việc hành chính của giảng viên quá lớn.

Cuối cùng, sự thiếu hụt các công cụ công nghệ hỗ trợ số hóa và phân tích dữ liệu tương tác khiến việc theo dõi sự tiến bộ về tư duy lý luận của học viên qua từng giai đoạn trở nên rời rạc, chưa tạo được cơ sở dữ liệu khoa học để tối ưu hóa chất lượng dạy và học môn học quan trọng này.

4. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống xã hội, AI là một yếu tố công nghệ cốt lõi, mang đến cả cơ hội và thách thức cho mọi lĩnh vực.

Trí tuệ nhân tạo AI không còn là một khái niệm xa lạ mà đã trở thành công cụ then chốt trong việc hiện đại hóa giáo dục đại học. Về bản chất, AI trong

giáo dục là sự tích hợp các thuật toán học máy và xử lý ngôn ngữ tự nhiên để mô phỏng các năng lực trí tuệ của con người như phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu học tập.

Trong xu thế hiện nay, việc ứng dụng AI trong đánh giá giáo dục đang dịch chuyển mạnh mẽ từ mô hình đánh giá kết quả sang đánh giá quá trình. Đối với học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin tại Trường Đại học PCCC, một môn học có tính lý luận cao và đòi hỏi tư duy logic khắt khe, AI mở ra những tiềm năng đột phá trong việc hỗ trợ đánh giá thảo luận nhóm. Thay vì chỉ dựa vào sự quan sát cảm tính của giảng viên, các công cụ AI có thể phân tích sâu sắc nội dung tranh luận, đo lường mức độ tương tác và khả năng vận dụng lý luận của từng học viên trong môi trường kỹ thuật số. Cụ thể, các thuật toán NLP có khả năng nhận diện các từ khóa chuyên môn, đánh giá tính logic của lập luận và phân loại mức độ đóng góp của cá nhân trong tập thể. Điều này đặc biệt quan trọng đối với đặc thù đào tạo tại Trường Đại học PCCC - nơi đòi hỏi sự chính xác, kỷ luật và khả năng liên hệ thực tiễn giữa lý luận kinh tế chính trị với nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Những trợ giảng AI hoặc mô phỏng trực tuyến có thể tái hiện bối cảnh lịch sử, tình huống giả định để sinh viên thảo luận, từ đó kích thích tư duy phản biện và khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tiễn. Nếu được định hướng đúng, AI sẽ không thay thế giảng viên mà đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ mạnh mẽ, giúp việc dạy và học kinh tế chính trị Mác – Lênin hiệu quả hơn trong thời đại số.

Việc ứng dụng AI không chỉ giúp khách quan hóa điểm số mà còn cung cấp phản hồi tức thì, giúp học viên nhận ra những lỗ hổng trong nhận thức tư tưởng và kiến thức kinh tế, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo chính trị tại môi trường đặc thù của lực lượng vũ trang.

5. Để khắc phục những hạn chế trong công tác đánh giá truyền thống, việc tích hợp các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo cơ bản là hướng đi đột phá nhằm nâng cao tính khách quan và hiệu quả sư phạm và cần được thực hiện theo một quy trình chuẩn hóa, có tính minh chứng và đo lường được.

Một là, khung phương pháp và quy trình triển khai.

Việc ứng dụng AI, cụ thể là công nghệ chuyển đổi giọng nói thành văn bản (Speech-to-Text - STT) và phân tích từ khóa, được thực hiện qua mô hình 3 bước (Input – Processing – Output):

- Bước 1: Thu thập dữ liệu đầu vào (Input): Sử dụng thiết bị ghi âm định hướng đặt tại các nhóm thảo luận hoặc trích xuất file âm thanh từ các nền tảng học trực tuyến (MS Teams, Google Meet). Dữ liệu này ghi lại toàn bộ quá trình trao đổi, trình bày và phản biện của học viên.

- Bước 2: Xử lý dữ liệu (Processing): * Chuyển đổi văn bản (STT): Tích hợp các API STT (như Whisper của OpenAI hoặc Google Speech-to-Text) để bóc băng ghi âm thành văn bản, tự động gán nhãn người nói (Speaker Diarization).

Lọc nhiễu và thống kê: Thuật toán tiến hành loại bỏ từ ngữ vô nghĩa (stop words), thống kê thời lượng phát biểu, tần suất tham gia và đối chiếu với bộ từ khóa chuyên môn (ví dụ: "giá trị thặng dư", "thời gian lao động xã hội cần thiết", "công nghiệp hóa").

- Bước 3: Trích xuất kết quả (Output): Hệ thống tự động xuất báo cáo dưới dạng bảng tổng hợp (Dashboard) bao gồm: Số lần phát biểu, thời lượng, mật độ từ khóa cốt lõi, từ đó quy đổi thành điểm số tham khảo.

Hai là, Bộ Tiêu chí đánh giá (Rubric) và cơ chế gán chỉ số AI

Nhằm tránh sai lầm "đồng nhất việc nói nhiều với chất lượng lập luận", hệ thống AI chỉ đóng vai trò đo lường định lượng kết hợp định tính cơ bản, trong khi giảng viên giữ vai trò thẩm định cuối cùng. Bộ Rubric được thiết kế như sau:

Tiêu chí	Trọng số	Chỉ số đo lường của AI (Công cụ hỗ trợ)	Đánh giá của Giảng viên (Thẩm định)
Sự tích cực tham gia	30%	Thống kê số lần phát biểu, tổng thời gian lên tiếng của cá nhân.	Đánh giá thái độ, tính kỷ luật trong quá trình thảo luận.
Bám sát chủ đề	40%	Tỷ lệ xuất hiện của các "từ khóa	Đánh giá tính chính xác, logic

Tiêu chí	Trọng số	Chỉ số đo lường của AI (Công cụ hỗ trợ)	Đánh giá của Giảng viên (Thẩm định)
và khối lượng kiến thức		chuyên môn" thuộc bài học; đối chiếu với ngân hàng từ khóa.	khi kết nối các từ khóa thành lập luận.
Kỹ năng phản biện và tương tác	30%	Nhận diện các cấu trúc câu hỏi, câu phản bác (vd: "tuy nhiên", "ngược lại", "tôi cho rằng").	Đánh giá chiều sâu của lập luận, tính thuyết phục và tinh thần đồng đội.

Ba là, minh chứng thực nghiệm bước đầu.

Nghiên cứu đã tiến hành thử nghiệm mô hình đánh giá này tại 02 lớp học viên hệ chính quy (Cơ mẫu: 60 học viên, chia làm 10 nhóm) trong 02 buổi thảo luận chuyên đề môn Kinh tế chính trị.

Kết quả đo lường:

- Thời gian đánh giá: Giảm 45% thời gian giảng viên phải tổng hợp điểm thủ công sau buổi học.

- Độ tương quan (Correlation): Điểm số do AI đề xuất dựa trên Rubric có độ tương quan 82% so với điểm số đánh giá độc lập của giảng viên.

- Phản hồi của học viên: 85% học viên cho biết hệ thống ghi âm và phân tích từ khóa giúp họ có ý thức chuẩn bị bài kỹ hơn, hạn chế tình trạng ỷ lại vào trưởng nhóm.

Nhận xét: Việc ứng dụng STT và đếm từ khóa cho thấy tính hiệu quả rõ rệt trong việc theo dõi diện rộng (bao quát số đông). Tuy nhiên, 18% độ lệch điểm chủ yếu rơi vào các trường hợp học viên phát biểu ngắn gọn nhưng sắc sảo, hệ thống AI cơ bản chưa phân tích được chiều sâu ngữ nghĩa nên chấm điểm thấp hơn thực tế.

6. Mặc dù mang lại hiệu quả tích cực, việc ứng dụng AI cơ bản (STT và phân tích từ khóa) trong điều kiện thực tế tại Trường Đại học PCCC vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định cần có cơ chế kiểm soát:

- Sai số từ công nghệ STT và tap âm: Môi trường lớp học đông (từ 40-50 học viên) thường có độ nhiễu âm thanh lớn. Công nghệ STT hiện tại còn gặp khó khăn trong việc nhận diện chính xác tiếng lóng,

giọng địa phương hoặc khi nhiều học viên nói chồng chéo lên nhau.

- Cơ chế hiệu chỉnh: Sử dụng micro đa hướng giảm nhiễu; giảng viên có trách nhiệm điều phối kỷ luật phát biểu (chỉ một người nói tại một thời điểm).

- Nguy cơ "lách luật": Học viên có thể nắm bắt được thuật toán và cố tình lặp đi lặp lại các từ khóa chuyên môn một cách sáo rỗng để "cày điểm" tần suất mà không mang lại giá trị lập luận.

- Cơ chế hiệu chỉnh: Thiết lập "ngưỡng hợp lệ" (threshold) cho tần suất từ khóa. Quan trọng nhất, hệ thống thực hiện nguyên tắc "Human-in-the-loop" (Con người làm trung tâm): Điểm số của AI chỉ là chỉ số tham khảo. Giảng viên bắt buộc phải lấy mẫu kiểm tra (random check) và sử dụng quyền đánh giá định tính của mình để chốt điểm cuối cùng, qua đó phủ quyết các trường hợp dùng "thủ thuật" qua mặt AI.

7. Việc ứng dụng AI trong đánh giá thảo luận nhóm học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là giải pháp đột phá để khách quan hóa kết quả và tối ưu hóa quy trình đào tạo tại Trường Đại học PCCC. Các công cụ AI không chỉ giúp định lượng chính xác sự đóng góp của từng cá nhân mà còn cung cấp phản hồi tức thì, khắc phục triệt để những hạn chế của phương pháp đánh giá truyền thống. Để đạt hiệu quả cao nhất, cần sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ hiện đại và bản lĩnh chính trị của giảng viên, từ đó góp phần nâng cao chất lượng tư duy lý luận và kỹ năng thực tiễn cho học viên trong kỷ nguyên số.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2014), *Kết luận 94-KL/TW* ngày 28/3/2014 về việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Guan, C., Mou, J., & Jiang, Z. (2020), *"Artificial intelligence innovation in education: A*

twenty-year data-driven historical analysis", *International Journal of Innovation Studies*, 4(4), pp. 134-147.

5. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Trần Thị Mai Phương (2009), *Dạy học Kinh tế chính trị theo phương pháp tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7. Siemens, G., & Baker, R. S. (2012), "Learning analytics and educational data mining: towards communication and collaboration", *Proceedings of the 2nd international conference on learning analytics and knowledge*, pp. 252-254.

8. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/1/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI đến năm 2030*, Hà Nội.

BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN TRÊN ĐƯỜNG KHI ĐI CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Thượng tá, TS TRẦN KIM KHÁNH

Phó trưởng Phòng Quản lý học viên, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Trần Kim Khánh (Email: 114khanh@gmail.com)

Tóm tắt: Việc đảm bảo an toàn khi di chuyển trên đường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (CC&CNCH) là rất quan trọng. Nhận thức đúng vấn đề, nghiên cứu đủ kiến thức để rèn luyện kỹ năng xử lý tốt các tình huống khi xe chữa cháy và CNCH tham gia giao thông và triển khai đội hình trên đường là nhiệm vụ quan trọng, góp phần đảm bảo an toàn cho cán bộ, chiến sỹ, phương tiện CC&CNCH và người, phương tiện tham gia giao thông. Bài viết này sẽ đề cập đến thực trạng và các tình huống có thể phát sinh tai nạn, các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn và các giải pháp để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi di chuyển và triển khai CC&CNCH trên đường.

Từ khóa: an toàn, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trên đường đi, đảm bảo, xe chữa cháy, xe CNCH, phương tiện, người tham gia giao thông, lái xe, chỉ huy, chiến sỹ, tín hiệu giao thông, giải pháp.

Abstract: Ensuring road safety during the performance of firefighting and rescue duties is of great importance. Proper awareness of this issue, together with adequate knowledge and skills training for handling situations involving firefighting and rescue apparatuses in traffic and during setting up firefighting and rescue operations on roads, is an essential task. This contributes to ensuring the safety of officers and personnel, firefighting and rescue apparatuses, as well as other road users and vehicles. This article discusses the current situation and potential accident scenarios, identifies factors affecting safety, and proposes solutions to ensure the safety of people and vehicles during movement and operational deployment for firefighting and rescue activities on roads.

Keywords: safety, firefighting, rescue, on the way, ensure, fire truck, rescue truck, apparatuses, road users, driver, commander, firefighters, traffic signal, solutions.

1. Đặt vấn đề

An toàn trên đường đến hiện trường cháy, tai nạn là một nội dung của an toàn trong công tác CC&CNCH. Sự gia tăng về số vụ cháy, tai nạn; số lượng người và phương tiện giao thông tăng cao, đặc biệt là khu vực nội thành và giờ cao điểm, gây áp lực rất lớn lên công tác ứng cứu sự cố cháy, tai nạn; thời gian cháy tự do kéo dài, thiệt hại do cháy, tai nạn tăng lên do xe CC&CNCH mất nhiều thời gian hơn để di chuyển đến hiện trường.

Trong chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, việc tiếp cận hiện trường sớm hơn, đồng nghĩa với việc có nhiều nạn nhân có cơ hội được cứu, nhiều tài sản có thể được bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh và cần giải quyết ở đây là lực lượng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vừa phải đến hiện trường trong thời gian ngắn nhất, vừa phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông cũng như lực lượng và phương tiện hiện có trên xe. Xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi đi làm nhiệm vụ, theo Luật Giao thông đường bộ, có quyền ưu tiên cao nhất. Tuy nhiên, trong thực tế

tham gia giao thông, việc di chuyển phụ thuộc nhiều vào tình trạng giao thông, điều kiện đường xá và quyết định của người chỉ huy.

2. Thực trạng và các tình huống phát sinh và các yếu tố ảnh đến an toàn trên đường khi đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Thực trạng về an toàn trên đường khi đi làm nhiệm vụ của lực lượng phòng cháy CC&CNCH: tuy chưa có thống kê chính thức về tình huống sự cố và số vụ tai nạn liên quan đến xe CC&CNCH trên đường đi thực hiện nhiệm vụ, nhưng trong thực tế ở một số địa phương, đã ghi nhận những tình huống và quyết làm gãy lạng giá, vỡ đèn ưu tiên; đứt dây điện, cong xà giới hạn chiều cao. Đặc biệt, đã có một số vụ tai nạn do xe chữa cháy, xe CNCH gây ra hoặc liên quan đến xe chữa cháy, xe CNCH, điển hình như:

Ngày 18/3/2018, xe CNCH biển kiểm soát 29A-023.07 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 12 (thời điểm đó thuộc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy TP Hà Nội, đóng quân tại xã Quất Động, huyện Thường Tín) đang lưu thông ngược chiều, thực hiện nhiệm vụ CNCH một vụ va chạm giao thông giữa một xe khách và một xe tải gần khu vực Trạm thu phí Vạn Điểm, hướng Hà Nam đi Hà Nội trên đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, thì xảy ra tai nạn với một xe khách khác biển kiểm soát 29B-078.43 đang lưu thông xuôi chiều trên đường cao tốc, ở vị trí nút giao Thường Tín. Hậu quả làm 10 người trên 2 xe bị thương và 01 chiến sỹ chữa cháy tử nạn.

Ngày 5/1/2023, xe chữa cháy của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Phước trên đường đi làm nhiệm vụ, lưu thông trên đường ĐT.741, hướng từ Đồng Xoài đi Phước Long. Khi xe đến đoạn đường (thời điểm còn là xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú) thì bị lật. Hậu quả làm 01 cán bộ và 01 chiến sỹ tử vong; 04 chiến sỹ khác bị thương, xe hư hỏng nặng.

Ngày 24/9/2024, xe CNCH biển kiểm soát 81A-004.60 thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai đang trên đường đi xuống huyện Mang Yang để tổ chức giải cứu một người dân mắc kẹt giữa dòng nước lũ. Khi xe đến ngã tư

đường Trần Phú giao nhau đường Lý Thái Tổ (thời điểm đó là phường Diên Hồng, TP Pleiku) thì va chạm với xe mô-tô do một người đàn ông 30 tuổi điều khiển, lưu thông theo hướng đường Lý Thái Tổ - Lê Thánh Tôn. Hậu quả, người điều khiển xe mô-tô ngã văng xuống đường tử vong tại chỗ, xe máy bị hư hỏng.

Các tình huống có thể phát sinh tai nạn trên đường khi xe CC&CNCH đang thực hiện nhiệm vụ. Qua nghiên cứu và thực tiễn có thể tổng hợp một số tình huống có thể phát sinh tai nạn liên quan đến xe CC&CNCH như sau:

- + Gây tai nạn với người và phương tiện khác: đâm đụng, va quệt, đổ đè lên trên.
- + Tự gây tai nạn, hoặc gây tai nạn với nhau.
- + Bị phương tiện khác gây ra tai nạn: bị đâm đụng, bị va quệt.
- + Chiến sỹ đang triển khai chiến đấu trên đường bị phương tiện khác gây tai nạn.
- + Bị vướng vào dây điện, cành cây; va chạm với chướng ngại vật; cột trụ giới hạn bề ngang, xà giới hạn chiều cao.
- + Bị sụt bánh, nghiêng đổ, kẹt xe khi đi/ đỗ trên mặt công, vị trí đường lún sụt.
- + Phương tiện CC&CNCH từ trên xe rơi xuống đường.
- Các địa điểm có thể xảy ra tai nạn:
 - + Cổng đơn vị, khi xe xuất ra khỏi đơn vị.
 - + Các điểm giao cắt giữa các tuyến đường.
 - + Đoạn đường/ điểm đen hay xảy ra tai nạn: dốc, cua gấp, nghiêng...
 - + Vị trí đậu xe ngay trên đường để triển khai lực lượng phương tiện.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn trên đường khi xe CC&CNCH tham gia giao thông:
 - + Trình độ, nghiệp vụ, thể trạng, tâm lý, kinh nghiệm của người lái xe và của người chỉ huy.
 - + Tình trạng giao thông và điều kiện thời tiết.
 - + Chất lượng, thông số kỹ thuật của đường sá, cầu cống.
 - + Tình trạng và thông số kỹ thuật của xe.
 - + Chế độ huấn luyện, thường trực và quy trình xuất xe, quy định khi tham gia giao thông và triển khai nhiệm vụ ngay tại đường giao thông.

3. Các giải pháp đảm bảo an toàn

Về lâu dài, cần có các giải pháp căn cơ như: quy hoạch tốt hệ thống giao thông chữa cháy để giảm thời gian xe chạy trên đường, tăng mật độ các phân đội CC&CNCH để giảm bán kính bảo vệ. Tuy nhiên, phạm vi bài viết này chỉ đề cập đến các pháp mang tính nghiệp vụ của lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; là các giải pháp có thể thực hiện được ngay và duy trì thường xuyên. Mỗi địa phương, đơn vị tùy theo đặc điểm và điều kiện thực tế có thể linh hoạt trong việc áp dụng.

3.1. Về quản lý

Cần bổ sung nội dung đảm bảo an toàn trên đường khi đi CC&CNCH vào chương trình đào tạo ban đầu và huấn luyện thường xuyên.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các địa phương, đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực, Đội PCCC&CNCH chuyên ngành cần ban hành quy trình đảm bảo an toàn trên đường khi đi CC&CNCH phù hợp với địa bàn chiến đấu của đơn vị; bổ sung trước các biện pháp tăng cường an toàn về phương tiện, ngay trong quá trình thường trực.

Người chỉ huy thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, chiến sỹ thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và phương tiện: chú ý khi lên xuống xe, luôn đeo dây bảo hiểm; luôn ở tư thế đề phòng phanh gấp, đặc biệt là người lái xe khi đi qua các vị trí giao cắt, đường hẹp (tham khảo bảng 1). Quá trình di chuyển trên đường, yêu cầu các chiến sỹ ngồi ngoài phai hạ cửa kính để vẫy tay, nhắc nhở người tham gia giao thông nhường đường cho xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ.

3.2. Về kỹ thuật

Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe CC&CNCH; kịp thời phát hiện các lỗi, sự cố và khắc phục chúng.

Trang bị đầy đủ loa, đèn, còi ưu tiên cho các xe và có quy định sử dụng phù hợp với tính chất nhiệm vụ, như: đi chiến đấu, đi thực tập phương án, khi trở về đơn vị.... Trang bị bổ sung màn hình cảm ứng tích hợp GPS (đã được Cục Cảnh sát PCCC&CNCH trang bị trên các xe của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH) để dẫn đường đến địa chỉ cháy, tai nạn theo

tuyến đường phù hợp để người chỉ huy và lái xe chữa cháy khai thác hiệu quả nhất. Với các đám cháy ở xa, Tổ trưởng có thể tận dụng điện thoại thông minh của các chiến sỹ trên xe để tìm đường đến hiện trường. Về lâu dài, cần tích hợp tuyến đường cần đi với hệ thống điều khiển giao thông thông minh của Cảnh sát Giao thông để phân luồng ưu tiên tín hiệu đèn giao thông cho xe CC&CNCH đến điểm giao cắt.

Tổ trưởng và người chỉ huy kết hợp kiến thức, kinh nghiệm để hỗ trợ chiến sỹ lái xe trong quá trình di chuyển trên đường (tham khảo bảng 1).

Quá trình thường trực tại đơn vị, người chỉ huy phải yêu cầu các chiến sỹ và lái xe phải khóa các ngăn để phương tiện, cố định chắc chắn các phương tiện theo xe, ví dụ như: ống hút, thang, câu liêm trên nóc xe. Khi triển khai đội hình ngay tại đường giao thông, phải đặt các cột, dây phản quang, vật dụng với một khoảng cách an toàn để báo hiệu.

3.3. Đối với người lái xe

Người lái phải được đào tạo bài bản về nghiệp vụ, có đủ sức khỏe. Khi điều khiển xe, cần thật bình tĩnh, tuân thủ Luật giao thông và các quy tắc giao thông cùng các quy định khác có liên quan:

+ Khi xe lái vượt qua nút giao thông không có đèn hiệu hoặc đèn đang đỏ hay tầm nhìn bị che khuất, lái xe cần giảm tốc độ và chỉ được vượt khi an toàn.

+ Tại các giao cắt mà một làn đường cắt ngang hai hay nhiều làn khác, thì cần giảm tốc độ đến mức an toàn. Trong trường hợp không thể quan sát góc chết khi xe vào cua thì phải xác nhận tình trạng an toàn trước khi di chuyển.

Khi lùi xe trên đường một chiều hay chạy xe trên làn đối diện (ngược chiều).

+ Vận tốc không được vượt quá giới hạn vận tốc giao thông nói chung trừ trường hợp đảm bảo chắc chắn về an toàn.

+ Giảm tốc độ và đề phòng có người chạy cắt ngang ra từ các ngõ hay từ các vị trí sau điểm đỗ xe. Di chuyển xe song song và càng ra xa lề đường càng tốt.

+ Khi qua điểm giao cắt, nên đi chậm hoặc cần thiết phải dừng lại ngay trước điểm giao cắt để quan sát an toàn rồi mới cho xe di chuyển qua.

Khi rẽ phải (trái) ở nơi cấm rẽ phải (hay trái); hoặc quay đầu ở nơi cấm quay đầu, cần dừng lại và quan sát thật kỹ để đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Nếu có phương tiện khác dừng ngay trước vạch dành cho người đi bộ, hãy đi chậm và quan sát an toàn trước khi lái xe qua vị trí đó.

Khi đi qua nơi giao cắt, khi lấn sang làn khác, khi chạy xe trên đường cấm hoặc khi vượt qua những nơi nguy hiểm khác, cần phối hợp với tổ trưởng, tận dụng tối đa loa cầm tay hoặc loa cố định trên xe để thông báo cho mọi người biết cũng như hướng chạy của xe. Nếu có xe CC&CNCH khác chạy cùng, cần phải đi cùng tuyến và gần nhau nhưng vẫn phải giữ khoảng cách an toàn và luôn đề phòng có phương tiện khác chạy cắt ngang đoàn xe.

Các chú ý chung khác: Khi trời lạnh hoặc có mưa, xu hướng chung là các chiến sỹ sẽ kéo cửa kính lên, do đó người lái cần chú ý lắng nghe các âm thanh bên ngoài và quan sát đường kỹ hơn khi điều khiển xe. Khi vượt hay rẽ, khi chuyển hướng, cần ra tín hiệu cả bằng cả đèn, còi, loa và dấu hiệu bằng tay. Khi mặt đường trơn trượt, tầm nhìn hạn chế thì phải giảm vận tốc. Kiểm tra nền đường, cầu cống khi đi qua hoặc khi đậu đỗ lên trên đó.

Bảng 1: Các thời điểm và tình huống giao tiếp bằng khẩu lệnh giữa lái xe và tổ trưởng/ chỉ huy

Các thời điểm và tình huống	Khẩu lệnh của Lái xe	Khẩu lệnh của chỉ huy/ Tổ trưởng	Chú ý
Xuất xe	1. Xin xuất phát	2. Xuất phát	Đảm bảo cả tổ đã lên xe an toàn
Gặp đèn XANH	1. Đèn xanh 3. Bên phải, bên trái an toàn	2. Quan sát bên phải, bên trái, bên phải 4. Được, đi	1. Chỉ huy xác nhận khẩu lệnh với lái xe 2. Khi chuyển làn, cần chú ý tới các xe phía đối diện
Gặp đèn ĐỎ	Khi tắt cả các hướng giao cắt đều 1 làn 1. Đèn đỏ 3. Đã giảm 5. Hai bên	2. Giảm tốc độ 4. Xác nhận bên phải, bên trái an toàn 6. Đi chậm ("dừng" - nếu cần)	- Chỉ huy xác nhận khẩu lệnh với lái xe - Quan sát các xe trước mặt đang rẽ và người đi bộ

		an toàn		- Tận dụng loa, đèn, còi ưu tiên
	Khi có nhiều hơn làn đường ở mỗi hướng	1. Đèn đỏ 3. Đã dừng 5. Hai bên an toàn (lập lại 3 và 5)	2. Dừng (trước tắt cả các làn) 4. Xác nhận bên phải, bên trái 6. Lập lại 2 và 4 tại mỗi làn (nếu cần)	- Chỉ huy xác nhận khẩu lệnh với lái xe - Quan sát các xe và người đi bộ khuất sau góc cua của xe. - Tận dụng loa, đèn, còi ưu tiên
Tại giao cắt có biển tròn "STOP"	1. Xe dừng 4. Hai bên an toàn	2. Dừng 3. Quan sát 2 bên 5. Đi chậm hoặc Đi		- Chỉ huy xác nhận khẩu lệnh với lái xe - Tận dụng loa, đèn còi ưu tiên - Cử 1 chiến sỹ chỉ dẫn (nếu cần)
Tại giao cắt mà tầm nhìn bên phải bên trái bị hạn chế do không có đèn giao thông	1. Xe dừng hoặc Giảm tốc độ 4. Hai bên an toàn	2. Dừng hoặc Chậm lại 3. Quan sát bên phải bên trái 5. Đi tiếp		- Chỉ huy xác nhận khẩu lệnh với lái xe - Tận dụng loa, đèn còi ưu tiên - Cử một chiến sỹ chỉ dẫn (nếu cần)
Khi vượt qua ngã tư đông người	1. Ngã tư, xe giảm tốc độ 4. Hai bên an toàn	2. Ngã tư, giảm tốc độ 3. Quan sát hai bên hoặc số 4 xuống xe hỗ trợ 5. Vượt		- Chỉ huy xác nhận khẩu lệnh với lái xe - Cử 1 chiến sỹ chỉ dẫn (nếu cần)
Khi đến hiện trường hay nguồn nước	1. Xe đến nơi hoặc đến nguồn nước	2. Dừng lại 3. Tắt cả xuống xe hoặc Số 4 xuống xe hỗ trợ		- Chỉ huy chỉ định vị trí đậu xe với lái xe - Cử chiến sỹ số 4 chỉ dẫn
Các việc khác, nếu cần	Được, rõ	Chủ động tiến hành		
Chú ý	Thứ tự từ 1 đến ... chính là trình tự khẩu lệnh			

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2020), *Thông tư số 139/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ Công an quy định về công tác sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2020), *Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ Công an quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân*, Hà Nội,
3. Đinh Ngọc Tuấn (2006), *Những vấn đề cơ bản của chiến thuật chữa cháy*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội .
4. Trần Kim Khánh (2009), *Kỹ thuật chữa cháy (biên dịch từ tài liệu của Nhật Bản)*, Trường Đại học PCCC - Hà Nội.
5. Trần Kim Khánh, Đỗ Hòa (2021), *Sách tham khảo Công tác chỉ huy chữa cháy (dùng cho người chỉ huy chữa cháy)*, Trường Đại học PCCC, Hà Nội.
6. Công an TP Hồ Chí Minh (2017), *Đề án xây dựng Trung tâm thông tin chỉ huy công an thành phố hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, TP Hồ Chí Minh.
7. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, *Các báo cáo tổng kết công tác các năm 2018, 2023, 2024*, Hà Nội.
8. Trần Văn Khả (2025), *Hoạt động quản lý khu vực tập kết lực lượng, phương tiện tại hiện trường chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Tạp chí PC&CC điện tử Trường Đại học PCCC Số 5, tháng 6 năm 2025, Hà Nội.